

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN NHÂN CHINH

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
TỈNH BẮC NINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG
CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ**

Ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 9140114

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS Phạm Viết Vượng**
- 2. PGS.TS Vũ Lệ Hoa**

THÁI NGUYÊN - 2021

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nêu trong luận án này là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thái Nguyên, tháng 7 năm 2021

Tác giả

Nguyễn Nhân Chinh

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm trân trọng nhất, tác giả luận án xin bày tỏ lòng biết ơn đến **PGS.TS Phạm Viết Vượng** và **PGS.TS Vũ Lệ Hoa** đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn tác giả hoàn thành luận án này.

Tác giả xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu, các thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã tạo điều kiện thuận lợi cho tác giả trong thời gian học tập, nghiên cứu, hoàn thành khóa học.

Xin chân thành gửi lời cảm ơn đến lãnh đạo UBND tỉnh Bắc Ninh, Sở Tư Pháp, Công An tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, lãnh đạo các Trường Trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh đã hỗ trợ tác giả khảo sát, lấy số liệu phục vụ cho luận án.

Thái Nguyên, tháng 7 năm 2021

Tác giả

Nguyễn Nhân Chinh

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	ix
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	x
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ.....	xii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	4
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	4
4. Giả thuyết khoa học	4
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
6. Phạm vi nghiên cứu.....	5
7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	6
8. Câu hỏi nghiên cứu	8
9. Luận điểm bảo vệ	9
10. Đóng góp của luận án.....	9
11. Cấu trúc của Luận án.....	10
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ	11
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề.....	11
1.1.1. Những nghiên cứu về giáo dục pháp luật	11
1.1.2. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục pháp luật.....	14
1.2. Những khái niệm cơ bản của đề tài.....	18
1.2.1. Pháp luật.....	18
1.2.2. Giáo dục pháp luật	20

1.2.3. Quản lý giáo dục pháp luật	22
1.3. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu đặt ra đối với giáo dục pháp luật, quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường trung học phổ thông.....	23
1.3.1. Những đặc điểm cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ tư	23
1.3.2. Yêu cầu đặt ra đối với giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	25
1.3.3. Yêu cầu đặt ra đối với quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	28
1.4. Những vấn đề cơ bản về giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	30
1.4.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông.....	30
1.4.2. Mục tiêu, nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	35
1.4.3. Phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	39
1.4.4. Đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	44
1.4.5. Các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	45
1.5. Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	45
1.5.1. Lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	45
1.5.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	48
1.5.3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	50

1.5.4. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	53
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	55
1.6.1. Các yếu tố chủ quan	55
1.6.2. Các yếu tố khách quan	56
Kết luận chương 1	57
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH BẮC NINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ'.....	58
2.1. Khái quát về giáo dục THPT của Tỉnh Bắc Ninh và tổ chức khảo sát... 58	
2.1.1. Khái quát về kinh tế, văn hóa và giáo dục trung học phổ thông của tỉnh Bắc Ninh	58
2.1.2. Tổ chức khảo sát thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh.....	61
2.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	63
2.2.1. Thực trạng nhận thức về giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	63
2.2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu và nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	64
2.2.3. Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	65

2.2.4. Phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	69
2.2.5. Thực trạng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông của các lực lượng giáo dục ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	73
2.2.6. Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	74
2.2.7. Thuận lợi và khó khăn trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông.....	77
2.3. Thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	81
2.3.1. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	81
2.3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	83
2.3.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	87
2.3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	90
2.3.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh công nghiệp lần thứ tư	93

2.4. Đánh giá chung về thực trạng	95
2.4.1. Điểm mạnh	95
2.4.2. Hạn chế.....	96
2.4.3. Nguyên nhân	98
Kết luận chương 2	101
Chương 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO	
HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH BẮC NINH	
TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN	
THỨ TƯ'.....	102
3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp.....	102
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích.....	102
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa.....	102
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống.....	102
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi	103
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả.....	103
3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính bền vững	103
3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ..	104
3.2.1. Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	104
3.2.2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông.....	107
3.2.3. Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	112
3.2.4. Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT	118

3.2.5. Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT.....	121
3.2.6. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	126
3.2.7. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	130
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	133
3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	134
3.4.1. Mục đích khảo nghiệm.....	134
3.4.2. Đối tượng khảo nghiệm.....	134
3.4.3. Phương pháp khảo nghiệm.....	135
3.4.4. Kết quả khảo nghiệm về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất.....	136
3.5. Thử nghiệm sư phạm	139
3.5.1. Mục đích thử nghiệm	139
3.5.2. Giới hạn thử nghiệm	140
3.5.3. Tiến trình thực nghiệm.....	140
3.5.4. Tiêu chí đánh giá và thang đo trong thực nghiệm	141
3.5.5. Kết quả thử nghiệm.....	142
Kết luận chương 3	146
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	148
1. Kết luận	148
2. Khuyến nghị	150
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	153
TÀI LIỆU THAM KHẢO	154
PHỤ LỤC	164

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

SỐ TT	VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	CB	Cán bộ
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	CMCN	Cách mạng công nghiệp
5	CSVC	Cơ sở vật chất
6	GD	Giáo dục
7	GV	Giáo viên
8	GDPL	Giáo dục pháp luật
9	HĐ GDPL	Hoạt động giáo dục pháp luật
10	HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
11	HS	Học sinh
12	PB GDPL	Phổ biến giáo dục pháp luật
13	QL GDPL	Quản lý giáo dục pháp luật
14	QPAN	Quốc phòng an ninh
15	PL	Pháp luật
16	THPT	Trung học phổ thông
17	TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
18	CNTT	Công nghệ thông tin
19	PP	Phương pháp
20	HTTC	Hình thức tổ chức

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Xếp loại hạnh kiểm HSTHPT tỉnh Bắc Ninh năm học 2016 - 2017	59
Bảng 2.2.	Xếp loại học lực học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh năm học 2016 - 2017.....	60
Bảng 2.3.	Thực trạng mức độ đạt được mục tiêu của giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông.....	64
Bảng 2.4.	Đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh	67
Bảng 2.5.	Đánh giá mức độ thực hiện phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh	69
Bảng 2.6.	Đánh giá mức độ thực hiện hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh	71
Bảng 2.7.	Biểu hiện hành vi vi phạm pháp luật của học sinh THPT	74
Bảng 2.8.	Thuận lợi trong việc thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông.....	77
Bảng 2.9.	Khó khăn trong thực hiện GDPL cho học sinh THPT	79
Bảng 2.10.	Thực trạng lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	81
Bảng 2.11.	Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.....	84
Bảng 2.12.	Chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	87
Bảng 2.13.	Đánh giá về chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT	90
Bảng 2.14.	Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động GDPL cho học sinh các trường THPT.....	93

Bảng 3.1. Khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp	136
Bảng 3.2. Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp.....	138
Bảng 3.3a. Kết quả đánh giá kiến thức hiểu biết về pháp luật của giáo viên, cán bộ Đoàn trước thực nghiệm.....	142
Bảng 3.3b. Kết quả đánh giá năng lực thiết kế bài học và kịch bản HĐTN theo chủ đề GDPL của giáo viên, cán bộ Đoàn trước thực nghiệm	142
Bảng 3.4a. Kết quả khảo sát năng lực hiểu biết kiến thức về Luật An ninh mạng của giáo viên, cán bộ Đoàn.....	143
Bảng 3.4b. Kiểm định T -Test kết quả năng lực hiểu biết về Luật của GV, cán bộ Đoàn trước và sau thực nghiệm	144
Bảng 3.5a. Kết quả khảo sát năng lực thiết kế bài học, HĐTN	144
Bảng 3.5b. Kiểm định T - Test kết quả năng lực thiết kế bài học tích hợp và thiết kế HĐTN theo chủ đề GDPL trước và sau thực nghiệm	145

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Nhận thức của CBQL, GV, CB đoàn thanh niên và của HS về ý nghĩa, vai trò của giáo dục pháp luật cho HS THPT	63
Biểu đồ 2.2. Mức độ thường xuyên tham gia của các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục pháp luật cho HS ở các trường THPT ..	73
Biểu đồ 2.3. Thuận lợi trong việc thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông	78
Biểu đồ 2.4. Khó khăn trong thực hiện công tác GDPL cho HS THPT	80

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục pháp luật cho học sinh giữ vai trò vô cùng quan trọng nhằm tạo ra những công dân tương lai biết sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật để xây dựng “nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” của dân, do dân và vì dân ở nước ta. Học sinh THPT là những công dân tương lai cần phải nắm vững pháp luật và thực hiện đúng pháp luật trong mọi hoạt động nhằm giữ vững kỷ cương, trật tự xã hội của nhà nước pháp quyền, vì vậy GDPL cho học sinh THPT vừa là mục tiêu, vừa là nhiệm vụ, nội dung giáo dục cần thiết của nhà trường THPT.

Giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông nói chung và học sinh THPT nói riêng giúp học sinh có nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc chấp hành pháp luật, nhận diện được quy tắc hành vi ứng xử chấp hành pháp luật trong thế giới thật và thế giới ảo, có thái độ tích cực đối với việc học tập, rèn luyện để thực hiện đúng chuẩn mực pháp luật trong học tập, lao động, tham gia mạng xã hội và sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày; tích cực tuyên truyền và lôi cuốn người khác cùng tham gia chấp hành pháp luật và đấu tranh không khoan nhượng với những hành vi vi phạm pháp luật trong thực tế cuộc sống, qua đó tích cực tham gia đảm bảo tính kỷ cương, kỷ luật và trật tự an ninh, an toàn trong xã hội xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam. Để thực hiện được các mục tiêu trên, giáo dục pháp luật cho học sinh phải trở thành mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giáo dục cơ bản trong trường học, đồng thời phải có cơ chế quản lý các hoạt động một cách hiệu quả.

Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề giáo dục pháp luật cho người dân và thế hệ trẻ. Nghị quyết Đại hội XI Đảng ta khẳng định: *“Triển khai mạnh mẽ công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật, huy động lực lượng của các đoàn thể chính trị, xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng tham gia cuộc vận động thiết lập trật tự, kỷ cương và các hoạt động thường*

xuyên, xây dựng nếp sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật trong cơ quan nhà nước và trong toàn xã hội” [24].

Ngày 20/11/2009 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1928/QĐ-TTg về Đề án “*Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường*”.

Ngày 16/11/2010, Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Tư pháp ban hành Thông tư Liên tịch số: 30/2010/TTLT-BGDĐT-BTP Hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường nhằm mục đích “*Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phổ biến, GDPL trong nhà trường, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của cán bộ, nhà giáo và người học*” [11].

Học sinh trung học phổ thông đang ở vào thời kỳ đầu của tuổi thanh niên, chuẩn bị bước vào cuộc sống lao động, hoặc học tập ở bậc cao hơn, các em dễ tiếp cận được nội dung giáo dục pháp luật tuy nhiên lại chưa đủ năng lực và ý chí kiên trì để chấp hành pháp luật vì vậy cần phải được giáo dục, tập luyện rèn luyện để chấp hành pháp luật một cách chuẩn mực. Trong giáo dục nhà trường kiến thức về pháp luật là một phần của học vấn và ý thức thực hiện pháp luật là một phẩm chất nhân cách quan trọng cần hình thành ở học sinh, nếu được giáo dục pháp luật ngay từ khi còn ngồi ghế trong nhà trường thì các em sẽ trở thành những công dân có ý thức tham gia vào sự nghiệp xây dựng đất nước “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng công nghiệp 4.0), đã đặt ra những vấn đề mới về chấp hành pháp luật và giáo dục pháp luật cho học sinh đặc biệt là vấn đề an ninh mạng và vấn đề sử dụng công nghệ số, vấn đề về tham gia mạng xã hội của học sinh hiện nay, công tác giáo dục pháp luật cho học sinh, thanh, thiếu niên đang đứng trước nhiều thách thức mới. Bên cạnh những mặt tích cực do cách mạng công nghiệp đem lại, mặt trái của nó là tình trạng suy thoái đạo đức, vi phạm kỷ luật học đường, vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng, người vi phạm trẻ hoá.

Ngày 30/3/2018, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT ký ban hành Quyết định số 1235/QĐ-BGDĐT về phê duyệt Đề án “Phòng ngừa tội phạm và phòng, chống vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên đến năm 2020”. Theo đó, đề án đã đề ra mục tiêu chung đến năm 2020 là: Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và năng lực hành động của cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên, người lao động và học sinh, sinh viên trong công tác phòng ngừa tội phạm và phòng chống vi phạm pháp luật. Phòng ngừa hiệu quả, làm giảm tội phạm, vi phạm pháp luật trong học sinh, sinh viên, góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.

Thực hiện Luật Phổ biến Giáo dục Pháp luật, thời gian qua công tác giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT đã được các nhà trường quan tâm, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau nên kết quả giáo dục chưa đạt được mục tiêu mong muốn, một trong những nguyên nhân dẫn tới thực trạng trên là do một phần công tác quản lý chưa thực sự được coi trọng.

Bắc Ninh là một tỉnh đồng bằng trù phú nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ giáp với Thủ đô Hà Nội. Với mật độ dân số cao, lại tập trung nhiều lao động trong và ngoài tỉnh (tại các khu công nghiệp), thuận lợi về giao thương, nên các quan hệ xã hội trong tỉnh phát triển rất mạnh mẽ, đa dạng nhưng phức tạp. Bắc Ninh hiện có 16 khu công nghiệp tập trung được Thủ tướng phê duyệt, trong đó 10 khu công nghiệp cùng 62 làng nghề và 22 cụm công nghiệp đang hoạt động.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh ngày 31/8/2016 đã ra Nghị quyết số 04 - NQ/TV về việc “Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2016 - 2020”. Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong tỉnh, tuy nhiên hiện tượng vi phạm pháp luật vẫn có những diễn biến phức tạp, trong đó có một bộ phận không nhỏ đối

tượng vi phạm pháp luật là học sinh THPT. Thực tế cho thấy việc giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT còn nhiều bất cập, chưa đạt được kết quả mong muốn, một bộ phận học sinh nhận diện về pháp luật chưa đầy đủ, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, một trong đó là có nguyên nhân là do công tác quản lý các hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT còn nhiều hạn chế, chưa phù hợp với yêu cầu đặt ra của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Xuất phát từ những lý do trên, tác giả lựa chọn vấn đề ***"Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư"*** làm đề tài luận án của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng GDPL và quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh, luận án đề xuất các biện pháp quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

4. Giả thuyết khoa học

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra yêu cầu mới cho giáo dục pháp luật và quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện và tổ chức quản lý mới. Tuy nhiên giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT ở tỉnh Bắc Ninh

hiện nay còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa đáp ứng được các yêu cầu mới đặt ra. Nếu xác định đúng các yêu cầu về giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới, đề xuất được các biện pháp nâng cao nhận thức, năng lực cho CBQL, GV về GDPL, xây dựng và tổ chức thực hiện GDPL theo hướng tích hợp; Hoàn thiện hệ thống các văn bản hướng dẫn GDPL và phối hợp các lực lượng xã hội để thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật sẽ nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu cơ sở lí luận về quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Nghiên cứu thực trạng GDPL và thực trạng QL GDPL cho học sinh các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Đề xuất các biện pháp quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT Tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư
- Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất, thử nghiệm một số biện pháp.

6. Phạm vi nghiên cứu

6.1. Về nội dung: Đề tài nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư với vai trò chủ thể quản lý là Hiệu trưởng trường THPT và phạm vi giới hạn nội dung giáo dục pháp luật: Luật Giáo dục; Luật An ninh mạng; Luật An toàn giao thông; Luật môi trường;

6.2. Về địa bàn: Luận án nghiên cứu điều tra, khảo sát tại 20 trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

6.3. Về thời gian: Các số liệu nghiên cứu thực trạng được lấy từ năm 2016-2020.

6.4. Về khách thể khảo sát: Luận án khảo sát các đối tượng là cán bộ quản lý các trường THPT (hiệu trưởng, phó hiệu trưởng); giáo viên, cán bộ

Đoàn TNCSHCM và HS ở 20 trường THPT tỉnh Bắc Ninh với tổng số là 1260 khách thể khảo sát.

7. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp tiếp cận

Luận án sử dụng các phương pháp tiếp cận sau đây:

7.1.1. Tiếp cận hệ thống - cấu trúc

Giáo dục là một bộ phận của nền kinh tế, văn hóa, xã hội, do vậy, nghiên cứu giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trường THPT phải đặt trong bối cảnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước, đặc biệt là trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Mặt khác, giáo dục pháp luật cho học sinh THPT là một bộ phận của quá trình giáo dục toàn diện cho học sinh, có mối quan hệ với các mặt giáo dục khác, vì vậy nghiên cứu các biện pháp quản lý GDPL cho học sinh cần được đặt trong mối quan hệ thống nhất biện chứng với các nội dung quản lý nhà trường như quản lý nội dung chương trình giáo dục, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên; phối hợp các lực lượng giáo dục giữ nhà trường, gia đình và xã hội, đảm bảo các điều kiện giáo dục,... nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho học sinh ở trường THPT.

7.1.2. Tiếp cận lịch sử - logic

Giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT là một quá trình diễn ra thường xuyên dưới sự tác động của các yếu tố xã hội trong bối cảnh lịch sử cụ thể. Do vậy nghiên cứu quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh phải xem xét trong tiến trình phát triển xã hội để tìm ra các yêu cầu khách quan và vận dụng chúng vào cuộc sống. GDPL được đặt trong bối cảnh phát triển giáo dục nhà trường và chương trình giáo dục phổ thông mới.

7.1.3. Tiếp cận thực tiễn

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận thực tiễn, nghiên cứu làm sáng tỏ thực trạng giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các

trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay để có thể đề xuất các biện pháp quản lý cho phù hợp trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

7.1.4. Tiếp cận cùng tham gia

Vận dụng cách tiếp cận cùng tham gia để giáo dục và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đó là các lực lượng giáo dục trong trường cùng gia đình và các lực lượng xã hội cùng tham gia GDPL cho học sinh THPT để nâng cao hiệu quả giáo dục tạo môi trường giáo dục đồng thuận, thống nhất.

7.1.5. Tiếp cận chức năng

Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở tỉnh Bắc Ninh được tiến hành theo chức năng của hoạt động quản lý bao gồm từ khâu lập kế hoạch đến khâu tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hoá, khái quát hóa các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước nhằm xây dựng cơ sở lý luận về quản lý GDPL cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để tiến hành khảo sát trên cán bộ quản lý, GV, cán bộ Đoàn và học sinh ở một số trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm đánh giá về thực trạng GDPL và quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT.

- Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh để làm rõ hơn các kết quả thu được từ khảo sát bằng bảng hỏi về thực trạng về GDPL và thực trạng quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Phương pháp nghiên cứu sản phẩm: Nghiên cứu các sản phẩm quản lý và sản phẩm của GDPL để làm rõ hơn thực trạng GDPL và thực trạng quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

- Phương pháp chuyên gia

Xin ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia, cán bộ quản lý giáo dục có kinh nghiệm nhằm thẩm định các kết quả nghiên cứu và đề xuất các biện pháp quản lý GDPL trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

Phân tích và tổng kết những thành quả hoạt động thực tiễn qua các báo cáo, thống kê, các tài liệu có liên quan đến đề tài để rút ra những kết luận bổ ích cho việc đề xuất các biện pháp quản lý GDPL ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh có cơ sở khoa học và thực tiễn.

- Phương pháp thử nghiệm

Đề tài tổ chức thực nghiệm để kiểm chứng tính khả thi và tính hiệu quả của các biện pháp QL GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã được đề xuất.

7.2.3. Các phương pháp hỗ trợ:

Luận án sử dụng thống kê toán học và phần mềm SPSS để xử lý các số liệu khảo sát về thực trạng GDPL và thực trạng quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

8. Câu hỏi nghiên cứu

8.1. Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư bao gồm những nội dung nào? Những yếu tố nào ảnh hưởng tới quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT hiện nay?

8.2. Thực trạng giáo dục và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh hiện nay còn tồn tại những bất cập nào? Nguyên nhân của những bất cập đó?

8.3. Biện pháp quản lý nào có thể tiến hành trong các nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư ?

9. Luận điểm bảo vệ

9.1. Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT là quá trình tổ chức thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý nhằm hình thành ở học sinh THPT các chuẩn mực về pháp quyền và ý thức, thái độ, động cơ, hành vi, thói quen tích cực chấp hành pháp luật. Quá trình quản lý GDPL cho học sinh THPT chịu sự ảnh hưởng của môi trường văn hóa, kinh tế khoa học công nghệ, năng lực giáo dục pháp luật của giáo viên và năng lực quản lý nhà trường cũng như ý thức tích cực tự giác học tập rèn luyện của học sinh THPT và nhiều yếu tố khác.

9.2. Thực trạng giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đạt được những kết quả nhất định tuy nhiên còn mang nặng tính lý thuyết và còn nhiều bất cập trong hoạt động giáo dục và quản lý GDPL, một trong những nguyên nhân do quản lý hoạt động này chưa được coi trọng.

9.3. Xác định rõ những yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tổ chức nâng cao nhận thức cho CBQL, GV và các lực lượng liên đới về GDPL, xây dựng, thực hiện kế hoạch GDPL theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV; Xây dựng hệ thống học liệu GDPL; Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường giáo dục Elerning; Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh sẽ nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

10. Đóng góp của luận án

Về lý luận:

Xác định rõ những yêu cầu về giáo dục và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ 4; Xây

dựng được cơ sở lý luận về GDPL và quản lý GDPL cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh phù hợp với điều kiện thực tế và bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay làm cơ sở khoa học cho giáo viên, CBQL ở các trường THPT và triển khai giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT;

Về thực tiễn: Phát hiện những hạn chế về nhận thức, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDPL cũng như nguồn lực thực hiện GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh và những bất cập trong lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh làm cơ sở để các trường có thể tiến hành các biện pháp quản lý GDPL cho học sinh THPT nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh.

Luận án là tài liệu tham khảo cho giáo viên, CBQL ở các trường THPT và giảng viên, sinh viên, học viên cao học, NCS chuyên ngành Giáo dục học và Quản lý giáo dục ở các trường đại học.

11. Cấu trúc của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, luận án được kết cấu gồm 3 chương:

- *Chương 1:* Cơ sở lý luận về quản lý GDPL cho học sinh ở trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- *Chương 2:* Thực trạng quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- *Chương 3:* Biện pháp quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về giáo dục pháp luật

Ở nước ngoài nghiên cứu về GDPL có thể kể đến các công trình nghiên cứu sau đây:

KhaxanovaX.A(1993) [112] nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho học sinh lớp lớn trong hệ thống giáo dục phổ thông ở Liên bang Nga, tác giả đã tiến hành nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng theo tiếp cận của khoa học sư phạm và khoa học pháp lý, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình giáo dục pháp luật để đề xuất mô hình giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông và các giải pháp đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh phổ thông.

Kan Wei [110] nghiên cứu về GDPL ở Trung Quốc, những nghiên cứu cho thấy ở các quốc gia khác nhau có thể chế chính trị khác nhau có nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật khác nhau, coi trọng phương pháp làm việc nhóm, sự chia sẻ, hợp tác trong giáo dục pháp luật.

Tác giả Tangri, S và Moles [111] nghiên cứu về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục học sinh trong đó có nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh và có nhấn mạnh vai trò của gia đình và vai trò của cộng đồng trong giáo dục học sinh và thành tích đạt được ở học sinh.

Arstein, SR(1969) [107] nghiên cứu về sự tham gia của nhiều lực lượng trong giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh và hiệu quả của hoạt động này.

Com, J, (1996) [108] đã nghiên cứu về vai trò của các lực lượng xã hội và gia đình trong tham gia phối hợp cùng nhà trường để giáo dục đạo đức, lối sống và giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường phổ thông và trường chuyên nghiệp, tác giả đã đề xuất các biện pháp phối hợp giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh.

Nguyễn Đình Lộc (1987) [56] nghiên cứu về ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật, tác giả phân tích những vấn đề lý luận chung về ý thức pháp luật, những đặc điểm và cấu trúc của ý thức pháp luật, trên cơ sở đó tác giả đánh giá thực trạng giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam, chỉ ra những mặt tích cực, những vấn đề còn hạn chế trong giáo dục ý thức pháp luật trong thời kỳ trước đổi mới, từ đó, đề xuất những biện pháp giáo dục ý thức pháp luật tại Việt Nam.

Nguyễn Đình Đăng Lục (1990), nghiên cứu về quá trình giáo dục pháp luật cho con người và mối quan hệ của nó với sự hình thành phát triển nhân cách học sinh [59].

Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai (1995) [65], nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho người dân khi tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa xã hội và pháp triển cộng đồng. Từ việc phân tích những vấn đề lý luận chung về giáo dục pháp luật, các tác giả đã bàn đến các giải pháp nâng cao hiệu quả GDPL cho nhân dân trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội.

Tập thể các nhà khoa học của Viện nghiên cứu phát triển giáo dục (1995) [102], đã nghiên cứu đánh giá về tình hình phạm tội vi phạm pháp luật của học sinh, sinh viên trong các trường học và phân tích nguyên nhân của những hành vi phạm tội trên cơ sở đó nhóm nghiên cứu đã đề xuất giải pháp, nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên trong các nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục pháp luật, ngăn chặn tình trạng phạm tội trong học sinh, sinh viên.

Đào Trí Úc (1995) [95], tiến hành nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng về xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật cho thế hệ trẻ và người dân trong cộng đồng, đánh giá thực trạng về ý thức chấp hành pháp luật của người dân hiện nay và đề xuất các giải pháp xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật cho thế hệ trẻ và người dân nhằm đảm bảo tính kỷ cương, kỷ luật của nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Đinh Xuân Thảo (1996) [81], đã nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên không chuyên tại các trường trung học chuyên nghiệp, dạy

nghề và các trường cao đẳng, đại học, tác giả đã đề xuất nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên và đánh giá kết quả của các hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên.

Nguyễn Huy Bằng (2009) [7], Nghiên cứu về giáo dục pháp luật trong trường học, tác giả đã đề xuất nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục pháp luật trong nhà trường, vai trò của giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật và một số vấn đề cần quan tâm sâu trong giáo dục pháp luật cho học sinh trong các nhà trường.

Tổng Đức Thảo (2006) [82], đã nghiên cứu về vai trò lợi ích của giáo dục pháp luật đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và đặc biệt là nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho thế hệ trẻ và người dân nói chung, đồng thời đề xuất một số biện pháp giáo dục pháp luật cho thế hệ trẻ và người dân trong cộng đồng.

Nguyễn Thu Thủy(2006) [87], tác giả nghiên cứu về thực trạng GDPL và tiêu chí để đánh giá chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên và công dân trong các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội và cách thức tổ chức triển khai đánh giá nhằm đảm bảo tính chính xác, khách quan và có độ giá trị, độ tin cậy.

Nguyễn Khắc Hùng(2009) [50], tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận về GDPL cho học sinh ở trường THPT, các yếu tố đặc thù của kinh tế, văn hóa xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh và khảo sát đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh góp phần nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh nói riêng và nâng cao chất lượng toàn diện học sinh cho học sinh THPT nói chung.

Trần Thị Sáu (2012) [72], nghiên cứu về tầm quan trọng của giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông ở Việt Nam, nội dung giáo

dục pháp luật cần tổ chức triển khai giáo dục và con đường, phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh và các lực lượng giáo dục tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh trong các nhà trường trung học phổ thông.

Bùi Thị Diễm Trang với chuyên đề *“Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tiến trình hội nhập phát triển của đất nước”*. Tác giả đã làm rõ cơ sở lý luận về phổ biến, GDPL cho Đoàn viên, thanh niên, đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phổ biến, GDPL cho đoàn viên thanh niên trước những yêu cầu phát triển mới của đất nước.

Trần Đức Toàn với công trình nghiên cứu *“Phổ biến, giáo dục pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên trên địa bàn thành phố Hà Nội”*, tác giả trình bày cơ sở lý luận về phổ biến, GDPL về phòng, chống tệ nạn xã hội cho đoàn viên, thanh niên và một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho Đoàn viên thanh niên thành phố Hà Nội.

1.1.2. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục pháp luật

Tangri, S. và Moles(1987) [111], đã nghiên cứu quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trong mối quan hệ với các quá trình giáo dục đạo đức, lối sống và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh trong mối quan hệ tác động giáo dục của nhà trường, gia đình và cộng đồng. Tác giả đề cao vai trò của gia đình trong việc nâng cao thành tích học tập, rèn luyện của học sinh nói riêng và trong giáo dục nói chung.

Tập thể các nhà khoa học Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2011) [100], đã nghiên cứu về quản lý giáo dục pháp luật, tác giả đã nghiên cứu lý luận và thực tiễn giáo dục pháp luật hiện nay trong ngành giáo dục và thực trạng quản lý hoạt động giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục, chỉ rõ những hạn chế trong giáo dục pháp luật và quản lý GDPL trong ngành giáo dục, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng của hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục.

Bộ Giáo dục - Đào tạo (2013) [14], Hội nghị đã thu hút được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý báo cáo về thực trạng triển khai hiện giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật trong các nhà trường, các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong các nhà trường giai đoạn 2010 - 2012, những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn giáo dục và thực tiễn quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên của ngành.

Bộ Tư pháp (2013) [15], Hội nghị đã thu hút được nhiều nhà khoa học, nhà quản lý từ nhiều lĩnh vực khác nhau báo cáo về thực trạng triển khai hiện giáo dục pháp luật trong các nhà trường và trong các ngành nghề của chính phủ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong toàn xã hội giai đoạn 2008 - 2012, những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn giáo dục và thực tiễn quản lý giáo dục pháp luật của các nhà trường, cơ quan, đơn vị trong toàn quốc.

Trần Huy Đức (2016) [33], tác giả nghiên cứu về quản lý GDPL dưới góc độ tiếp cận cùng tham gia, tác giả phân tích chỉ rõ các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh và vai trò của từng lực lượng giáo dục trong giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh, tầm quan trọng của sự phối hợp các lực lượng giáo dục và đề xuất mô hình quản lý phối hợp nhà trường với gia đình trong giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở. Tác giả cho rằng gia đình cần được nhìn nhận như một lực lượng quan trọng trong quá trình giáo dục do đó, cần phát huy vai trò của gia đình trong các hoạt động GDPL học sinh.

Vũ Thị Thu Thủy (2018) [88], nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông, phát hiện những bất cập trong triển khai thực hiện hoạt động GDPL cho học sinh THPT và bất cập trong quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở trường THPT, những nguyên nhân của thực trạng bao gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan; Trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông. Đặc biệt trong

công tác tổ chức, chỉ đạo hoạt động GDPL cho học sinh còn nhiều bất cập... Vì vậy làm giảm hiệu quả hoạt động GDPL trong nhà trường. Tuy nhiên nghiên cứu trên chưa đặt mối quan hệ giữa giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong mối quan hệ với cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đỗ Thị Thu Hằng (2017) [37], đã nghiên cứu quản lý giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên các trường đại học theo tiếp cận cùng tham gia của các lực lượng giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội, tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận của quản lý hoạt động tham gia GDPL cho sinh viên ở trường đại học, khảo sát, đánh giá thực trạng hoạt động tham gia GDPL cho sinh viên ở trường đại học của Việt Nam và đề xuất chiến lược hoạt động tham gia GDPL cho sinh viên không chuyên ở trường đại học; xây dựng mô hình tổ chức quản lý hoạt động tham gia GDPL cho sinh viên không chuyên ở trường đại học và hệ thống tiêu chuẩn đánh giá hoạt động tham gia GDPL cho sinh viên không chuyên ở trường đại học cũng như đảm bảo các điều kiện để thực hiện hoạt động GDPL và quản lý hoạt động này hiệu quả.

Doãn Thị Chín - Lê Thị Thảo (2017), nghiên cứu các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho sinh viên theo tiếp cận giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên. Các tác giả đã nghiên cứu thực trạng công tác GDPL đối với SV hiện nay. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho sinh viên ở các trường đại học hiện nay. Tác giả cho rằng GDPL cho SV là một dạng hoạt động có tổ chức, có mục đích, có định hướng của các chủ thể quản lý và chủ thể giáo dục tác động lên các đối tượng sinh viên nhằm đạt hình thành tri thức pháp luật, tình cảm đối với pháp luật và hành vi xử phù hợp với chuẩn mực pháp luật, giúp sinh viên có khả năng đảm nhiệm công việc của mình trong thực tiễn. Vì vậy, tăng cường công tác quản lý giáo dục pháp luật cho sinh viên ở nước ta hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng sự nghiệp CNH, HĐH đất nước... [16.]

Ngoài các công trình nêu trên còn rất nhiều các công trình nghiên cứu khác về giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật trong các nhà trường, trong các cơ quan hành chính nhà nước nhằm tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên và người dân để hướng tới giúp người dân tuân thủ pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật có thói quen thực hiện theo pháp luật [20]; [39]; [41]; [51]; [57]; [60].

Nhận xét chung:

Nghiên cứu về giáo dục pháp luật ở nước ngoài và ở Việt Nam đã được triển khai theo các hướng:

(1) Nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho cán bộ, viên chức người lao động để tìm kiếm giải pháp tuyên truyền nâng cao ý thức giáo dục pháp luật cho người dân, giúp người dân nhận diện đúng pháp luật, tuân thủ pháp luật đảm bảo tính kỷ cương, kỷ luật trật tự xã hội nhằm hướng tới xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

(2) Nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên các trường cao đẳng, đại học và trung cấp chuyên nghiệp đề xuất nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật cho sinh viên.

(3) Nghiên cứu về giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh THCS, THPT nhằm đề xuất nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh trong các nhà trường.

Nghiên cứu về quản lý giáo dục pháp luật ở nước ngoài và ở Việt Nam đã được triển khai theo các hướng:

(1) Nghiên cứu về tổ chức hoạt động tuyên truyền giáo dục pháp luật cho công dân trong các ngành nghề lao động và công chức hành chính và sinh viên không chuyên ở các trường cao đẳng, đại học.

(2) Nghiên cứu về tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh sinh viên theo hướng cùng tham gia của các lực lượng giáo dục.

(3) Nghiên cứu về đánh giá chất lượng giáo dục pháp luật và các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên.

Nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn là khoảng trống, đây cũng chính là lý do tác giả luận án chọn đề tài để nghiên cứu.

Những vấn đề đặt ra cho luận án cần tiếp tục giải quyết:

Một là, làm rõ những vấn đề cơ bản về giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghệ lần thứ tư.

Hai là, phát hiện thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT, đánh giá đúng thực trạng giáo dục pháp luật và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động.

Ba là, đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật phù hợp với lứa tuổi học sinh THPT, điều thực tế của địa bàn trong bối cảnh cách mạng công nghệ lần thứ tư nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật của học sinh THPT.

1.2. Những khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Pháp luật

Luật gia nổi tiếng của Mỹ, nguyên Hiệu trưởng Trường Luật - Đại học Harvard, Roscoe Pound (1870 - 1964) quan niệm pháp luật là *"một hình thức kiểm soát xã hội đặc biệt trong một xã hội đã có hình thức tổ chức chính trị ở bậc cao. Đó là hình thức kiểm soát xã hội thông qua việc áp dụng một cách có trật tự và hệ thống trấn áp trong xã hội ấy"* [52]. Theo quan điểm trên cho thấy pháp luật thể hiện tính kiểm soát hoạt động xã hội, tính cưỡng chế và có tác dụng điều chỉnh quan hệ xã hội và hành vi của mọi tầng lớp dân cư trong xã hội là công cụ đảm bảo an toàn, trật tự xã hội.

Hoàng Thị Kim Quế quan niệm về pháp luật như sau: *"Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí, lợi ích của nhân dân, được nhà nước đảm bảo thực hiện, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội vì mục đích bảo vệ, bảo đảm các quyền,*

tự do của con người và sự phát triển cơ bản vững của xã hội”. [68]. Theo quan niệm trên pháp luật mang tính chuẩn mực, có tính cưỡng chế, có tác dụng điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của công dân nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà nước, xã hội và quyền lợi của công dân.

Nguyễn Minh Tâm quan niệm về pháp luật như sau: “*Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội theo mục tiêu, định hướng cụ thể*” [77], với quan niệm trên, các tác giả hiểu pháp luật mang tính chuẩn mực, tính cưỡng chế, được xã hội thừa nhận có tác dụng điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nhằm thực hiện các mục tiêu của xã hội, nhà nước và mục tiêu của công dân khi tham gia các hoạt động.

Vũ Thị Thu Thủy(2018) quan niệm: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung, do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của nhà nước và là công cụ điều chỉnh các quan hệ xã hội vì lợi ích, mục đích của giai cấp thống trị, vì sự tồn tại, phát triển của cả xã hội [88].

Với quan niệm trên pháp luật do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện nghiêm minh; pháp luật có tính quy phạm; pháp luật mang tính bắt buộc, tính cưỡng chế; pháp luật có tính xác định chặt chẽ về hình thức, buộc mọi công dân, mọi tầng lớp trong xã hội phải thực hiện và tuân thủ.

Từ các quan niệm của các nhà khoa học cho thấy các định nghĩa về pháp luật được định nghĩa ở các góc độ khoa học khác nhau, tuy nhiên đều có một số điểm chung: Tính chuẩn mực của pháp luật; Tính cưỡng chế của Pháp luật; Tính điều chỉnh hành vi của xã hội và công dân; Tính giám sát, kiểm tra việc chấp hành; Tính xã hội tức là được xã hội thừa nhận; Tính mục đích đó là duy trì trật tự xã hội, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của xã hội và công dân,...

Tác giả luận án chọn khái niệm sau làm khái niệm cơ bản của đề tài: *Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung, do nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của nhà nước và là công cụ điều chỉnh các quan*

hệ xã hội vì lợi ích, mục đích tồn tại, phát triển của nhà nước, xã hội và cộng đồng cũng như quyền lợi của công dân.

1.2.2. Giáo dục pháp luật

Giáo dục là quá trình xã hội hóa nhân cách con người được tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau, trong nhà trường khái niệm giáo dục được tiếp cận dưới hai góc độ đó là khái niệm giáo dục theo nghĩa rộng(bao hàm cả quá trình dạy học và quá trình giáo dục) và khái niệm giáo dục theo nghĩa hẹp là quá trình hình thành phẩm chất đạo đức, lối sống và các phẩm chất khác cho học sinh.

Theo Đặng Vũ Hoạt: Giáo dục là quá trình dưới vai trò chủ đạo của giáo viên và vai trò tự giác, tích cực chủ động của học sinh nhằm hình thành phẩm chất đạo đức, lối sống ở người học. Tác giả tiếp cận khái niệm giáo dục trên theo nghĩa hẹp nhằm hướng tới hình thành các phẩm chất đạo đức, lối sống cho học sinh trong các nhà trường.

Nguyễn Thị Tính cùng tập thể các nhà khoa học của ĐHSP - ĐHTN (2013) quan niệm: “Quá trình giáo dục (hẹp) với tư cách là một quá trình bộ phận của quá trình sư phạm tổng thể được tổ chức một cách có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, được diễn ra dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục và vai trò tích cực, tự giác, chủ động của đối tượng giáo dục nhằm hình thành thế giới quan, nhân sinh quan và những phẩm chất nhân cách của người công dân, người lao động” [89]. Nhóm tác giả trên cũng đã tiếp cận khái niệm giáo dục theo nghĩa hẹp và trong khái niệm giáo dục nêu trên bao gồm cả khái niệm giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan và giáo dục pháp luật, thẩm mỹ,... cho học sinh.

Như vậy giáo dục pháp luật là một nội dung hay một bộ phận của giáo dục phẩm chất nhân cách cho học sinh trong các nhà trường phổ thông, khi định nghĩa về giáo dục pháp luật cho học sinh cũng có nhiều quan điểm khác nhau theo nhiều cách tiếp cận khác nhau:

Ngô Văn Trù (2015) nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho phạm nhân đã đưa ra khái niệm về GDPL như sau: “Giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định từ phía chủ thể giáo dục pháp luật, tác động đến đối tượng tiếp nhận giáo dục pháp luật nhằm làm hình thành và phát triển ở họ hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết về pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật” [93].

Vũ Thị Thu Thủy nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh hiện nay theo tiếp cận giáo dục theo nghĩa hẹp trong nhà trường quan niệm: “Giáo dục pháp luật là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ định của chủ thể giáo dục tác động lên đối tượng giáo dục một cách có hệ thống và thường xuyên nhằm mục đích hình thành ở họ tri thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với các đòi hỏi của pháp luật hiện hành” [88]. Với quan niệm trên giáo dục pháp luật cho học sinh bao gồm hoạt động của chủ thể giáo dục và hoạt động của đối tượng giáo dục nhằm mục đích hình thành ý thức cá nhân, hình thành tình cảm, hình thành hành vi và thói thực hiện pháp luật cho người được giáo dục pháp luật.

Đỗ Thị Thu Hằng nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên ở các trường cao đẳng, đại học quan niệm giáo dục pháp luật như sau: “Giáo dục pháp luật là một hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của chủ thể giáo dục thông qua các hình thức, phương pháp khác nhau tác động lên đối tượng giáo dục một cách có hệ thống nhằm hình thành ở họ tri thức pháp lý, tình cảm và hành vi phù hợp với pháp luật hiện hành, xây dựng lối sống theo pháp luật” [37]. Theo tác giả giáo dục pháp luật được thực hiện dưới vai trò chủ tổ chức, chỉ đạo của chủ thể giáo dục được tiến hành với hình thức, phương pháp khác nhau hướng tới 3 mục tiêu cần đạt ở đối tượng giáo dục đó là giáo dục nhận thức về pháp luật; giáo dục thái độ

tình cảm, động cơ về thực hiện pháp luật; giáo dục hành vi, thói quen chất hành pháp luật.

Tác giả chọn khái niệm sau làm khái niệm cơ bản của đề tài: *Giáo dục pháp luật là hoạt động có mục đích, có tổ chức dưới vai trò chủ đạo của giáo viên, nhà trường và các lực lượng giáo dục, người học tự giác tích cực chủ động hình thành ý thức cá nhân về pháp luật, tình cảm, niềm tin, động cơ pháp luật và hành vi phù hợp với chuẩn mực pháp luật hiện hành.*

Giáo dục pháp luật là quá trình tương tác giữa giáo viên, nhà trường, các lực lượng liên đới với học sinh, mối quan hệ hai chiều biện chứng nhằm hình thành ý thức cá nhân, tình cảm niềm tin, động cơ, hành vi và thói quen chấp hành pháp luật và thực thi pháp luật ở người học. Quá trình trên chỉ thực sự hiệu quả khi nhà giáo dục biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, người học tự giác, tích cực tự tổ chức hoạt động tự giáo dục.

1.2.3. Quản lý giáo dục pháp luật

Khái niệm quản lý được các nhà khoa học nước ngoài và các nhà khoa học của Việt Nam như Phạm Minh Hạc, Đặng Quốc Bảo; Nguyễn Thị Mỹ Lộc; Trần Kiểm;... hiểu như sau: Quản lý là tác động có mục đích, có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm đạt được mục đích quản lý đã đặt ra [6]; [35]; [54]; [58]. Từ khái niệm quản lý nêu trên, tác giả luận án chọn khái niệm sau đây làm khái niệm cơ bản của luận án:

Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh là những tác động có chủ đích, có tổ chức thông qua thực hiện đồng bộ các chức năng quản lý của hiệu trưởng trường trung học phổ thông đến giáo viên, học sinh, quá trình giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường và các lực lượng liên đới nhằm đạt được mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh.

Quá trình quản lý GDPL cho học sinh gồm: Lập kế hoạch GDPL; Tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL; Chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL và đánh giá kết quả thực hiện.

1.3. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu đặt ra đối với giáo dục pháp luật, quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường trung học phổ thông

1.3.1. Những đặc điểm cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) bắt đầu từ đầu thế kỷ XXI, diễn ra trên ba lĩnh vực: Kỹ thuật số, công nghệ sinh học và vật lý.

Những thành phần cốt lõi của kỹ thuật số là trí tuệ nhân tạo (AI), vạn vật kết nối (Internet of Things) và dữ liệu lớn (Big Data).

Trong lĩnh vực công nghệ sinh học các kết quả nghiên cứu về gen đã tạo ra những bước nhảy vọt trong nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp, thủy sản, y, dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo,...

Trong lĩnh vực vật lý đã tạo ra robot thông minh làm việc thay cho con người trong những nơi nguy hiểm, độc hại, máy in 3D, xe tự lái, vật liệu mới và công nghệ nano... phát triển rất nhanh.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư có những đặc điểm sau đây:

- Công nghệ sản xuất phát triển theo cấp số nhân, làm biến đổi sâu sắc nền sản xuất công nghiệp hiện đại. Cách mạng diễn ra trên phạm vi toàn cầu, làm thay đổi toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý, quản trị, dịch vụ, nghỉ ngơi, giải trí... của con người.

- Công nghệ 4.0 dựa trên trí tuệ nhân tạo, nền sản xuất linh hoạt, kết hợp các khâu từ thiết kế, đến sản xuất, thử nghiệm, dịch vụ thương mại đáp ứng nhanh nhất các nhu cầu của thị trường, thậm chí phục vụ đến từng cá nhân. Đòi hỏi con người phải thích ứng nhanh nhưng phải tuân thủ Luật Môi trường, Luật kinh tế và Kinh doanh trên thị trường như chống bán phá giá, hàng giả, hàng nhái, hàng không đúng chất lượng sản phẩm đã quảng bá,... Đây là vấn đề cần được giáo dục cho thanh niên học sinh khi chuẩn bị trở thành công dân.

- Cơ cấu lao động được chuyển dịch từ lao động chân tay sang lao động trí óc, nhà máy thông minh, sản xuất tự động hóa, sản phẩm chất lượng tốt.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra kỷ nguyên sản xuất bằng robot thông minh, giải phóng con người khỏi lao động nặng nhọc, trong môi trường nguy hiểm, độc hại của các lò phản ứng hạt nhân, dưới đáy biển, trên núi cao, miệng núi lửa, thậm chí trong cơ thể con người.

- Nền sản xuất không chỉ dựa vào “môi trường cộng sinh” giữa người và robot thông minh mà còn tạo ra "môi trường cộng sinh" giữa thế giới ảo và thế giới thực. Trí tuệ nhân tạo giúp con người kết nối thông tin nhanh để giải quyết kịp thời mọi vấn đề nảy sinh. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra kỷ nguyên công nghệ sản xuất không phế thải, không gây ô nhiễm môi trường.

Trước những vấn đề trên thì an ninh mạng và an toàn thông tin được đặt ra đòi hỏi mọi công dân phải thực hiện khi tham gia vào các chuỗi sản xuất hoặc trao đổi thông tin có tính chất chia sẻ.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi mọi mặt của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, văn hóa, đến y tế, giáo dục, pháp luật,...

Đối với kinh tế: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư làm thay đổi phương thức sản xuất truyền thống. Công nghệ thông minh được sử dụng trong các nhà máy, đến các trang trại... Máy móc, con người được kết nối và được điều khiển trực tuyến thông qua không gian mạng. Hệ thống xử lý dựa trên phân tích các dữ liệu, tự động ra các quyết định mà không cần có sự tham gia của con người.

Đối với chính trị: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho ra đời thành phố thông minh, chính quyền điện tử, công dân điện tử... Người dân không cần phải đến các cơ quan nhà nước để giải quyết các thủ tục hành chính, mà chỉ cần một thiết bị thông minh nối mạng mọi việc sẽ được giải quyết một cách nhanh chóng. Tuy nhiên vấn đề đấu tranh chống diễn biến hòa bình trên mạng cũng được đặt ra đòi hỏi thanh niên mới lớn phải có bản lĩnh chính trị, nắm vững pháp luật khi tham gia mạng xã hội, khi tiếp nhận thông tin và xử lý những thông tin trái chiều trên mạng.

Đối với đời sống xã hội: Vạn vật kết nối đã giúp con người tiếp nhận và xử lý thông tin nhanh hơn. Công chức có thể làm việc tại nhà, dịch vụ taxi được thay thế bằng uber, grab... Dịch vụ bán lẻ được thực hiện bằng thương mại điện tử. Phương thức giải trí cũng thay đổi, phim chiếu rạp được thay bằng phim trực tuyến, sách giấy được thay thế bằng ebook, thư viện sách nói... Tuy nhiên mặt trái của nó dẫn tới con người ít gắn kết với nhau hơn, tính cộng đồng, tinh thần tương thân, tương ái, sự sẻ chia, lòng nhân ái cần phải được tăng cường giáo dục cho thế hệ trẻ. Cuộc cách mạng lần thứ tư tạo nguy cơ gia tăng bất bình đẳng xã hội trong thu nhập, khoảng cách giàu nghèo ngày được mở rộng. Lợi nhuận, thu nhập đến từ những kỹ năng mới sẽ cao hơn và chỉ những người được trang bị kiến thức, kỹ năng này mới có đủ sức nắm bắt được cơ hội tăng thu nhập. Ngược lại, những người lao động không thích ứng được với những yêu cầu của công nghệ lần thứ tư sẽ bị gạt ra khỏi guồng máy, trở nên thất nghiệp, đói nghèo.

Đối với giáo dục: Giáo dục trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra một thế giới phẳng đã làm xuất hiện mô hình mới trong giáo dục như lớp học đảo ngược; lớp học không biên giới, giáo dục toàn cầu; trường học kết nối; mục tiêu giáo dục chuyển hướng sang giáo dục công dân toàn cầu; Hình thức tổ chức giáo dục từ xa, trực tuyến, giáo dục qua môi trường Elearning được sử dụng rộng rãi. Tất cả những thay đổi trên đặt ra những yêu cầu mới đối với giáo dục, quản lý giáo dục nói chung và giáo dục pháp, quản lý giáo dục luật nói riêng;

1.3.2. Yêu cầu đặt ra đối với giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sự gia tăng của mật độ giao thông trên toàn quốc và địa phương đặt ra những vấn đề cấp bách về giáo dục ý thức, hành vi chấp hành luật giao thông nhằm duy trì trật tự xã hội an toàn xã hội.

Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và sản xuất kinh doanh đã dẫn tới những vấn đề về rác thải, ô nhiễm môi trường đặt ra cho giáo dục những yêu cầu mới về giáo dục nhằm ngăn chặn thảm họa ô nhiễm môi

trường cho học sinh nói chung và giáo dục môi trường cho học sinh THPT nói riêng.

Luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn cũng là vấn đề cần được giáo dục cho học sinh THPT và đặc biệt là sự chia sẻ thông tin trên mạng xã hội của nhiều kết quả nghiên cứu và vấn đề khai thác thông tin trên mạng để tự học, vấn đề sao chép thông tin của người khác làm sản phẩm học tập của cá nhân là nội dung cần được quan tâm giáo dục cho học sinh.

Giáo dục trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư không chỉ còn là giáo dục trực tiếp giáp mặt mà còn bao gồm cả giáo dục trực tuyến, giáo dục qua môi trường Elearning do đó vấn đề chấp hành những quy định của việc học tập qua mạng, việc sử dụng thư viện điện tử, khai thác tài liệu học tập trực tuyến là vấn đề cần được quan tâm giáo dục cho học sinh;

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo nên những thách thức về an ninh mạng, khi mọi dữ liệu đều được số hóa, mọi hoạt động đều phụ thuộc vào Internet, một sự cố về mạng ở một quốc gia có thể gây nên thảm họa khôn lường cho toàn cầu. Một trò chơi trên mạng, một chia sẻ thông tin không chuẩn mực trên mạng có thể làm tổn thất lớn cho đất nước, tổ chức và làm hại đến tính mạng con người do đó vấn đề giáo dục an ninh mạng, an toàn thông tin cần được đặt ra cho học sinh trong các nhà trường THPT hiện nay.

Việc xuất hiện nhiều phương tiện vui chơi, giải trí, hưởng thụ... một bộ phận giới trẻ dễ rơi vào lối sống thực dụng, buông thả, tiêu dùng xa hoa, lãng phí, bất chấp các chuẩn mực đạo đức xã hội và chuẩn mực pháp luật. Học sinh, sinh viên thiếu bản lĩnh khi tham gia mạng xã hội dễ bị lôi cuốn qua những trang mạng thiếu chuẩn mực mang tính kích động, lôi kéo vv.. Đây là vấn đề cần quan tâm giáo dục trong các nhà trường cần tăng cường giáo dục đạo đức, pháp luật cho học sinh, giúp các em có ý thức tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng pháp luật trong mọi tình huống.

Sự phát triển của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa là điều kiện, vừa là thách thức đối với giáo dục trong giai đoạn hiện nay và đặt ra cho giáo dục những thay đổi sau đây:

- Mục tiêu giáo dục phải chú trọng đến việc hình thành, phát triển nhân cách công dân toàn cầu, người lao động phải có năng lực thích ứng trước những thay đổi nhanh chóng của xã hội và công nghệ sản xuất. Giáo dục gắn kết với thực tiễn cuộc sống, không chỉ chú trọng đến dạy kiến thức mà còn chú ý đến phát triển người công dân có đạo đức, có kỷ luật, có ý thức pháp luật, có kỹ năng mềm, năng lực quản trị, khả năng tự chủ và có phương pháp tự học suốt đời. Chính điều này ảnh hưởng tới mục tiêu nội dung, hình thức và phương pháp GDPL cho học sinh THPT không còn giới hạn ở phạm vi trong khu vực, trong nước mà còn mang tính quốc tế và giáo dục gắn với tình huống thực tiễn thực thi pháp luật trong mọi lĩnh vực;

- Nội dung giáo dục pháp luật cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 là những vấn đề pháp luật có liên quan đến cuộc sống, học tập, lao động của các em hôm nay và mai sau, bao gồm những kiến thức về nhà nước và pháp luật, kiến thức về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, về tự do, dân chủ, công bằng, bác ái, văn minh, về phòng, chống bạo lực học đường, phòng chống tệ nạn xã hội, về nội dung các luật có liên quan đến cuộc sống và học tập của các em như luật về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông, nghĩa vụ quân sự, bảo vệ môi trường, an ninh mạng, giáo dục quy tắc ứng xử trên mạng xã hội [7]...

- Chủ thể giáo dục pháp luật cho học sinh THPT không chỉ là các nhà giáo dục trong nhà trường mà cần phối hợp với các lực lượng xã hội đó là gia đình, các đoàn thể, chính quyền và các lực lượng thực thi pháp luật để nâng cao hiệu quả của quá trình giáo dục.

- Phương pháp giáo dục đề cao tính độc lập của người học, người học phải là chủ thể tích cực, tìm tòi, khám phá, giải quyết vấn đề thực tiễn, có kỹ năng tự học, nắm bắt kiến thức từ nhiều nguồn trong đó quan trọng nhất là thông qua mạng Internet. Giáo viên và nhà trường vai trò là người hướng dẫn phương pháp học tập, tự giáo dục cho người học nhằm giúp học sinh tự cập nhật kiến thức về pháp luật và hình thành ý thức, thái độ hành vi đối với pháp

luật. Điều trên đặt ra cho nhà trường và giáo viên cần phải khai thác thế mạnh của công nghệ thông tin trong sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức GDPL cho học sinh THPT và phát triển môi trường giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua môi trường trải nghiệm thực tiễn và môi trường giáo dục ảo trên không gian mạng.

Các hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh THPT không chỉ gồm hình thức giáo dục trực tiếp mà cần tăng cường các hình thức giáo dục trực tuyến, giáo dục qua môi trường Elearning;

1.3.3. Yêu cầu đặt ra đối với quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi nhà trường THPT phải tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), coi đây là một trong những phương thức hữu hiệu để đưa pháp luật vào cuộc sống và trường học; đây được coi là khâu đầu tiên, quan trọng của quy trình tổ chức thực hiện pháp luật, trở thành cầu nối để đưa pháp luật vào cuộc sống và trường học; Trên cơ sở đó Hiệu trưởng nhà trường cần phải phát triển được môi trường giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến trong trường học nâng cao ý thức học tập, chấp hành pháp luật cho cán bộ giáo viên và học sinh THPT thông qua thực thi các nhiệm vụ giảng dạy, học tập và tham gia mạng xã hội.

Nhà trường THPT cần đăng tải thông tin pháp luật, cập nhật văn bản quy phạm pháp luật trên Trang thông tin điện tử và duy trì hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh THPT: Luật Giáo dục; Luật Sở hữu trí tuệ; Luật an toàn giao thông; Luật an ninh mạng; Luật môi trường và một số luật khác để học sinh biết và thực hiện đúng luật trong nhà trường và trong cuộc sống;

Nhà trường cần cụ thể hóa một số văn bản pháp luật trong trường học ví dụ: Cụ thể hóa Luật Giáo dục; Luật sở hữu trí tuệ; luật an ninh mạng trong Quy chế hoạt động của nhà trường; Luật môi trường trong quy tắc ứng xử của

học sinh THPT,... Đồng thời có những văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật trong trường học và cuộc sống cho học sinh THPT.

Dựa trên hệ thống tài liệu về giáo dục pháp luật và giáo án giáo dục pháp luật của giáo viên cho học sinh; các hoạt động giáo dục pháp luật của nhà trường, Hiệu trưởng trường THPT cần số hóa các văn bản tài liệu, nội dung giáo dục pháp luật trong trường học để học sinh có thể học về pháp luật ở mọi nơi, mọi chỗ.

Trường THPT phải xây dựng và tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến đồng thời kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua những hình thức trên một cách hiệu quả. Hiệu trưởng cần chỉ đạo giáo viên đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục pháp luật nhằm đề cao tính độc lập, tự chủ, sáng tạo của người học, người học phải là chủ thể tích cực, tìm tòi, khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn, có kỹ năng tự học, nắm bắt kiến thức pháp luật từ nhiều nguồn, trong đó quan trọng nhất là thông qua mạng Internet. Người dạy đóng vai trò là người cố vấn, người hướng dẫn phương pháp học tập pháp luật cho người học.

Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi chủ thể quản lý, giáo viên phải nắm vững pháp luật và có năng lực giáo dục pháp luật và năng lực quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giáo dục pháp luật cho học sinh THPT và phải thực hiện nghiêm minh về quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Nhà trường phải đảm bảo các điều kiện về giáo dục pháp luật cho học sinh THPT như có nội dung chương trình giáo dục pháp luật nhà trường phù hợp với bối cảnh thực tiễn; có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến; Huy động được các lực lượng tham gia giáo dục và quản lý giáo dục pháp luật và các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phục vụ giáo dục pháp luật cho học sinh THPT. Hiệu trưởng cần phối

hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để quản lý học sinh THPT đặc biệt là quản lý sự tham gia của học sinh khi tham gia vào thế giới ảo.

Nhà trường cần thành lập tổ tư vấn hướng dẫn thực thi pháp luật cho cán bộ, giáo viên THPT thông qua hoạt động của tổ tư vấn, giúp học sinh nắm vững pháp luật và thực thi pháp luật.

1.4. Những vấn đề cơ bản về giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1.4.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông

Học sinh trung học phổ thông (còn gọi là thanh niên học sinh) bao gồm những em có độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi là tuổi thanh niên mới lớn hay còn gọi là tuổi thanh xuân. Tuổi thanh niên mới lớn là thời kỳ đặc biệt quan trọng trong cuộc đời, là thời kỳ kết thúc về căn bản cả một quá trình trưởng thành và phát triển lâu dài của trẻ về sinh lý và tâm lý, là thời kỳ năng lực trí tuệ, nhân sinh quan, thế giới quan, lý tưởng và toàn bộ nhân cách của trẻ đang phát triển và biến đổi về chất. Ở lứa tuổi này, hầu hết học sinh trung học phổ thông đã phát triển tương đối hoàn thiện về mọi mặt, cả về thể chất và tâm lý, tuy nhiên, sự trưởng thành về mặt xã hội đến sau, do đó học sinh trung học phổ thông có thể chưa hoàn toàn làm chủ được cảm xúc, hành vi của bản thân dẫn đến việc các em có những hành vi chưa phù hợp với chuẩn mực đạo đức, xã hội, vi phạm nội quy của lớp, của nhà trường hoặc hành vi vi phạm pháp luật [46]

Một số đặc điểm tâm lý của học sinh trung học phổ thông:

Động cơ, thái độ học tập: Rất nhiều loại động cơ xuất hiện đan xen nhau, bao trùm là động cơ mang ý nghĩa xã hội và động cơ cá nhân. Thái độ của học sinh trung học phổ thông đối với các môn học trở nên có tính lựa chọn hơn. Ở các em đã hình thành những hứng thú học tập gắn liền với khuynh hướng nghề nghiệp mà học sinh dự định lựa chọn. Hoạt động học tập của học sinh được thúc đẩy bởi động cơ thực tiễn, động cơ nhận thức, sau đó là ý nghĩa xã hội của môn học, rồi mới đến động cơ cụ thể khác. Đặc điểm của động cơ, thái độ học tập của học sinh THPT là điều kiện thuận lợi để giáo

dục đạo đức, lối sống và giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua hoạt động dạy học.

Sự phát triển trí tuệ của học sinh trung học phổ thông: Đặc điểm nổi bật về sự phát triển trí tuệ của học sinh THPT là tính chủ định, tính chủ động, tính tích cực, tính tự giác được thể hiện rõ rệt ở tất cả các quá trình nhận thức. Năng lực tư duy, năng lực tưởng tượng và các khả năng khác ở thanh niên được hoàn thiện nhanh chóng và có chất lượng cao. Các quá trình cảm giác và tri giác phát triển đạt tới mức độ hoàn thiện và tinh tế. Ghi nhớ có chủ định giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động trí tuệ của các em, tư duy trừu tượng phát triển mạnh và chiếm ưu thế trong mọi hoạt động, đặc biệt là hoạt động học tập. Khả năng tư duy lý luận, tư duy độc lập, sáng tạo, tính phê phán của tư duy phát triển. Những đặc điểm phát triển trí tuệ của học sinh THPT là căn cứ quan trọng cho việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và GDPL cho các em.

Đặc điểm nhân cách của học sinh trung học phổ thông:

- Sự hình thành và phát triển thế giới quan: Giai đoạn phát triển này, thanh niên học sinh đã lĩnh hội được một hệ thống tri thức khoa học bậc THPT, các học thuyết khoa học, các em đã xây dựng được quan điểm duy vật biện chứng về sự phát triển của tự nhiên và xã hội, những tiêu chuẩn, những quy tắc hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật, từ đó thế giới quan của thanh niên nhanh chóng được hình thành và phát triển. Học sinh trung học phổ thông thường quan tâm đến những mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa tình cảm và nghĩa vụ, giữa truyền thống và tương lai. Ở nhiều học sinh, thế giới quan đã có tính hiệu lực cao, nó biến thành niềm tin, thành khát vọng, thành những hành động cụ thể. Nhiều em có cách xử sự đúng, có lẽ sống cao thượng và đẹp đẽ. Bên cạnh đó vẫn còn một số thanh niên học sinh có những quan niệm lệch lạc về cuộc sống, có lối sống không lành mạnh, sống thụ động, ích kỷ, đánh giá quá

cao sự hưởng thụ, tư tưởng sống gấp, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia vào các nhóm có hành vi vi phạm pháp luật, chuẩn mực đạo đức, xã hội hoặc các tệ nạn xã hội... Đây là đặc điểm cần quan tâm trong giáo dục đạo đức, GDPL cho học sinh THPT.

- Sự phát triển của tự ý thức và khả năng tự giáo dục: Tự ý thức là một đặc điểm nổi bật, chủ yếu và quan trọng, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển nhân cách của học sinh THPT. Hình ảnh về thân thể là một thành tố quan trọng của sự tự ý thức ở thanh niên mới lớn. Quá trình phát triển tự ý thức diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi và có tính chất đặc thù riêng. Học sinh THPT có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình theo quan điểm về mục đích cuộc sống và hoài bão của mình. Chính điều này khiến các em quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất, nhân cách và năng lực cá nhân củ bản thân. Các em hay ghi nhật ký/viết blog, status, so sánh mình với nhân vật mà họ coi là tấm gương (thanh niên thường chú ý đối chiếu mình với động cơ và rung động của họ nhiều hơn là với cử chỉ, hành vi của họ như ở thiếu niên. Cùng với sự phát triển tự ý thức thì tự giáo dục, tự tu dưỡng cũng khá phát triển ở lứa tuổi thanh niên học sinh. Tự tu dưỡng diễn ra thường xuyên đã trở thành một quá trình rèn luyện toàn diện về các mặt. Đây là điều kiện thuận lợi cho hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống và GDPL cho học sinh THPT.

- Đời sống tình cảm của học sinh trung học phổ thông: Tình cảm của học sinh THPT phong phú, đa dạng, phức tạp, sâu sắc, mạnh mẽ và bền vững hơn ở thiếu niên rất nhiều. Học sinh THPT rất giàu cảm xúc, giàu tâm trạng và tâm trạng đã mang tính ổn định. Những hình thức thể hiện xúc cảm rất đa dạng, tạo ra khả năng tự kiểm soát và tự điều chỉnh xúc cảm, hành vi của học sinh. Các em bắt đầu có những rung động sâu sắc đối với những quan hệ qua lại trong gia đình, ở nhà trường, trong sinh hoạt xã hội; nhạy cảm với những rung động của người khác và có những đáp ứng xúc cảm mạnh mẽ đối

với những nhân vật trong văn học, với cái đẹp trong nghệ thuật, trong cảnh tự nhiên vv..Học sinh THPT thích phân tích tình cảm của mình và tình cảm của người khác, đặc biệt là biểu lộ tình cảm của mình một cách kín đáo, biết che giấu những rung động và lựa chọn những hình thức đối xử phù hợp tế nhị. Nhiều học sinh THPT thể hiện sự khát khao, niềm say mê với cuộc sống. Tình cảm của thanh niên học sinh đã được xây dựng trên cơ sở lý tính rất rõ ràng. Đây cũng là đặc điểm thuận lợi trong GDPL cho học sinh THPT.

Học sinh THPT rất khát khao tình bạn, tình bạn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống tình cảm của các em, song các em vẫn thận trọng khi chọn bạn. Tình bạn của thanh niên học sinh được gắn bó chặt chẽ với lý tưởng. Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin khiến cho học sinh dễ dàng kết bạn, giao tiếp hoặc tham gia vào các “nhóm ảo” trên mạng xã hội. Ngoài những tiện ích như giúp học sinh mở rộng các mối quan hệ xã hội, làm giàu vốn hiểu biết, vốn kinh nghiệm sống của mình... thì môi trường mạng cũng chứa đựng nhiều rủi ro mà học sinh không lường trước được và vô tình dẫn tới vi phạm Luật An ninh mạng, vi phạm chuẩn mực đạo đức. Đây là điều mà nhà trường, gia đình và xã hội cần đặc biệt lưu ý trong quá trình giáo dục đạo đức, lối sống và GDPL cho học sinh trung học phổ thông.

Tình yêu của học sinh trung học phổ thông: Đây là tình cảm nam nữ xuất hiện lần đầu theo đúng nghĩa của nó ở học sinh trung học phổ thông. Tính chất của tình yêu, cách thức ứng xử của học sinh đang yêu phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh xã hội mà học sinh đang sống. Tuy nhiên, những biểu hiện cơ bản về mặt tâm lý thường xuất hiện ở những học sinh đang yêu như: quan tâm, muốn được ở bên cạnh, giúp đỡ người yêu, vị tha, độ lượng, dễ dàng bỏ qua hoặc chấp nhận sai lầm, khuyết điểm của người yêu, thậm chí có em sẵn sàng làm mọi việc để hài lòng người yêu... Điều này khiến cho học sinh THPT có thể có hành vi lệch lạc, không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, xã hội hoặc pháp luật. Tình yêu của thanh niên học sinh là vấn đề nhạy cảm, đòi hỏi người lớn, các lực lượng giáo dục cần khéo léo, tế nhị trong quá trình tác

động, giáo dục các em về vấn đề này nhằm tránh tình trạng tảo hôn, vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình.

- Đặc điểm ý chí của học sinh trung học phổ thông: Ở lứa tuổi học sinh THPT, các phẩm chất ý chí được bộc lộ rõ ràng. Cường độ ý chí phát triển ở mức độ cao, thể hiện ở cả việc đấu tranh động cơ để kiềm chế, thay đổi bản thân và sự nỗ lực vượt khó trong mọi hoạt động. Học sinh biết đặt mục đích của hoạt động để phấn đấu và quyết tâm, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được mục đích đó. Tính đạo đức của các hành động ý chí cũng thể hiện rõ ràng. Bên cạnh đó, vẫn còn có những học sinh không xác định mục tiêu của cuộc sống để hướng tới tương lai, thụ động chờ đợi, ỷ lại vào người khác hoặc dễ dàng bị các nhóm bạn xấu dụ dỗ, lôi kéo, thực hiện các hành vi tiêu cực bất chấp các chuẩn mực đạo đức, pháp luật nhưng các em lại cho rằng đó là bản lĩnh, là chí khí. Điều này đòi hỏi các lực lượng giáo dục cần quan tâm đặc biệt trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, GDPL cho học sinh THPT.

Định hướng giá trị của học sinh trung học phổ thông: Định hướng giá trị được hình thành nhanh chóng, bộc lộ rõ nét và có ảnh hưởng lớn đến đời sống của học sinh, trong quá trình tương tác với các vai xã hội, nhận biết các quan hệ và các giá trị trong đời sống xã hội, các giá trị ở học sinh trung học phổ thông được hình thành và củng cố. Các giá trị ở học sinh trung học phổ thông có thể tích cực hoặc tiêu cực do hạn chế về vốn sống, về nhận thức... Định hướng giá trị ở học sinh trung học phổ thông được thể hiện thông qua hoạt động và các mối quan hệ cơ bản của các em. Trong quá trình giáo dục đạo đức, lối sống và GDPL cho học sinh THPT không thể không chú ý tới định hướng giá trị ở lứa tuổi này.

Tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông: Do sự thay đổi của vị thế xã hội, các quan hệ xã hội được mở rộng, tính tích cực xã hội của học sinh trung học phổ thông phát triển mạnh mẽ, được thể hiện trong các

nhóm xã hội mà học sinh tham gia. Nó có thể được thể hiện trong các hoạt động thúc đẩy sự phát triển của xã hội, ủng hộ xã hội như hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường, từ thiện hoặc nguy cơ đối với xã hội như các tệ nạn xã hội, những hành vi cần quấy, vi phạm trật tự, an toàn xã hội...

1.4.2. Mục tiêu, nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1.4.2.1. Mục tiêu của giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Giáo dục pháp luật cho học sinh là hình thức cao nhất kết nối giữa hoạt động xây dựng pháp luật với việc thực hiện pháp luật để xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

Mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh THPT gồm các mục tiêu sau đây:

Mục tiêu về nhận thức: Học sinh nhận thức được các kiến thức về các chuẩn mực pháp luật, ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân của việc thực hiện các chuẩn mực pháp luật và sự cần thiết phải tuân thủ pháp luật đồng thời hướng dẫn học sinh các quy tắc hành vi tuân thủ pháp luật khi tham gia vào các lĩnh vực xã hội và tham gia vào thế giới ảo.

Mục tiêu giáo dục thái độ: Hình thành ở học sinh thái độ, tình cảm, tôn trọng pháp luật, hình thành niềm tin vào pháp luật và giáo dục cho các em có động cơ chấp hành pháp luật một cách đúng đắn, biết đấu tranh không khoan nhượng với những hành vi đi ngược lại các chuẩn mực pháp luật, giúp cho học sinh có động lực bộc lộ các hành vi pháp luật của cá nhân trước các quy định pháp luật của nhà nước trong mọi hoạt động xã hội và tham gia mạng xã hội.

Mục tiêu hành vi: Trên cơ sở cung cấp nhận thức, hình thành niềm tin, thái độ, tình cảm, động cơ đối với pháp luật cho học sinh THPT, hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường THPT cần phải hình thành cho học sinh thói quen chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật, xử sự và thực hiện các hành vi đúng pháp luật qui định đối với công dân nói chung và học sinh THPT nói riêng.

- Mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0 là: Trang bị cho các em có những hiểu biết về nhà nước

và pháp luật, về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân. Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, có thói quen sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Có khả năng tự bảo vệ trước mọi cám dỗ, biết cách phòng, chống các tệ nạn xã hội, các hành vi phạm pháp luật, có kỹ năng tư vấn, tuyên truyền, khuyên can người thân, bạn bè không vi phạm pháp luật, biết đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ người yếu thế, chống lại những hành vi vi phạm pháp luật. Mục tiêu giáo dục học sinh không chỉ trong thế giới thực mà còn hướng tới giáo dục học sinh, sinh viên trở thành những con người phát triển toàn diện trong thế giới ảo, biết tuân thủ pháp luật đặc biệt là thực hiện đúng quy tắc ứng xử khi tham gia mạng xã hội [7].

1.4.2.2. Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung giáo dục pháp luật là nội dung hoạt động cơ bản của học sinh THPT nhằm chuyển hóa một cách tự giác yêu cầu về việc thực hiện các chuẩn mực pháp luật thành ý thức và hành vi, thói quen chấp hành pháp luật cho mỗi học sinh THPT. Do đó nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh THPT phải được xây dựng dựa trên cơ sở mục tiêu giáo dục pháp luật và thực tiễn pháp luật của Việt Nam.

Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông gồm:

Hệ thống tri thức về các chuẩn mực pháp luật: Hiến pháp và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thời kỳ quá độ lên CNX ở Việt Nam, Công dân với chủ quyền quốc gia, Công dân với một số vấn đề toàn cầu, Công dân với việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc... Luật Giáo dục, Luật dân sự; Luật An ninh mạng; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật an toàn giao thông,... Giúp học sinh nhận diện được các quy định về những điều được phép và không được phép khi tham gia vào các lĩnh vực hoạt động nêu trên.

Hệ thống thái độ của tổ chức, cá nhân con người khi tham gia vào các lĩnh vực giáo dục, dân sự, giao thông; hôn nhân và gia đình; mạng xã hội,... Đó là ý thức chấp hành, niềm tin vào những quy định của pháp luật và động cơ đúng đắn khi thực hiện pháp luật trong các hoạt động xã hội,...

Hệ thống các quy tắc hành vi chấp hành pháp luật đối với từng loại luật để giúp cho việc duy trì trật tự xã hội và đảm bảo an ninh, an toàn xã hội: Hành vi chấp hành Luật giao thông khi tham gia giao thông; hành vi đối với học sinh trong nhà trường theo Điều lệ trường trung học; Hành vi thực hiện nghĩa vụ quân sự đối với công dân trong 18 tuổi; Hành vi tham gia bảo vệ môi trường, tài nguyên, thiên nhiên của quốc gia; Hành vi kết hôn khi đủ tuổi quy định đối với nam và nữ; Giáo dục cho học sinh THPT về một số những hiểu biết ban đầu về kinh doanh thương gặt: Tiền tệ, Tiêu tiền thông minh, Kinh tế thị trường, Đạo đức kinh doanh...

- Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh cần quan tâm đến vấn đề giáo dục luật bản quyền sở hữu trí tuệ, loại bỏ việc sử dụng sản phẩm của người khác làm sản phẩm của mình.

- Nội dung giáo dục an ninh mạng cần được quan tâm trong các nhà trường THPT nhằm giúp cho học sinh nắm vững những chuẩn mực khi tham gia chia sẻ thông tin trên mạng xã hội hay sử dụng thông tin trên mạng xã hội.

Nhà trường cần giáo dục học sinh nghiêm cấm không được sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

Sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bôi nhọ, xúc phạm nhân phẩm của người khác,...

Tổ chức, hoạt động, câu kết với nhiều người khác, xúi giục, mua chuộc người khác, lừa gạt, lôi kéo người khác người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Đưa hoặc phát tán những thông tin xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng của Đảng, dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;

Đưa hoặc phát tán những thông tin sai sự thật trên mạng xã hội gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội; gây

khó khăn cho hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ; Đưa hoặc phát tán những thông tin xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đăng tải thông tin đồi trụy, phi văn hóa; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

Đưa những thông tin có tính chất xúi giục, lôi kéo, kích động người khác chống phá lại Đảng, nhà nước, cơ quan, tổ chức và cộng đồng.

Giáo dục học sinh thực hiện đúng quy định về quy tắc ứng xử trên mạng xã hội mà Bộ Văn hóa Thông tin và Truyền thông đã quy định [7]:

- Tìm hiểu và tuân thủ các điều khoản hướng dẫn sử dụng của nhà cung cấp dịch vụ mạng xã hội trước khi đăng ký, tham gia mạng xã hội.

- Nên sử dụng họ, tên thật cá nhân, tên hiệu thật của tổ chức, cơ quan và đăng ký với nhà cung cấp dịch vụ để xác thực tên hiệu, địa chỉ trang mạng, đầu mối liên lạc khi tham gia, sử dụng mạng xã hội.

- Thực hiện biện pháp tự quản lý, bảo mật tài khoản mạng xã hội và nhanh chóng thông báo tới các cơ quan chức năng, nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản tổ chức, cá nhân bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo, lợi dụng và sử dụng vào mục đích không lành mạnh, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Chia sẻ những thông tin có nguồn chính thống, đáng tin cậy.

- Có các hành vi, ứng xử phù hợp với những giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc Việt Nam; không sử dụng từ ngữ gây thù hận, kích động bạo lực, phân biệt vùng miền, giới tính, tôn giáo.

- Không đăng tải những nội dung vi phạm pháp luật, các thông tin xúc phạm danh dự, nhân phẩm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác; sử dụng ngôn ngữ phản cảm, vi phạm thuần phong mỹ tục; tung tin giả, tin sai sự thật; quảng cáo, kinh doanh dịch vụ trái phép... gây bức xúc trong dư luận xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội.

- Khuyến khích sử dụng mạng xã hội để tuyên truyền, quảng bá về đất nước - con người, văn hóa tốt đẹp của Việt Nam, chia sẻ thông tin tích cực, những tấm gương người tốt, việc tốt.

- Vận động người thân trong gia đình, bạn bè, những người xung quanh tham gia giáo dục, bảo vệ trẻ em, trẻ vị thành niên sử dụng mạng xã hội một cách an toàn, lành mạnh.

- Thực hiện nội quy của cơ quan, tổ chức về việc cung cấp thông tin lên mạng xã hội.

- Thông báo tới cơ quan chủ quản để kịp thời có hướng xử lý, trả lời, giải quyết khi có những ý kiến, thông tin trái chiều, thông tin vi phạm pháp luật có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lĩnh vực quản lý của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Ngoài ra còn một số nội dung giáo dục khác cần giáo dục cho học sinh THPT theo từng bối cảnh cụ thể.

1.4.3. Phương pháp, hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1.4.3.1. Phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh là cách thức tác động phối hợp thống nhất giữa nhà giáo dục với học sinh, nhằm hình thành cho các em những hiểu biết pháp, có tình cảm niềm tin đúng đắn về pháp luật và có động cơ đúng đắn khi thực hiện pháp luật và hình thành được các hành vi, thói quen một cách chuẩn mực khi tham gia các lĩnh vực hoạt động xã hội, tuân thủ pháp luật. Phương pháp giáo dục pháp luật bao gồm các nhóm phương pháp sau:

(1) Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân về các chuẩn mực pháp luật:

Nhóm này gồm các phương pháp cụ thể: đàm thoại, thuyết trình, kể chuyện, nêu gương... về một vấn đề pháp luật, nhằm giúp cho học sinh có khả

năng phân tích, đánh giá một hiện tượng pháp luật trong xã hội, hoặc trong không gian ảo, từ đó hình thành những hiểu biết về pháp luật, trên cơ sở đó giáo dục tình cảm, niềm tin và hành vi pháp luật cho học sinh. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư các phương pháp trên có thể sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ, lớp học ảo, mô hình không gian ảo để minh họa cho các bài thuyết trình, giải thích, minh họa để học sinh nhận diện đúng về pháp luật.

(2) Nhóm phương pháp tổ chức hoạt động để hình thành kinh nghiệm ứng xử về các chuẩn mực pháp luật

Nhóm phương pháp này bao gồm phương pháp giao việc, tạo dư luận xã hội, tạo tình huống giáo dục; dự án giáo dục; tập luyện, rèn luyện qua trải nghiệm thực tế... Tức là các phương pháp đưa học sinh vào các hoạt động thực tiễn cụ thể để giáo dục pháp luật để học sinh trải nghiệm thông qua hoạt động nhằm hình thành nhận thức, tình cảm và đặc biệt là hành vi pháp luật phù hợp cho học sinh THPT. Trong bối cảnh cách mạng công nghệ lần thứ 4, giáo viên, nhà trường có thể thiết kế trải nghiệm ảo, thiết kế các tình huống giả định để học sinh trải nghiệm và xử lý thông qua hệ thống máy tính kết nối qua đó GDPL cho học sinh THPT.

(3) Nhóm phương pháp kích thích, điều chỉnh hành vi

Nhóm phương pháp này bao gồm các phương pháp thi đua, khen thưởng, trách phạt... nhằm củng cố, tạo động lực cho học sinh trung học phổ thông trong việc tiếp thu tri thức pháp luật, hình thành niềm tin và hành vi pháp luật và điều chỉnh các hành vi thực hiện pháp luật phù hợp. Trong bối cảnh cách mạng công nghệ lần thứ 4, giáo viên, nhà trường có thể sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ để cho học sinh trải nghiệm những tình huống vi phạm pháp luật để giáo dục học sinh tránh những hành vi tương tự và sử dụng những gương chấp hành tốt có ý thức tốt để giáo dục học sinh làm theo.

Ba nhóm phương pháp giáo dục pháp luật trên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mỗi nhóm phương pháp GDPL có chức năng riêng, ưu thế riêng

trong GDPL cho học sinh THPT. Khi tổ chức hoạt động GDPL cho học sinh THPT nhà trường, giáo viên phải có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo giữa các phương pháp giáo dục nêu trên nhằm chuyển hóa một cách tự giác yêu cầu về việc thực hiện các chuẩn mực pháp luật thành nhu cầu tập luyện, rèn luyện và thể hiện các hành vi tuân thủ pháp luật ở học sinh trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

Các phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh có thể được tiến hành trực tiếp hoặc gián tiếp qua mạng xã hội, qua giáo dục, dạy học trực tuyến.

Giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần phải được đa dạng hóa về phương pháp giáo dục và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật cho học sinh THPT; Việc giáo dục pháp luật có thể tiến hành theo những phương pháp khác nhau như giảng giải, thuyết trình, giáo dục qua tình huống và giáo dục thông qua những trải nghiệm trực tiếp và trải nghiệm ảo trên mạng xã hội để giúp học sinh nhận thức đúng về pháp luật và có ý thức thái độ, hành vi thực thi pháp luật;

1.4.3.2. Hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Giáo dục pháp luật cho học sinh THPT có thể thực hiện qua những hình thức sau đây:

(1) Giáo dục pháp luật thông qua con đường dạy học:

GDPL có thể được thực hiện qua môn học Kinh tế và Pháp luật đây là môn học chiếm ưu thế trong giáo dục pháp luật cho học sinh THPT. Thông qua môn Kinh tế và Pháp luật: Giúp học sinh THPT tiếp tục phát triển các phẩm chất đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Có hiểu biết và tình cảm, niềm tin về những giá trị đạo đức của dân tộc và thời đại, đường lối phát triển đất nước của Đảng và 15 quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; Giáo dục học sinh tích cực, tự giác học tập và tham gia lao động, sản xuất phù hợp với khả năng của bản thân; có trách nhiệm

công dân trong thực hiện đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước để góp phần bảo vệ, xây dựng Tổ quốc; Giáo dục học sinh tôn trọng quyền, nghĩa vụ của tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật; nhận thức, hành động theo lẽ phải và sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, chống các hành vi, hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Giúp học sinh củng cố, nâng cao các năng lực đã được hình thành, phát triển ở cấp trung học cơ sở: Phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; Giúp học sinh lập được mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân và thực hiện được các công việc học tập, rèn luyện để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra; có kiến thức phổ thông, cơ bản về kinh tế, pháp luật; Trên cơ sở đó vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lý các hiện tượng, vấn đề, tình huống chấp hành pháp luật trong thực tiễn cuộc sống; Giúp học sinh THPT có khả năng tham gia các hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực học tập và các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong các hoạt động kinh tế; Hình thành ở học sinh kĩ năng sống, chấp hành pháp luật, bản lĩnh để tiếp tục học tập, làm việc và thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế [9].

Ngoài môn giáo dục Kinh tế và Pháp luật thì GDPL cho học sinh có thể được thực hiện qua các môn học đặc biệt là các môn học chiếm ưu thế như môn Lịch sử; Địa lý; môn Sinh học,... Qua môn Sinh học, giáo viên có thể tiến hành giáo dục Luật môi trường các vấn đề về bảo vệ môi trường, hành vi nghiêm cấm đối với làm ô nhiễm môi trường sống,...

(2) Giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua con đường tổ chức hoạt động trải nghiệm

Nhà trường và giáo viên có thể thiết kế các chủ đề hoạt động trải nghiệm giáo dục pháp luật cho học sinh trên quy mô toàn trường hoặc theo

quy mô khối theo hình thức sân khấu hóa dưới dạng các cuộc thi hoặc tổ chức thi tranh chấm biếm về vi phạm pháp luật; tổ chức làm thơ, báo tường về ý thức chấp hành pháp luật của thanh niên học sinh và người dân trong xã hội; hoặc tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế về phát hiện các hiện tượng vi phạm pháp luật của người dân qua hiện trường hoặc qua tình huống mô phỏng; Hoặc có thể mời Công an tham gia đàm thoại với học sinh về chấp hành pháp luật,...

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động tìm hiểu pháp luật trên qua mô sinh hoạt lớp theo chủ đề đầu tuần hoặc cuối tuần và tổ chức các buổi tọa đàm trong lớp về ý thức chấp hành pháp luật qua đó nâng cao nhận thức về chấp hành pháp luật cho học sinh.

(3) Giáo dục pháp luật thông qua con đường hoạt động xã hội:

Nhà trường, giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động xung kích trên địa bàn về đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, như học sinh tham gia tự quản về an toàn giao thông đường phố; tham gia tự quản về đảm bảo môi trường; bảo vệ rừng; phòng chống tệ nạn xã hội,... Mời cán bộ tòa án nói chuyện về vụ án mà bị cáo ở tuổi vị thành niên. Mời cán bộ đoàn thanh niên nói chuyện về phong trào quần chúng tố giác tội phạm ở địa phương... Tổ chức cho học sinh THPT thi nghiên cứu tìm hiểu các văn bản pháp luật viết bài thu hoạch và nêu phương hướng phấn đấu thực hiện các quy định của pháp luật... Tổ chức cho học sinh xem phim vụ án hay dự các phiên tòa xét xử lưu động có liên quan đến trẻ vị thành niên và rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân...

(4) Giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua hình thức tự giáo dục của học sinh

Tự giáo dục của học sinh vừa là kết quả của giáo dục pháp luật, nhưng đồng thời cũng là con đường GDPL cho học sinh THPT. Hoạt động giáo dục pháp luật chỉ đạt hiệu quả khi nhà trường, giáo viên phát huy được vai trò tự giáo dục, tự rèn luyện chấp hành pháp luật của học sinh. Tính tự giác, tích cực

học tập, rèn luyện trong hoạt động giáo dục pháp luật của mỗi học sinh sẽ quyết định trực tiếp cho việc hình thành tình cảm, niềm tin và hành vi chấp hành pháp luật của mỗi học sinh.

(5) Các hình thức giáo dục pháp luật kể trên có thể tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến trên nền tảng kỹ thuật số thông qua các phần mềm dạy học và chương trình giáo dục online nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh có thể thực hiện cập nhật, bổ sung các kiến thức về pháp luật trong mọi tình huống. Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục số về pháp luật: Số hóa hệ thống văn bản về pháp luật cần giáo dục cho học sinh trên trang Web của trường; Số hóa về tài liệu học tập, bài giảng điện tử, hệ thống câu hỏi đánh giá về giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trên thư viện điện tử và trang Web của trường để học sinh có thể tự học online một cách thuận lợi.

1.4.4. Đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Nội dung đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh được đánh giá bằng các kết quả nhận thức về pháp luật, thái độ đối với việc chấp hành pháp luật của học sinh; đánh giá thông qua các hành vi chấp hành pháp luật của học sinh.

Hình thức đánh giá lồng ghép trong đánh giá kết quả học tập môn Kinh tế & pháp luật; hoạt động trải nghiệm và hoạt động xã hội ở trường phổ thông và ngoài cộng đồng.

Các phương pháp đánh giá có thể tiến hành đánh giá qua trắc nghiệm; đánh giá qua hình thức tự luận; đánh giá qua quan sát hiện trường, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm học tập, rèn luyện, sản phẩm của các dự án giáo dục, đánh giá trực tuyến,...

Các lực lượng tham gia đánh giá: Học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; giáo viên đánh giá; các lực lượng tham gia giáo dục đánh giá.

1.4.5. Các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để tiến hành giáo dục pháp luật cho học sinh THPT, giáo viên và nhà trường là lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong giáo dục học sinh là người thiết kế mục tiêu, nội dung, chương trình GDPL là người lựa chọn phương pháp, HTTC giáo dục cho học sinh. Ngoài nhà trường, giáo viên còn nhiều lực lượng khác có thể tham gia GDPL cho học sinh:

Các tổ chức đoàn thể trong trường đặc biệt là Đoàn thanh niên, Hội sinh viên nhà trường là lực lượng nòng cốt trong nhà trường giáo dục đạo đức, tư tưởng cho học sinh THPT về ý thức chấp hành pháp luật, thái độ và hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh. Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên có thể tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật, tổ chức các hoạt động câu lạc bộ tìm hiểu về pháp luật, tổ chức viết báo tường, tranh cổ động về chấp hành pháp luật nhằm giáo dục pháp luật cho học sinh THPT,...

Gia đình là lực lượng quan trọng phối hợp với nhà trường để giáo dục pháp luật và kiểm tra việc chấp hành pháp luật của học sinh THPT;

Các lực lượng xã hội trên địa bàn, đặc biệt là lực lượng công an trên địa bàn có thể phối hợp với nhà trường để tổ chức các hoạt động GDPL cho học sinh THPT theo các chủ đề giáo dục pháp luật như “An ninh trật tự khu vực”; “Đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy”; “Luật an ninh mạng”; “An toàn giao thông”; “Những quy định của pháp luật về phòng dịch Covid”,...

1.5. Những vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1.5.1. Lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Lập kế hoạch là quá trình xác định mục tiêu hoạt động GDPL cho học sinh THPT và quyết định những gì cần làm để đạt được mục tiêu đó: Lập kế hoạch là chức năng cơ bản nhất trong các chức năng quản lý GDPL cho học

sinh có ý nghĩa quyết định sự tồn tại và phát triển của hoạt động GDPL cho học sinh trong nhà trường THPT [88].

Lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông là quá trình Hiệu trưởng nhà trường xác định mục tiêu giáo dục pháp luật và quyết định nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDPL cho học sinh và những công việc trong công tác giáo dục pháp luật để đạt được mục tiêu giáo dục pháp luật đặt ra.

Nội dung hoạt động lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh của hiệu trưởng trường trung học phổ thông bao gồm các công việc sau đây:

(1) Xác định mục tiêu giáo dục pháp luật. Mục tiêu giáo dục pháp luật là đích hoạt động GDPL cần đạt được ở học sinh về nhận thức, thái độ và hành vi, thói quen chấp hành pháp luật. Mục tiêu giáo dục pháp luật có vai trò định hướng cho hoạt động giáo dục pháp luật trong nhà trường phải đạt được. Khi thiết lập mục tiêu giáo dục pháp luật, Hiệu trưởng cần đảm bảo thể hiện tất các chủ trương, chính sách giáo dục pháp luật của nhà nước, ngành giáo dục và đào tạo; mục tiêu của chương trình giáo dục THPT để từ đó hình thành các phẩm chất và năng lực thực hiện pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. Trên cơ sở nắm vững những quy định về giáo dục pháp luật trong trường học, Hiệu trưởng phải đánh giá đúng thực trạng giáo dục pháp luật hiện nay nói chung và thực trạng GDPL cho học sinh trong nhà trường nói riêng. Đây là căn cứ quan trọng để xác định mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh để kế hoạch GDPL sát với thực tiễn và phù hợp với học sinh. Hiệu trưởng phải đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu, thời cơ và thách thức, yêu cầu mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đối với GDPL cho học sinh THPT về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDPL... Việc đánh giá thực tiễn đặc biệt là mặt yếu và hạn chế sẽ là cơ sở khoa học để đảm bảo xác định đúng mục tiêu, nội dung GDPL của kế hoạch khi thực hiện sẽ khắc phục được những tồn tại cần thiết trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh THPT.

Mục tiêu giáo dục pháp luật bao gồm: (i) mục tiêu cung cấp tri thức pháp luật, kiến thức về chuẩn mực văn hóa pháp luật cho học sinh; (ii) Mục tiêu hình thành tình cảm và lòng tin đối với pháp luật, hình thành được động cơ, tình cảm công bằng và trách nhiệm, tình cảm đấu tranh và thái độ kiên quyết không khoan nhượng với hành vi vi phạm pháp luật; (iii) Mục tiêu về kỹ năng học sinh phải thể hiện hành vi xử sự theo pháp luật của mỗi công dân đang học tập trong nhà trường. Xác định các nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường. Kế hoạch giáo dục pháp luật là chương trình hành động cụ thể thực hiện giáo dục pháp luật. Kế hoạch giáo dục pháp luật có hiệu quả đến đâu tùy thuộc vào nhiều vấn đề trong đó có một vấn đề cơ bản là xác định đúng các nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường. Việc xác định rõ các nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh với các nội dung cần thiết, lâu dài và cụ thể sẽ làm cho nội dung giáo dục pháp luật vừa đảm bảo toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm để kịp thời giải quyết và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Hiệu trưởng xác định nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường bao gồm: Giáo dục hành vi và chuẩn mực đạo đức cho học sinh trung học phổ thông; Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông (An toàn giao thông; An ninh mạng trong bối cảnh hiện nay; những quy định của nhà nước về phòng chống dịch bệnh Covid; Trách nhiệm của người con trong gia đình; người công dân với tài nguyên môi trường; Bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em; Trách nhiệm của công dân với vấn đề lao động, việc làm; trách nhiệm của học sinh trong nhà trường THPT...); Giáo dục cho học sinh trung học phổ thông có kỹ năng sống dựa trên các giá trị sống đúng đắn; Giáo dục về những hiểu biết ban đầu về chính trị thường gặp: Hiến pháp và bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Giáo dục cho học sinh trung học phổ thông về một số những hiểu biết ban đầu về kinh doanh thương mại.

Hiệu trưởng xác định hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh THPT qua các hình thức tổ chức dạy học đặc biệt là dạy học mô Kinh tế &

Pháp Luật; Hoạt động trải nghiệm; Hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể và tự giáo dục của học sinh tương ứng với các nội dung GDPL đã xác định.

Hiệu trưởng lập kế hoạch giáo dục pháp luật thông cho học sinh THPT theo hình thức giáo dục trực tuyến thông qua nền tảng kỹ thuật số: Kế hoạch chuẩn bị học liệu giáo dục pháp luật qua mạng xã hội; kế hoạch thiết kế kịch bản GDPL qua mạng; kế hoạch tổ chức GDPL qua mạng; kế hoạch đánh giá kết quả GDPL qua mạng; kế hoạch phát triển môi trường GDPL Elarning và nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin của nhà trường;...

Hiệu trưởng xác định các nguồn lực cần huy động để tổ chức GDPL cho học sinh THPT bao gồm nhân lực, vật lực, thông tin và nguồn lực tài chính.

Hiệu trưởng xác định thời gian tiến hành với từng nội dung GDPL và địa điểm triển khai với từng chủ đề cụ thể và người chịu trách nhiệm tổ chức, lực lượng tham gia và hình thức triển khai giáo dục.

Kế hoạch GDPL cho học sinh phải thể hiện rõ những kết quả của sản phẩm hoạt động GDPL cần đạt được ở mỗi hoạt động cụ thể và hình thức đánh giá ghi nhận những kết quả này; đồng thời phải thể hiện rõ điều kiện để thực hiện kế hoạch GDPL có hiệu quả và những điều chỉnh kế hoạch có thể diễn ra.

1.5.2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT của hiệu trưởng là quá trình xác định các thành phần tham gia giáo dục pháp luật, bố trí nhân sự, xác định các nguồn lực, mối quan hệ giữa các thành phần tham gia vào quá trình giáo dục pháp luật, nhằm làm cho hoạt động giáo dục pháp luật thực hiện có hiệu quả, đạt được mục tiêu giáo dục pháp luật đặt ra.

Nội dung hoạt động tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông bao gồm:

Hiệu trưởng xác định mục tiêu, nội dung chương trình GDPL cho học sinh ở trường THPT, các phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện và điều kiện thực hiện hoạt động GDPL có hiệu quả.

Hiệu trưởng xác định cơ chế tổ chức quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở trường THPT: Ban chỉ đạo thực hiện, các lực lượng tham gia, lực lượng phối hợp để thực hiện hoạt động GDPL, cơ chế giám sát, đánh giá hoạt động GDPL và dự kiến những biện pháp tổ chức điều chỉnh hoạt động GDPL nếu có.

Hiệu trưởng xác định nhiệm vụ của từng bộ phận trong cơ cấu tổ chức tham gia giáo dục pháp luật. Xác định nhiệm vụ của hiệu trưởng cùng ban giám hiệu trong công tác tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá. Nhiệm vụ và nội dung công việc cụ thể của giáo viên dạy học môn Kinh tế & Pháp luật, các môn học chiếm ưu thế, giáo viên chủ nhiệm lớp, các tổ chức chính trị trong nhà trường trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng là lãnh đạo cao nhất của nhà trường trực tiếp quản lý giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông, triển khai các chủ trương, chính sách về giáo dục pháp luật của Đảng và Nhà nước, trao nhiệm vụ cho các lực lượng tham gia GDPL cho học sinh trong nhà trường. Các phó hiệu trưởng giúp việc cho hiệu trưởng và thừa ủy quyền của hiệu trưởng tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh. Các giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; tổ chức chính trị như công đoàn, đoàn thanh niên, thông qua sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền, tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh, tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm và hoạt động xã hội và tự GDPL của học sinh.

Hiệu trưởng xây dựng cơ chế làm việc, tổ chức phối hợp điều hành hoạt động giáo dục pháp luật giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường: Cơ chế làm việc giữa các bộ phận giáo dục trong nhà trường: hiệu trưởng - phó hiệu trưởng - tổ trưởng chuyên môn - giáo viên, giáo viên chủ nhiệm lớp; cơ chế làm việc với các tổ chức chính trị trong nhà trường và cơ chế làm việc với các tổ chức chính trị ngoài nhà trường. Việc xác định được chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận cụ thể và thiết lập được cơ chế làm

việc, phối hợp giữa các lực lượng giáo dục, quản lý giáo dục pháp luật trong nhà trường và với ngoài nhà trường sẽ là điều kiện đảm bảo để hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh đạt kết quả.

Hiệu trưởng xây dựng các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật và tổ chức tập huấn cho giáo viên cùng các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh về mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp... giáo dục pháp luật cho học sinh và cách thức đánh giá kết quả GDPL cho học sinh.

Hiệu trưởng ban hành một số văn bản hướng dẫn tổ chức GDPL cho học sinh trong trường học đặc biệt là các văn bản hướng dẫn về GDPL trong bối cảnh mới hiện nay như văn hóa mạng, luật an ninh mạng, an toàn thông tin trên mạng và nhiều vấn đề khác trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư như vấn đề xúc phạm thân thể, tinh thần người khác qua mạng xã hội; vấn đề chống thông tin độc giả,... Văn bản hướng dẫn GDPL cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức dạy học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể,...

Hiệu trưởng huy động các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDPL thông qua con đường dạy học, con đường hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội; giáo dục trực tuyến và tự giáo dục pháp luật của học sinh THPT.

Hiệu trưởng xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh theo kế hoạch giáo dục trực tiếp và giáo dục trực tuyến đã xây dựng và có những biện pháp điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.

1.5.3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh là một trong những chức năng quản lý nhằm hiện thực hóa kế hoạch và mục tiêu GDPL cho học sinh THPT. Đặng Quốc Bảo [6], Trần Kiểm [55], Phạm Minh Hạc [35]... chỉ đạo là điều hành, điều khiển, tổ chức hoạt động, động viên giúp đỡ cán bộ

người dưới quyền, các bộ phận thực hiện nhiệm vụ được phân công nhằm đạt được mục tiêu của hệ thống tổ chức.

Chỉ đạo hoạt động GDPL cho học sinh trung học phổ thông là quá trình Hiệu trưởng nắm quyền chỉ huy, điều hành, điều khiển, tổ chức hoạt động GDPL, động viên, giúp đỡ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trong nhà trường cùng các lực lượng ngoài xã hội thực hiện mục tiêu, nội dung và các nhiệm vụ giáo dục pháp luật đã được xác định, nhằm hiện thực hóa mục tiêu giáo dục pháp luật đặt ra thành hành vi và ý thức, thói quen chấp hành pháp luật ở học sinh THPT.

Để chỉ đạo hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông, Hiệu trưởng cần ra các quyết định giáo dục pháp luật cho học sinh bằng văn bản, cụ thể hóa các văn bản pháp quy của cấp trên về giáo dục pháp luật trong nhà trường: Văn bản hướng dẫn GDPL qua môn học; văn bản hướng dẫn GDPL cho học sinh thông qua các chủ đề hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội,...

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên môn Kinh tế & Pháp luật cùng các môn học chiếm ưu thế triển khai hoạt động giáo dục pháp luật thông qua hoạt động dạy học đặc biệt là tăng cường tính trải nghiệm của người học nhằm giáo dục pháp luật cho học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo Đoàn Thanh niên phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và các tổ chức giáo dục và lực lượng giáo dục ngoài trường tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề giáo dục pháp luật để giáo dục pháp luật cho học sinh THPT: Thi tìm hiểu pháp luật; sưu tầm các tình huống về pháp luật; thi vẽ tranh cổ động châm biếm về vi phạm pháp luật... Thực hiện quyền chỉ huy và hướng dẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường, Hiệu trưởng giám sát việc triển khai nội dung chương trình GDPL qua các hình thức GDPL và kết quả đạt được. Đôn đốc, động viên, kích thích hoạt động giáo dục pháp luật cho các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh bằng cách hình thành

những động cơ thúc đẩy mọi người cùng tham gia giáo dục pháp luật từ vị trí công tác của mình để công tác giáo dục pháp luật đạt hiệu quả. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục pháp luật cho học sinh THPT, đặc biệt sử dụng các tình huống mô phỏng về chấp hành pháp luật, mạng xã hội, thế giới ảo để giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh hiện nay. Đặc biệt sử dụng mạng nội bộ kết hợp với các trang báo mạng như báo an ninh,

Hiệu trưởng chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường với cơ quan tư pháp gia đình học sinh và các lực lượng xã hội để triển khai các chủ đề giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT.

Trong quá trình thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh THPT, nhiều khi do thực tiễn đòi hỏi cần thiết phải điều chỉnh nội dung, hình thức giáo dục pháp luật so với kế hoạch đã được xây dựng để đạt được mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh phù hợp với thực tiễn giáo dục đặt ra. Vì vậy, tùy theo tình hình cụ thể, người hiệu trưởng, giám sát và điều chỉnh các hoạt động của các bộ phận, các thành viên, các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục pháp luật.

Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục tăng cường vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức GDPL nhằm phát huy tính tự giác, tính tích cực, tính chủ động của học sinh trong hoạt động tự GDPL để biến quá trình GDPL thành quá trình tự giáo dục ở mỗi học sinh, giúp học sinh tự nhận thức về hoạt động tự rèn luyện, tập luyện thường xuyên hàng ngày để hình thành thói quen chấp hành pháp luật: Để làm được điều đó phải bắt đầu từ việc học sinh tự giác chấp hành nội quy, quy chế học tập, ý thức tự giác trong giữ gìn vệ sinh môi trường; ý thức tự giác khi tham gia giao thông; thực hiện hiện nghĩa vụ trách nhiệm của học sinh trong nhà trường và người con trong gia đình,... giáo dục học sinh chấp hành an ninh mạng.

Hiệu trưởng cần chỉ đạo số hóa hệ thống văn bản, tài liệu, bài giảng giáo dục pháp luật cho học sinh và hệ thống đánh giá kết quả giáo dục pháp luật trực tuyến thông qua mạng.

Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng giáo dục tăng cường vận dụng các hình thức tổ chức GDPL trực tuyến sử dụng mạng nội bộ và mạng xã hội để GDPL cho học sinh nhằm giáo dục học sinh mọi nơi, mọi chỗ.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên và các lực lượng tham gia đánh giá kết quả GDPL cho học sinh thông qua các hình thức tổ chức hoạt động GDPL.

1.5.4. Kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT, Hiệu trưởng cần xác định các nội dung kiểm tra, đánh giá, lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; xây dựng các tiêu chuẩn, tiêu chí để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT. Việc xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí để đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT nhằm đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, đo đạc việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ GDPL đề ra, trên cơ sở đó có những biện pháp điều chỉnh các sai lệch cho hệ thống đạt được mục tiêu GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Nội dung kiểm tra hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông gồm:

Hiệu trưởng kiểm tra công tác xây dựng kế hoạch GDPL cho học sinh thông qua hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội và các hoạt động khác.

Hiệu trưởng kiểm tra công tác tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT và các nguồn lực thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT, kiểm tra công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho cán bộ quản lý, giáo viên, kiểm tra hoạt động phối hợp giữa các lực lượng giáo dục để GDPL cho học sinh THPT. Hiệu trưởng kiểm tra hoạt động dạy học, hoạt động trải nghiệm có tích hợp nội dung GDPL cho học sinh và kết quả đạt được.

Hiệu trưởng kiểm tra các hoạt động của tổ chuyên môn, giáo viên và các lực lượng giáo dục trong thực hiện nội dung, chương trình GDPL cho học sinh ở trường THPT và những kết quả đã triển khai thực hiện.

Hiệu trưởng chỉ đạo đo đạc, đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ giáo dục pháp luật theo kế hoạch. Dựa trên kết quả thu được, Hiệu trưởng cần phải phân tích kết quả, căn cứ vào chuẩn, vào các chỉ số đã được xác định trong tiêu chuẩn để đưa ra các kết luận về mức độ thực hiện giáo dục pháp luật ở mỗi một bộ phận trong nhà trường và mỗi một thành viên trong công tác giáo dục. Điều này đòi hỏi những người thực hiện phải có chuyên môn về năng lực đánh giá, có tính khách quan trung thực và công bằng trong đánh giá giáo dục pháp luật. Người hiệu trưởng cần có thông tin khách quan về kết quả thực hiện giáo dục pháp luật của các bộ phận, so sánh với các tiêu chí đã xác định để đánh giá mức độ đạt được của mỗi một bộ phận, thành viên tham gia giáo dục pháp luật, chỉ rõ những điểm còn hạn chế.

Hiệu trưởng kiểm tra việc thực hiện giáo dục pháp luật đã xác định theo các hình thức khác nhau: kiểm tra trực tiếp, kiểm tra gián tiếp thông qua nghiên cứu sản phẩm của giáo dục pháp luật đó là bài làm, kiểm tra hoặc sản phẩm hoạt động của học sinh; Kiểm tra các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật, các hình thức tổ chức GDPL khác nhau; kiểm tra báo trước và kiểm tra đột xuất việc thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT.

Hiệu trưởng chỉ đạo ứng dụng phần mềm quản lý mọi khâu của kiểm tra đánh giá, tính toán, xếp loại kết quả học tập của học sinh về pháp luật.

Hiệu trưởng chỉ đạo ứng dụng phần mềm để quản lý đánh giá việc thực hiện các chuyên đề giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổng hợp kết quả thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT chỉ rõ những kết quả đạt được so với mục tiêu, kết quả chưa đạt được. Sau khi kiểm tra cần có sự tổng kết rút kinh nghiệm công tác giáo dục pháp luật, từ đó nhân điển hình để phát huy hiệu quả của hoạt động GDPL và đặc biệt sử dụng kết quả kiểm tra như một chỉ

báo trong việc đánh giá giáo viên và phát triển nghề nghiệp cho giáo viên trung học phổ thông.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

1.6.1. Các yếu tố chủ quan

Năng lực quản lý giáo dục của Hiệu trưởng và cán bộ quản lý nhà trường là yếu tố ảnh hưởng có tính chất quyết định tới hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT. Những chủ trương, chính sách và quyết định giáo dục của nhà trường ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả GDPL cho học sinh ở trường THPT: Nội dung chương trình GDPL cho học sinh; huy động các nguồn lực tham gia giáo dục; Đánh giá kết quả GDPL,... Việc nắm vững những quy định của Nhà nước, quy định của ngành về GDPL cho học sinh ở trường THPT là yếu tố cơ bản giúp cho Hiệu trưởng tiến hành thành công hoạt động GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Năng lực giáo dục pháp luật của giáo viên: Trình độ hiểu biết của giáo viên về Luật pháp; nội dung giáo dục pháp luật và các phương pháp, hình thức tổ chức GDPL; thái độ tích cực của giáo viên trong tổ chức GDPL cho học sinh là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả GDPL ở trường THPT.

Năng lực nhận thức, thái độ tích cực tự học tập, tự rèn luyện của học sinh về nội dung giáo dục pháp luật là yếu tố có tính chất quyết định tới kết quả GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Hệ thống các chính sách về giáo dục pháp luật trong trường học là yếu tố tác động trực tiếp tới quá trình giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường THPT, các chính sách có tác dụng tạo động lực cho quá trình giáo dục pháp luật trong trường học đạt hiệu quả. Các chính sách giáo dục pháp luật của nhà trường bắt đầu từ mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục pháp luật; chính sách về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục pháp luật; chính sách về giáo viên về học sinh và chính sách về tài chính, cơ sở vật chất hỗ trợ giáo dục pháp luật; chính sách về cơ chế kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật và giáo dục pháp luật.

1.6.2. Các yếu tố khách quan

Các lực lượng tham gia GDPL và quản lý GDPL là lực lượng hỗ trợ đắc lực cho nhà trường đạt được mục tiêu của GDPL; Đội ngũ công tác viên nhiệt tình với giáo dục pháp luật: Nhà trường có những biện pháp thu hút được cán bộ các ngành công an, tòa án, viện kiểm sát, các luật sư... có năng lực chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm tham gia các chuyên đề giáo dục pháp luật cho học sinh. Đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để GDPL cho học sinh là điều kiện cần và đủ trong GDPL và quản lý GDPL cho học sinh ở trường THPT;

Môi trường GDPL là yếu tố ảnh hưởng tới kết quả GDPL cho học sinh, đặc biệt là môi trường xã hội ảo trên không gian mạng hiện nay từng ngày, từng giờ tác động tới học sinh THPT; những không gian trái chiều; những thông tin xấu độc có thể là nguy cơ dẫn tới học sinh vi phạm Luật an ninh mạng; Hệ thống giao thông dày đặc; ý thức chấp hành giao thông của một bộ phận người dân không tốt cũng là nguy cơ ảnh hưởng tới ý thức chấp hành Luật Giao thông của học sinh THPT; Vấn đề môi trường và ý thức chấp hành bảo vệ môi trường của người dân; vấn đề sao chép ấn phẩm của người khác một cách vô tư, hờn nhiên của nhiều người cũng là những vấn đề ảnh hưởng tới ý thức chấp hành pháp luật của học sinh THPT;

Nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục pháp luật: Nguồn lực phục vụ cho giáo dục pháp luật của nhà trường bao gồm nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động trải nghiệm về pháp luật, cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, hệ thống Internet, học liệu... phục vụ cho giáo viên và học sinh thực hiện nội dung GDPL;

Các yếu tố ảnh hưởng trên đây là một thể thống nhất, đồng bộ, không loại trừ nhau, tuy nhiên yếu tố chủ quan là những yếu tố ảnh hưởng có tính chất quyết định, vì vậy các địa phương, các nhà trường đều phải chú ý khai thác, vận dụng cho phù hợp với thực tế của mình.

Kết luận chương 1

Giáo dục pháp luật cho học sinh là mục tiêu, nội dung giáo dục ở trường THPT là việc làm có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó góp phần giáo dục nên công dân tương lai biết thực thi hiến pháp và pháp luật, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước.

Giáo dục pháp luật là hoạt động có mục đích, có tổ chức dưới vai trò chủ đạo của giáo viên, nhà trường và các lực lượng giáo dục, người học tự giác tích cực chủ động hình thành ý thức cá nhân về pháp luật, tình cảm, niềm tin, động cơ pháp luật và hành vi phù hợp với chuẩn mực pháp luật hiện hành.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra cho GDPL và quản lý GDPL cần phải chuyển đổi số, phát triển môi trường giáo dục trực tuyến và tăng cường giáo dục an ninh mạng cho học sinh,...

Quản lý giáo dục pháp luật cho HS THPT là quá trình Hiệu trưởng tiến hành đồng bộ các chức năng quản lý nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu hình thành kiến thức, thái độ, tình cảm, động cơ nhu cầu và thói quen, hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh THPT. Để quản lý GDPL có hiệu quả, Hiệu trưởng phải làm tốt công tác lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá hoạt động GDPL theo kế hoạch đã xây dựng thông qua hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Để quản lý pháp luật cho HS THPT có hiệu quả chủ thể quản lý và những thành phần tham gia phải có đủ năng lực, phải am hiểu về pháp luật, có phương pháp sư phạm tốt, nhà trường phải có đủ các nguồn lực thiết yếu cho quá trình giáo dục, phải chú ý đến những thông tin phản hồi từ học sinh, từ xã hội, nhằm đổi mới thường xuyên nội dung và phương pháp giáo dục và phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để GDPL cho học sinh THPT.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH BẮC NINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

2.1. Khái quát về giáo dục THPT của Tỉnh Bắc Ninh và tổ chức khảo sát

2.1.1. *Khái quát về kinh tế, văn hóa và giáo dục trung học phổ thông của tỉnh Bắc Ninh*

Hệ thống các trường THPT tỉnh Bắc Ninh phân bố tương đối đồng đều và rộng khắp đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đi học của trẻ em trong độ tuổi. Năm học 2016 - 2017 toàn tỉnh có *36 trường THPT*, trong đó có *23 trường công lập, 13 trường tư thục*.

Số lượng học sinh THPT trong toàn tỉnh năm học 2016 - 2017 là 38.225 học sinh. Số lượng học sinh nữ là 18.899, chiếm tỷ lệ 49,4%. Tỷ lệ học sinh THPT theo học trường công lập chiếm 88,3%, tỷ lệ HS theo học trường ngoài công lập chiếm 11,7%.

Nhìn chung, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý của các trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Các đơn vị đảm bảo đủ về số lượng giáo viên định biên theo qui định. Về cơ bản đội ngũ giáo viên đảm bảo đồng bộ và cân đối cơ cấu.

Năm học 2016 - 2017, toàn tỉnh có *1.908 GVTHPT* và *90 CBQL* các trường THPT, trong đó 100% GV có trình độ đạt chuẩn, 25% GV trên chuẩn. Ngành GD&ĐT đã tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả cao chương trình và quy chế chuyên môn. Công tác giáo dục đạo đức và hoạt động ngoài giờ lên lớp được chỉ đạo triển khai hiệu quả với nhiều hình thức hoạt động, có tác dụng tốt trong việc giáo dục nhân cách học sinh. Ngành GD&ĐT cũng đã tăng cường chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá học sinh. Hàng năm tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi các môn văn hoá và thu được kết quả tốt. Trong quá trình chỉ đạo đổi mới hình thức dạy học, Sở GD&ĐT Bắc Ninh hướng dẫn và triển khai đến 100% các trường trung học về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dạy học gắn với sản xuất kinh doanh. Các nhà trường thực hiện việc học tập, trải nghiệm tại các xí nghiệp của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn.

Ngành GD&ĐT tỉnh Bắc Ninh cũng chú trọng tới giáo dục toàn diện cho học sinh: Đức - Trí - Thể - Mỹ. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định, đã chú trọng bồi dưỡng mũi nhọn và nâng cao chất lượng đại trà, giảm tỷ lệ học sinh yếu, kém về văn hoá và đạo đức, giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Giáo dục đạo đức đã được đẩy mạnh, học sinh đại đa số ngoan, lễ phép, có ý thức vươn lên trong học tập và rèn luyện đạo đức. Chất lượng giáo dục văn hoá đã được nâng cao, tỷ lệ học sinh khá, giỏi ngày càng cao. Cụ thể được thể hiện trong báo cáo của Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Bắc Ninh năm học 2016 - 2017:

**Bảng 2.1. Xếp loại hạnh kiểm HSTHPT tỉnh Bắc Ninh
năm học 2016 - 2017**

TT	Trường THPT	Tổng số HS	Hạnh kiểm							
			Tốt		Khá		TB		Yếu	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chuyên BN	856	855	99.883	1	0.117	0	0	0	0
2	Lý Thái Tổ	1934	1845	95.398	84	4.343	5	0.26	0	0
3	Nguyễn Đ.Đạo	1344	1261	93.8	62	4.61	9	0.67	12	0.89
4	Thuận Thành 1	2018	923	95.29	1093	4.61	2	0.1	0	0
5	Yên Phong 1	2097	1849	88.174	218	10.4	25	1.19	5	0,2
6	Hàn Thuyên	1986	1821	91.692	156	7.855	9	0.45	0	0
7	Quế Võ 2	1449	1267	87.44	152	10.49	30	2.07	0	0
8	Tiên Du 1	1924	1722	89.501	154	8.004	39	2.03	9	
9	Lê Văn Thịnh	1533	1458	95.108	47	3.066	22	1.44	6	0.4
10	Lý Nhân Tông	1421	1214	85.433	175	12.32	28	1.97	4	0.3
11	Ngô Gia Tự	1297	1076	82.961	202	15.57	17	1.31	2	0.15
12	Quế Võ 3	834	616	73.861	181	21.7	33	3.96	4	0.5%
13	Quế Võ 1	1900	1750	92.105	132	6.947	14	0.74	4	0
14	Gia Bình 1	1371	1129	82.35	207	15.1	32	2.33	3	0
15	Lương Tài	1997	1802	90.235	158	7.912	30	1.5	7	0.35
16	Lương Tài 2	1233	1105	89.619	89	7.218	34	2.76	5	0.4
17	Lý Thường Kiệt	810	606	74.815	180	22.22	24	2.96	0	0
18	Hoàng Quốc Việt	892	742	83.184	130	14.57	9	1.01	11	1.2
19	Thuận Thành 2	1653	1406	85.057	235	14.22	11	0.67	1	
20	Nguyễn Văn Cừ	1285	1023	79.611	235	18.29	27	2.1	0	0
21	Thuận Thành 3	1425	1213	85.123	163	11.44	42	2.95	7	0.49
22	Hàm Long	706	592	83.853	97	13.74	13	1.84	4	0.57
23	Yên Phong 2	1660	1192	71.807	314	18.92	127	7.65	27	1.63
24	NKTDĐT Olympic	70	42	60	22	31.43	4	5.71	2	2.86
Cộng		33695	28509	84.61	4487	13.3	586	1.7	113	4.1

**Bảng 2.2. Xếp loại học lực học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh
năm học 2016 - 2017**

TT	Trường THPT	Tổng số HS	Học lực									
			Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Chuyên BN	856	797	93.1	59	6.893	0	0	0	0	0	0
2	Lý Thái Tổ	1934	705	36.5	1152	59.57	77	3.981	0	0	0	0
3	Nguyễn Đ.Đạo	1344	461	34.3	737	54.8	128	9.5	18	1.34	0	0
4	Thuận Thành 1	2018	723	35.8	1214	60.16	80	3.96	1	0.05	0	0
5	Yên Phong 1	2097	823	39.2	1086	51.79	178	8.488	10	0.48	0	0
6	Hàn Thuyên	1986	706	35.5	1225	61.68	55	2.769	0	0	0	0
7	Quế Võ 2	1449	175	12.1	872	60.18	400	27.61	2	0.14	0	0
8	Tiên Du 1	1924	435	22.6	1159	60.24	304	15.8	26	1.35	0	0
9	Lê Văn Thịnh	1533	260	17	1047	68.3	220	14.35	6	0.39	0	0
10	Lý Nhân Tông	1421	373	26.2	826	58.13	213	14.99	9	0.63	0	0
11	Ngô Gia Tự	1297	212	16.3	831	64.07	247	19.04	7	0.54	0	0
12	Quế Võ 3	834	63	7.55	570	68.35	198	23.74	3	0.36	0	0
13	Quế Võ 1	1900	538	28.3	1064	56	283	14.89	15	0.79	0	0
14	Gia Bình 1	1371	182	13.3	786	0.573	378	0.276	24	0.02	1	0.073
15	Lương Tài	1997	392	19.6	1225	61.34	356	17.83	24	1.2	0	0
16	Lương Tài 2	1233	256	20.8	679	55.07	271	21.98	23	1.87	4	0.324
17	Lý Thường Kiệt	810	40	4.94	466	57.53	288	35.56	16	1.98	0	0
18	Hoàng Quốc Việt	892	1470	16.5	542.0	60.76	197.0	22.09	6.0	0.67	0.0	0
19	Thuận Thành 2	1653	282	17.1	1164	70.42	207	12.52	0	0	0	0
20	Nguyễn Văn Cừ	1285	75	5.84	787	61.25	407	31.67	15	1.17	1	0.078
21	Thuận Thành 3	1425	155	10.9	936	65.68	298	20.91	36	2.53	0	0
22	Hàm Long	706	41	5.81	339	48.02	307	43.48	19	2.69	0	0
23	Yên Phong 2	1660	231	13.9	902	54.34	517	31.14	10	0.6	0	0
24	NKTDĐT Olympic	70	1	1.43	30	42.86	37	52.86	0	0	2	2.857
Cộng		33695	8073	24	19698	58.5	5646	16.8	270	0.8	8	0.02

Các nhà trường cũng đã chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông,... theo đúng hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT. Với 6 nội dung trọng tâm trong năm học 2016-2017 được triển khai thực hiện tại các nhà trường đó là: Hát Quốc ca khi chào cờ Tổ quốc; văn hóa xếp hàng; dạy hát dân ca Quan họ trong trường học; tập thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ và võ cổ truyền. Trong năm học sở GDĐT tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành: GDĐT, Văn hóa thể thao và du lịch, Thông tin truyền thông đối với các trường trung học nhằm đôn đốc và tăng hiệu quả của công tác chỉ đạo và triển khai.

Thực hiện đúng và có hiệu quả các giờ chính khóa môn Thể dục, tích cực rèn luyện học sinh tham gia các cuộc thi thể thao như: Điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cầu lông,... tích cực tham gia đại hội thể thao các cấp. Chương trình môn giáo dục quốc phòng an ninh (QPAN) được thực hiện đúng qui định. Bắc Ninh tổ chức thành công Hội thao QPAN học sinh trung học góp phần thiết thực vào việc nâng cao nhận thức về tầm quan trọng về QPAN của đất nước trong tình hình mới, nâng cao sức khỏe cho học sinh và giáo viên.

2.1.2. Tổ chức khảo sát thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh

2.1.2.1. Mục đích khảo sát

Mục đích khảo sát nhằm đánh giá đúng thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT tỉnh Bắc Ninh và thực trạng QLGD pháp luật cho học sinh ở trường THPT tỉnh Bắc Ninh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng để tìm ra nguyên nhân của thực trạng làm căn cứ đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho học sinh ở trường THPT.

2.1.2.2. Nội dung khảo sát

Khảo sát thực trạng GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

Khảo sát thực trạng quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng tới quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

2.1.2.3. Đối tượng khảo sát

CBQL của 20 trường THPT: 60 người.

Giáo viên THPT và cán bộ Đoàn TNCSHCM của 20 trường THPT tỉnh Bắc Ninh: 200 người.

Học sinh của 20 trường THPT tỉnh Bắc Ninh: 1000 học sinh.

Tổng số đối tượng khách thể khảo sát là 1260 người.

2.1.2.4. Phương pháp khảo sát

Sử dụng điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp phỏng vấn sâu đối với CBQL và giáo viên THPT và các lực lượng tham gia.

Xử lý số liệu khảo sát thu được, các số liệu khảo sát được đánh giá theo các mức độ sau đây:

1. Rất thường xuyên;tốt; rất nhiều; rất ảnh hưởng.
2. Thường xuyên; Khá; Nhiều; Ảnh hưởng.
3. Không thường xuyên; Trung bình; ít thể hiện; ít ảnh hưởng.
4. Chưa thực hiện; Yếu; Chưa thể hiện không ảnh hưởng.

Các kết quả thu được tính điểm trung bình

Sử dụng thang đo Likert 4 bậc lựa chọn trong bảng khảo sát.

Khi đó: Giá trị khoảng cách = (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/4 = 0.75

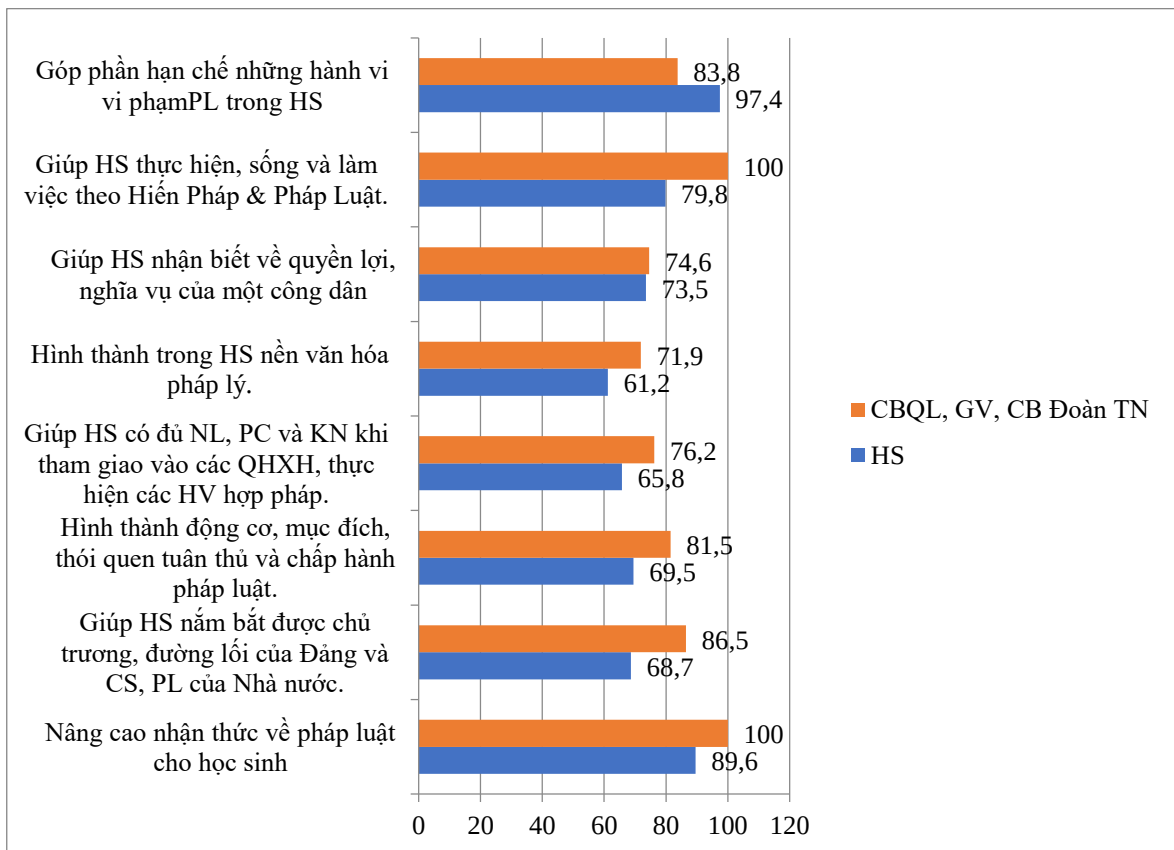
Ý nghĩa các mức như sau:

STT	Điểm trung bình	Mức đánh giá
1	1,0 đến cận 1,75	Chưa thực hiện; Yếu; Chưa thể hiện; không ảnh hưởng
2	1,75 đến cận 2,5	Không thường xuyên; Trung bình; Ít thể hiện; ít ảnh hưởng
3	2,5 đến cận 3,25	Thường xuyên; Khá; thể hiện nhiều; Ảnh hưởng
4	3,25 đến 4,0	Rất thường xuyên; Tốt; thể hiện rất nhiều; Rất ảnh hưởng

2.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.2.1. Thực trạng nhận thức về giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sử dụng phiếu hỏi ở phụ lục tiến hành khảo sát trên các đối tượng cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh THPT về ý nghĩa của giáo dục pháp luật, tác giả thu được kết quả thể hiện ở biểu đồ như sau:



Biểu đồ 2.1. Nhận thức của CBQL, GV, CB đoàn thanh niên và của HS về ý nghĩa, vai trò của giáo dục pháp luật cho HS THPT

Kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung CBQL, GV, CB đoàn thanh niên và HS đều đánh giá cao ý nghĩa của việc GDPL mang lại như: Nâng cao nhận thức về pháp luật cho HS, giúp HS thực hiện sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật trong HS, giúp HS nắm rõ chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước,... Trong đó, nhóm CBQL, GV, CB đoàn thanh niên đánh giá cao

hơn về ý nghĩa của việc GDPR mang lại thể hiện ở việc các tiêu chí đều có trên 70% ý kiến lựa chọn. Tỷ lệ này ở HS thấp hơn đôi chút, từ 61,2 đến 97,4% ý kiến lựa chọn.

Nhận xét chung: Về cơ bản đa số CBQL, GV, CB đoàn thanh niên và học sinh THPT đã có nhận thức đúng về ý nghĩa của GDPL cho học sinh THPT, tuy nhiên còn một bộ phận CBQL, GV, CB đoàn thanh niên và học sinh THPT chưa có nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa của GDPL cho học sinh THPT, vì vậy CBQL nhà trường THPT cần quan tâm đến yếu tố này.

2.2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu và nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sử dụng phiếu hỏi phần phụ lục khảo sát trên các đối tượng để đánh giá về việc thực hiện mục tiêu GDPL cho học sinh THPT, kết quả thu được ghi ở bảng 2.3.

Bảng 2.3. Thực trạng mức độ đạt được mục tiêu của giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

[illegible]

Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh về mức độ đạt được mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT cho thấy, các hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông hiện nay đã đạt được mục tiêu ở mức độ khá, thể hiện ở điểm trung bình của các tiêu chí 2,72đ. Mục tiêu của giáo dục pháp luật bao gồm nhiều mục tiêu và các mục tiêu được đánh giá ở mức độ không đồng đều nhau. Cụ thể, mục tiêu “Cung cấp nâng cao kiến thức pháp luật. Nhận thức giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết của các qui định pháp luật phù hợp với học sinh” được đánh giá đạt được ở mức cao nhất với điểm trung bình 2,9đ. Mục tiêu “Hình thành và nâng cao thái độ, tình cảm, tôn trọng pháp luật. Niềm tin vào pháp luật của học sinh” được đánh giá đạt được ở bậc 2 với điểm trung bình 2,83đ. Và cuối cùng là mục tiêu “Xây dựng cho học sinh thói quen, xử sự và thực hiện các hành vi đúng pháp luật, theo pháp luật” đạt 2,43đ, xếp bậc 3.

Phỏng vấn ông N.V.B (CBQL) cho biết: *“Giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông có nhiều mục tiêu và theo tôi giáo dục pháp luật hiện nay đã đạt được những mục tiêu cơ bản nhưng ở các mức độ khác nhau. Việc cần làm là làm sao để giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật của học sinh và hoạt động giáo dục pháp luật được tiến hành một cách có hệ thống, thống nhất trong nhà trường và ngoài xã hội”*.

Nhận xét chung về mức độ thực hiện mục tiêu GDPL cho học sinh THPT mới đạt mức khá, riêng mức độ thực hiện về giáo dục thói quen, hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình.

2.2.3. Nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh, tác giả luận án tiến hành khảo sát thực trạng thực hiện nội dung GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh và kết quả thu được ghi ở bảng 2.4.

Nhìn vào bảng 2.4 cho thấy mức độ thực hiện các nội dung GDPL cho học sinh THPT chỉ đạt ở mức độ khá nhưng ở mức độ thấp trên mức trung bình không đáng kể, kết quả khảo sát cũng cho thấy nội dung GDPL được các trường THPT đánh giá đã thực hiện tốt nhất là nội dung: Giáo dục các vấn đề về đạo đức, lối sống liên quan đến quyền, bổn phận của học sinh trong nhà trường, gia đình và xã hội có điểm số trung bình đạt 2.99 điểm đạt mức khá điều này dễ hiểu bởi giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh THPT là một trong những nhiệm vụ giáo dục cơ bản của nhà trường và là mục tiêu mà nhà trường cần đạt được.

Nội dung được đánh giá thực hiện ở mức xếp thứ 2 là: Giáo dục cho học sinh THPT về Luật GD, Điều lệ trường trung học; Nội quy, quy chế của nhà trường; Luật nghĩa vụ quân sự,... có điểm trung bình trung là 2.88 điểm đạt mức khá, điều này cũng dễ lý giải bởi học sinh đi học cần phải nắm vững quyền và nghĩa vụ, nhiệm vụ của học sinh được quy định trong Luật và Điều lệ nhà trường và phải chấp hành Nội quy, quy chế mà nhà trường đưa ra. Mặt khác các em đang là tuổi thanh niên cần phải hiểu rõ về nghĩa vụ trách nhiệm quân sự đối với xây dựng, bảo vệ tổ quốc.

Các nội dung GDPL được đánh giá thực hiện ở mức trung bình là:

Giáo dục cho học sinh THPT về các vấn đề: An toàn giao thông; Trách nhiệm của công dân với tài nguyên môi trường; Trách nhiệm của công dân với vấn đề xây dựng bảo vệ tổ quốc, lao động, việc làm...

Giáo dục luật an ninh mạng, công dân toàn cầu, vấn đề tham gia mạng xã hội, văn hóa mạng và an toàn thông tin,... cho học sinh THPT.

Nội dung: Giáo dục cho HS trung học phổ thông về một số những hiểu biết ban đầu về kinh doanh thương gặt như Tiền tệ, Tiêu tiền thông minh, Kinh tế thị trường, Đạo đức kinh doanh, khởi nghiệp” với điểm trung bình 1,73đ xếp bậc 5 (*thấp nhất trong các nội dung giáo dục*).

Trao đổi với giáo viên Ng trường THPT Hàn Thuyên tỉnh Bắc Ninh, tác giả được cô cho biết, giáo viên và nhà trường bước đầu mới quan tâm đến

các nội dung giáo dục đạo đức, lối sống liên quan đến vấn đề pháp luật và quan tâm đến giáo dục nhận thức, thái độ, hành vi thực hiện Luật Giáo dục, Điều lệ nhà trường; Nội quy học tập, quy chế thi, kiểm tra, đánh giá, chấp hành nền nếp học tập là cơ bản; các nội dung khác có quan tâm nhưng chưa sâu, chưa có nhiều hình thức tổ chức thực hiện đa dạng,... Mặt khác việc GDPL cho học sinh THPT còn nặng về nội dung lý thuyết chưa quan tâm sâu đến giáo dục thói quen, kỹ năng, hành vi chấp hành Luật.

Khi được hỏi về vấn đề giáo dục Luật an ninh mạng hiện nay cho học sinh, giáo viên trả lời nội dung này chúng tôi mới chỉ dừng ở truyền tải theo tinh thần công văn chỉ đạo chưa có những nội dung cụ thể thiết thực để giáo dục cho học sinh một cách cụ thể.

Nhận xét chung: Về cơ bản nội dung GDPL cho học sinh THPT đã được triển khai ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh, tuy nhiên mức độ thực hiện chưa được đánh giá cao và chưa đồng bộ ở các nội dung cần triển khai. Một số nội dung GDPL liên quan đến cách mạng công nghiệp lần thứ tư chưa được quan tâm đúng mức đó là giáo dục Luật an ninh mạng, vấn đề an toàn thông tin, vấn đề văn hóa mạng,...

Bảng 2.4. Đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Chưa thực hiện			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Giáo dục các vấn đề về đạo đức,lối sống liên quan đến quyền, bổn phận của học sinh trong nhà trường, gia đình và xã hội	324	25,7	627	49,8	289	22,9	20	1,59	2,99	1
2	Giáo dục cho học sinh THPT về Luật GD, Điều lệ	316	25,1	537	42,6	354	28,1	53	4,2	2,88	2

[illegible]

2.2.4. Phương pháp và hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để đánh giá về thực trạng sử dụng các phương pháp GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát trên các nhóm đối tượng và kết quả thu được ghi ở bảng 2.5.

Bảng 2.5. Đánh giá mức độ thực hiện phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh

TT	Phương pháp	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
1	Phương pháp thuyết phục (đàm thoại, tranh luận, nêu gương)	354	28,1	655	52	271	21,5	0	0	3,11	2
2	Phương pháp tổ chức hoạt động (giao công việc, tạo dư luận XH, tạo tình huống GD, phiên tòa giả định...)	328	26	689	54,7	243	19,3	0	0	3,07	3
3	Phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi (thi đua, khen thưởng, trách phạt)	381	30,2	682	54,1	197	15,6	0	0	3,15	1
	Trung bình									3,11	

Kết quả khảo sát cho thấy, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông được thực hiện ở mức khá với điểm trung bình 3,11 đã xếp ở mức thường xuyên. Trong đó:

Phương pháp kích thích, điều chỉnh hành vi (thi đua, khen thưởng, trách phạt) được đánh giá thực hiện thường xuyên nhất với điểm trung bình 3,15, xếp thứ 1.

Tiếp đến là phương pháp thuyết phục (đàm thoại, tranh luận, nêu gương) với điểm trung bình 3,11đ, xếp thứ 2.

Cuối cùng là phương pháp tổ chức hoạt động với điểm trung bình 3,07đ, xếp thứ 3.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, việc thực hiện giáo dục pháp luật có sự chỉ đạo thống nhất của hành lang pháp lý - đó là các văn bản chỉ đạo thực hiện của các cấp theo tuyến dọc bên ngành giáo dục, đồng thời của các cấp thuộc về chính quyền UBND và các ban ngành có liên quan. Việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông được nhất quán triển khai từ trung ương đến địa phương và có sự phối hợp nhịp nhàng và kịp thời giữa các ban ngành liên quan vì điều xác định. Ông N.Đ.K (CBQL) trường THPT Hàn Thuyên, tỉnh Bắc Ninh nhận định: “Về văn bản và hành lang pháp lý để thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường nói chung và công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông nói riêng đã ban hành hệ thống văn bản khá đầy đủ. Tuy nhiên Vai trò của đơn vị đầu mối phối hợp chưa rõ ràng. Hoạt động phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường còn mang tính vụ việc, thiếu sự chỉ đạo thường xuyên đồng bộ, thống nhất. Cần đa dạng hóa các phương pháp giáo dục mang tính trải nghiệm cho người học tăng cường việc tập luyện kỹ năng, hành vi để học sinh hình thành các thói quen chấp hành pháp luật, các phương pháp cần được sử dụng như phương pháp tình huống, nghiên cứu trường hợp; dự án GDPL,...

Tìm hiểu sâu hơn, tác giả luận án tiến hành khảo sát về mức độ thực hiện các hình thức tổ chức GDPL, kết quả thu được ở bảng 2.6.

**Bảng 2.6. Đánh giá mức độ thực hiện hình thức giáo dục pháp luật
cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh**

TT	Hình thức	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Không bao giờ			
1	Tích hợp, lồng ghép thông qua hoạt động dạy học các môn học	236	18,7	654	51,9	315	25	55	4,4	2,85	1
2	Hoạt động trải nghiệm (sinh hoạt CLB pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...)	155	12,3	479	38	452	35,9	174	13,8	2,49	2
3	Tổ chức hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể	164	13	452	35,9	461	36,6	183	14,5	2,47	3
4	Thông qua hoạt động tự giáo dục pháp luật	132	10,5	318	25,2	405	32,1	405	32,1	2,14	4
5	Giáo dục trực tuyến thông qua sử dụng mạng nội bộ nhà trường và mạng xã hội	0	0	236	18,7	370	29,9	654	51,9	1,67	5
	Trung bình									2,32	

Qua bảng trên ta thấy, nhìn một cách khái quát, việc thực hiện các hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT được đánh giá ở mức thường xuyên và không thường xuyên, với điểm trung bình chung 2,48 đ và điểm trung bình các tiêu chí dao động từ 2,14đ đến 2,85đ.

Hình thức giáo dục pháp luật cho học sinh rất đa dạng và mức độ thực hiện các hình thức giáo dục pháp luật được đánh giá khác biệt nhau và không đồng đều. Trong đó:

Hình thức: Tích hợp, lồng ghép thông qua hoạt động dạy học các môn học” được đánh giá thực hiện thường xuyên hơn các hình thức giáo dục pháp luật khác với điểm trung bình 2,85đ, xếp thứ 1 ở mức thường xuyên.

Hình thức: Hoạt động trải nghiệm ở trường THPT (sinh hoạt CLB pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...) điểm trung bình lần lượt là 2,49 đ, xếp thứ 2 đạt mức không thường xuyên.

Hình thức: Giáo dục pháp luật thông qua tổ chức hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể, điểm trung bình 2,47đ, xếp thứ 3 đạt mức không thường xuyên.

Hình thức: Thông qua hoạt động tự giáo dục pháp luật với điểm trung bình là 2,14đ, xếp thứ 4 đạt mức không thường xuyên.

Phỏng vấn **cô N.T.H (GV)** Trường THPT Hàn Thuyên cho biết: “Hình thức giáo dục pháp luật thông qua việc phân tích các trường hợp điển hình về hành vi vi phạm pháp luật làm đúng, thực hiện đúng các quy định pháp luật của học sinh THPT vô cùng quan trọng và có tác dụng tốt nhất là trong dạy học trên lớp có kết hợp bằng hình ảnh do công nghệ thông tin đưa lại. Hình thức giáo dục này rất cụ thể, dễ hiểu và ảnh hưởng trực tiếp đến học sinh, có tác động ngay đến nhận thức, thái độ và hành vi pháp luật của học sinh THPT, tuy nhiên chưa được giáo viên sử dụng nhiều”.

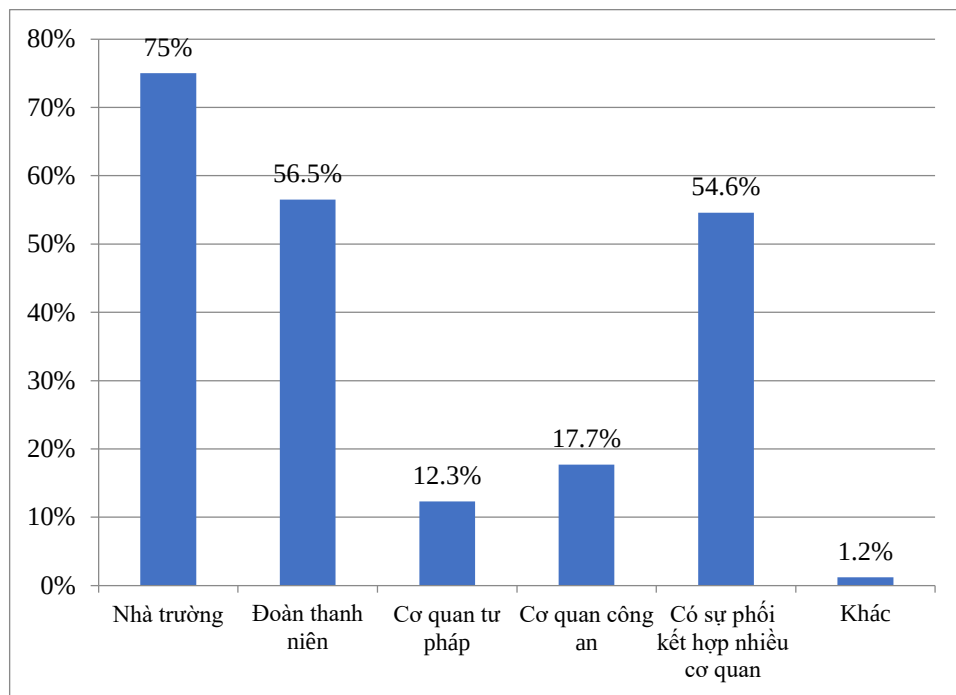
Hình thức: Giáo dục trực tuyến thông qua sử dụng mạng nội bộ nhà trường và mạng xã hội là hình thức được đánh giá với kết quả thấp nhất ở mức chưa thực hiện.

Phỏng vấn HS Nguyễn Văn A lớp 12 trường THPT Hàm Long, tác giả luận án được biết nhà trường chưa có những buổi sinh hoạt trực tuyến về GDPL; chưa có trang Web về GDPL cho học sinh, chưa tập hợp hệ thống các văn bản về PL để học sinh dễ tra cứu, tìm hiểu, chưa có trang thông tin về GDPL trong nhà trường.

Nhận xét chung: Các hình thức GDPL cho học sinh ở trường THPT tỉnh Bắc Ninh đã được triển khai tuy nhiên kết quả chỉ đạt ở mức thường xuyên và chưa thường xuyên, còn nhiều hình thức mang tính trải nghiệm có tác dụng hình thành kỹ năng hành vi, thói quen chấp hành pháp luật chưa được giáo viên sử dụng thường xuyên.

2.2.5. Thực trạng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông của các lực lượng giáo dục ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Trong hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT có nhiều lực lượng giáo dục tham gia. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát về mức độ thường xuyên tham gia của các lực lượng giáo dục trong hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.



Biểu đồ 2.2. Mức độ tham gia giáo dục pháp luật cho HS của các lực lượng giáo dục ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh

Từ kết quả khảo sát nêu trên cho thấy hoạt động GDPL cho học sinh THPT đã có sự tham gia của các lực lượng giáo dục tuy nhiên mức độ tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh THPT ở tỉnh Bắc Ninh là chưa đồng bộ giữa các lực lượng.

Kết quả khảo sát cho thấy, được đánh giá là tổ chức thường xuyên nhất triển khai những hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT là *nhà trường* (75%), tiếp đến là *Đoàn thanh niên* (56,5%), và có sự phối hợp của *nhiều cơ quan khác nhau* (54,6%). Hoạt động phối hợp giữa Nhà trường, Đoàn thanh niên với các cơ quan trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh THPT đã được triển khai rộng và căn cứ trên trách nhiệm

của từng sở, ban, ngành. Tuy nhiên mức độ tham gia của các lực lượng xã hội cùng với nhà trường để GDPL cho học sinh THPT là chưa cao đặc biệt gia đình học sinh chưa có sự tham gia thường xuyên cùng với nhà trường để GDPL cho học sinh THPT.

2.2.6. Thực trạng đánh giá kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học phổ thông ở tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Để đánh giá kết quả của hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh THPT ở tỉnh Bắc Ninh, tác giả luận án đã tiến hành khảo sát đánh giá trên các đối tượng về những biểu hiện hành vi vi pháp pháp luật của học sinh THPT, kết quả thu được ghi ở bảng 2.7.

**Bảng 2.7. Biểu hiện hành vi vi phạm pháp luật của học sinh THPT
(n=1260)**

[illegible]

Kết quả khảo sát cho thấy học sinh các trường THPT còn có hiện tượng vi phạm pháp luật, hiện tượng vi phạm pháp luật phổ biến nhất học sinh mắc phải đó là: Vi phạm các quy định về an toàn giao thông có điểm số trung bình được CBQL, GV, Đoàn Thanh niên và học sinh đánh giá là 3.14 điểm ở mức nhiều. Phỏng vấn học sinh K lớp 11 trường THPT Hàn Thuyên, em cho biết đôi khi bọn em đi hàng đôi, hàng ba trên đường và thỉnh thoảng chưa có bằng xe máy nhưng vẫn đi xe máy phân khối lớn; đi xe máy không đội mũ bảo hiểm đó là những hiện tượng mà học sinh THPT thường hay vi phạm.

Hiện tượng vi phạm thứ 2 là: Vi phạm Luật bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh được đánh giá ở mức nhiều. Phỏng vấn học sinh N lớp 11 trường THPT Hàm Long, em cho biết đôi khi bọn em còn vứt rác bừa bãi, chưa có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường; khi tham gia cộng đồng đôi khi không đeo khẩu trang để phòng dịch,...

Hiện tượng vi phạm được xếp loại thứ 3 trong học sinh đó là: Chưa thực hiện đúng quyền, bổn phận của trẻ em trong nhà trường, gia đình và xã hội được các lực lượng đánh giá có điểm trung bình là 2,51 điểm đạt mức nhiều. Phỏng vấn học sinh N trường THPT Yên Phong 1, tác giả luận án được biết các hiện tượng các em vi phạm đó là chưa thực hiện đúng nhiệm vụ học tập, chưa giúp cha mẹ làm việc nhà, chưa tích cực tham gia hoạt động phát triển cộng đồng.

Hiện tượng vi phạm thứ 4 là: Vi phạm nội quy, quy chế trong học tập, kiểm tra, thi đánh giá kết quả học tập có điểm số trung bình là 2.43 điểm ở mức trung ít thể hiện. Phỏng vấn học sinh H trường THPT Hàn Thuyên, tác giả được biết học sinh thường vi phạm nội quy học tập như đi học muộn, chép bài của bạn; chưa làm bài, thuộc bài trước khi đến lớp; chưa tự chủ trong hợp tác với thầy cô, bạn để giải quyết nhiệm vụ học tập,...

Hiện tượng vi phạm thứ 5 là: Vi phạm luật an ninh mạng, văn hóa mạng và an toàn thông tin được đánh giá với điểm trung bình trung là 1,88 điểm đạt

mức ít thể hiện; Phỏng vấn học sinh H trường THPT Hàm Long, tác giả luận án được biết học sinh còn hiện tượng câu lai vô tư trên mạng xã hội, nói xấu bạn bè trên mạng đôi khi còn cả chê bai thầy cô của mình trên mạng xã hội,...

Phỏng vấn sâu GV, CBQL để tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng trên, thầy Ng.X.N(GV) trường THPT Hàn Thuyên cho rằng *“Lứa tuổi THPT các em đang cố gắng tạo lập cho mình cá tính riêng, với đặc tính hiếu động, tính hiếu thắng, thích mạo hiểm và luôn tỏ ra mình là người can đảm, dũng cảm, không chịu thua kém bất cứ ai, xem thường các nội quy, yêu cầu đặt ra của gia đình, nhà trường và xã hội, các em dễ bị tác động bởi các yếu tố của môi trường sống, dễ bắt chước, làm theo, dễ bị lôi kéo vào các môi trường sống tiêu cực, mặt khác hoạt động GDPL cho học sinh đã được triển khai tuy nhiên chưa thu hút được học sinh tham gia còn mang nặng tính lý thuyết và chưa có sự đồng bộ giữa nhà trường và các lực lượng xã hội”*. Cô N.T.Q (CBQL) trường THPT Hàn Thuyên nhận định: *“Ở độ tuổi này các em muốn khẳng định mình với bạn bè, với gia đình và xã hội... Những yếu tố khách quan từ phía gia đình, nhà trường và xã hội có tác động lớn đến tâm lý của các em; các em rất dễ bị lôi kéo, kích động... nếu gia đình và nhà trường không có cách phối hợp quản lý các em rất dễ bị sa ngã và dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật, mặt khác GDPL cho học sinh chưa được đẩy mạnh còn mang tính hình thức thực hiện theo văn bản chỉ đạo của cấp trên, chưa có chiều sâu, năng lực GDPL của giáo viên và nhà trường còn hạn chế...”*.

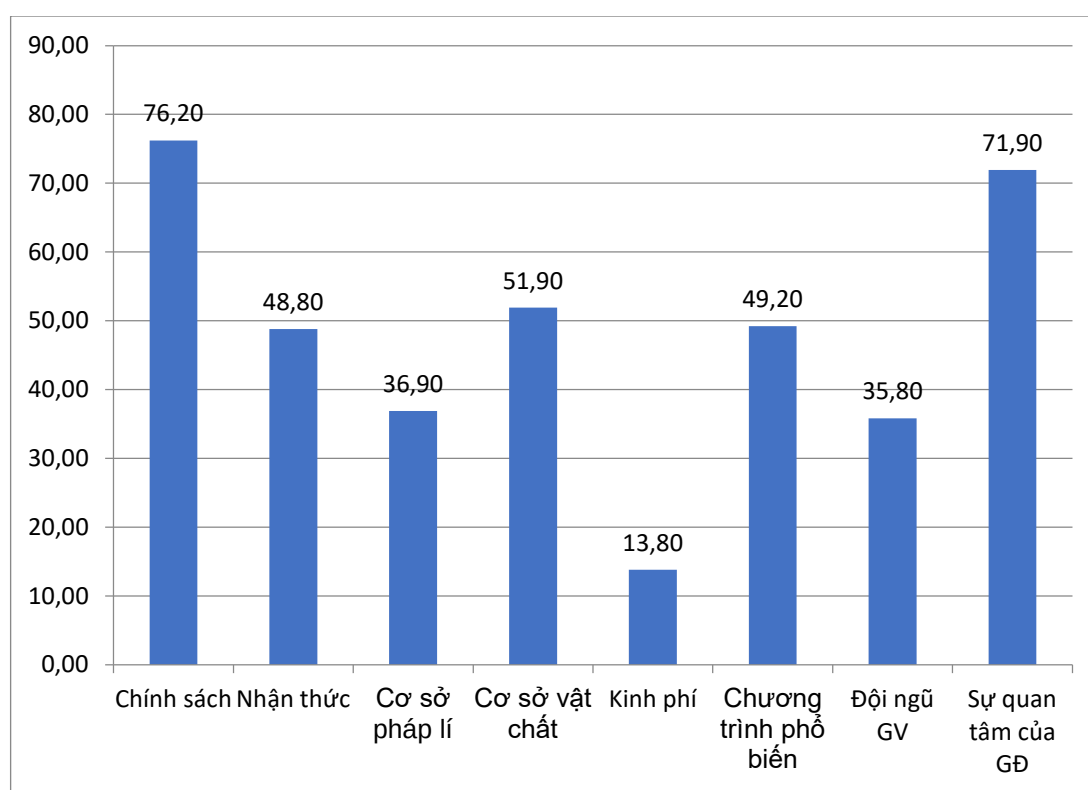
Nhận xét chung: Học sinh THPT của tỉnh Bắc Ninh còn hiện tượng vi phạm những quy định có tính pháp quy của nhà nước, nhà trường và địa phương như nội quy học tập, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, an ninh mạng,... Nguyên nhân do hoạt động GDPL cho học sinh còn có những hạn chế, chưa thu hút được học sinh tích cực tham gia, chưa huy động được đồng bộ các lực lượng phát huy tối đa tiềm năng của mình trong GDPL cho học sinh.

2.2.7. Thuận lợi và khó khăn trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Bảng 2.8. Thuận lợi trong việc thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

STT	Thuận lợi	SL	%
1	Chính sách của Đảng và Nhà nước về đầu tư cho công tác GDPL cho học sinh THPT.	198	76,2
2	Nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp quản lý, GV về công GDPL cho HS THPT tương đối tốt.	127	48,8
3	Cơ sở pháp lý của công tác phổ biến GDPL, bồi dưỡng GV dạy môn giáo dục công dân và cán bộ chuyên trách làm công tác phổ biến GDPL cho HS THPT tương đối hoàn thiện và cập nhật.	96	36,9
4	Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho công tác quản lý và triển khai các hoạt động GDPL hằng năm được bổ sung và đầu tư.	135	51,9
5	Kinh phí và các chế độ, chính sách khuyến khích, động viên giáo viên, cán bộ chuyên trách, cán bộ tham gia công tác giáo dục pháp luật được bổ sung.	36	13,8
6	Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật đã được đổi mới, thiết kế linh hoạt, đa dạng về phương thức bồi dưỡng, phù hợp với từng đối tượng, vùng miền...	128	49,2
7	Đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, cán bộ, giáo viên làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới.	93	35,8
8	Sự quan tâm, phối hợp của gia đình, của các cấp, ngành liên quan đến công tác giáo dục pháp luật cho học sinh THPT.	187	71,9

Kết quả khảo sát CBQL, giáo viên, cán bộ đoàn thanh niên cho thấy, các điều kiện thuận lợi trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh THPT có sự tác động khác nhau đến giáo dục pháp luật cho học sinh. Điều kiện ảnh hưởng thuận lợi nhất là “Chính sách của Đảng và Nhà nước về đầu tư cho công tác GDPL cho học sinh THPT” *chiếm 76,2%*, tiếp đến là yếu tố về “Sự quan tâm, phối hợp của gia đình, của các cấp, ngành liên quan đến công tác giáo dục pháp luật cho học sinh THPT” *chiếm 71,9%*. Bên cạnh đó điều kiện về “Kinh phí và các chế độ, chính sách khuyến khích, động viên giáo viên, cán bộ chuyên trách, cán bộ tham gia công tác giáo dục pháp luật được bổ sung” chiếm tỷ lệ thấp *chỉ đạt 13,8%*. Thực trạng các điều kiện thuận lợi tác động đến GDPL cho học sinh trung học phổ thông được thể hiện qua biểu đồ sau:

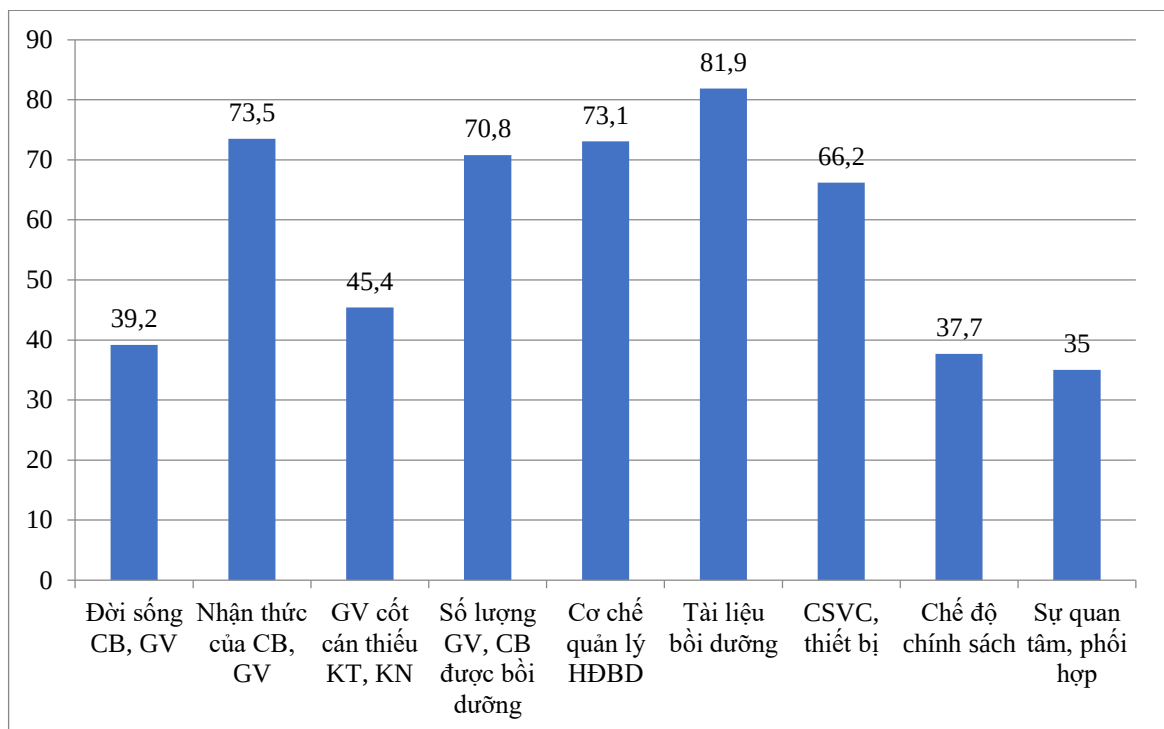


Biểu đồ 2.3. Thuận lợi trong việc thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông

Bảng 2.9. Khó khăn trong thực hiện GDPL cho học sinh THPT

STT	Khó khăn	SL	%
1	Đời sống của một số giáo viên cán bộ làm công tác phổ biến GDPL còn khó khăn nên chưa tập trung cho việc phổ biến, GDPL.	102	39,2
2	Nhận thức của giáo viên cán bộ làm công tác phổ biến GDPL về vai trò, tầm quan trọng của công tác GDPL cho học sinh THPT chưa đồng đều.	191	73,5
3	Một số GV, CB cốt cán chưa có kiến thức, kỹ năng tổ chức hướng dẫn, tư vấn cho GV và HS triển khai các hoạt động GDPL trong nhà trường	118	45,4
4	Số lượng giáo viên cốt cán và cán bộ tham gia công tác GDPL được tổ chức tham gia lớp bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng GDPL cho học sinh còn ít	184	70,8
5	Cơ chế quản lý hoạt động bồi dưỡng GV cốt cán và cán bộ tham gia công tác GDPL chưa đồng bộ	190	73,1
6	Tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên cốt cán và cán bộ tham gia công tác GDPL còn thiếu và chưa được cung cấp kịp thời, chức năng hướng dẫn tự học của tài liệu chưa cao	213	81,9
7	Cơ sở vật chất, thiết bị chưa đáp ứng đủ và chưa đúng với yêu cầu của công tác GDPL	172	66,2
8	Chế độ, chính sách khuyến khích, động viên cho giáo viên và cán bộ tham gia công tác giáo dục pháp luật còn ít.	98	37,7
9	Sự quan tâm, phối hợp của gia đình, của các cấp, ngành liên quan đến công tác GDPL cho HS THPT chưa thực sự đồng đều và có hiệu quả	91	35

Nhìn chung, hoạt động GDPL cho HS THPT vẫn gặp nhiều khó khăn từ nhiều phía, trong đó, khó khăn lớn nhất là “Tài liệu bồi dưỡng cho giáo viên cốt cán và cán bộ tham gia công tác GDPL còn thiếu và chưa được cung cấp kịp thời, chức năng hướng dẫn tự học của tài liệu chưa cao” với tỷ lệ ý kiến lựa chọn là 81,9%. Khó khăn này cũng dẫn đến khó khăn tiếp theo về “Nhận thức của giáo viên cốt cán làm công tác phổ biến GDPL về vai trò, tầm quan trọng của GDPL cho học sinh THPT chưa đồng đều” (chiếm tỷ lệ 73,5%). Tiếp theo là các khó khăn về “Cơ chế quản lý hoạt động bồi dưỡng GV cốt cán và cán bộ tham gia GDPL chưa đồng bộ” (73,1% ý kiến lựa chọn), “Số lượng giáo viên cốt cán và cán bộ tham gia GDPL được tổ chức tham gia lớp bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng GDPL cho học sinh còn ít” (chiếm tỷ lệ 70,8% ý kiến), “Cơ sở vật chất, thiết bị chưa đáp ứng đủ và chưa đúng với yêu cầu của công tác GDPL” (chiếm tỷ lệ 66,2% ý kiến)... Những khó khăn trong thực hiện GDPL cho HS THPT được biểu hiện qua sơ đồ sau:



Biểu đồ 2.4. Khó khăn trong thực hiện công tác GDPL cho HS THPT

2.3. Thực trạng quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

2.3.1. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Lập kế hoạch là một trong những nội dung quan trọng đối với hoạt động quản lý GDPL cho học sinh ở trường THPT, bởi nó là cơ sở để tổ chức, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nội dung GDPL cho học sinh ở trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và là căn cứ để kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL đã thực hiện. Để làm rõ thực trạng, tác giả luận án tiến hành khảo sát trên 260 CBQL, GV, cán bộ Đoàn trường THPT tỉnh Bắc Ninh, kết quả thu được ghi ở bảng 2.10.

Bảng 2.10. Thực trạng lập kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư (n=260)

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Kế hoạch GDPL thể hiện rõ mục tiêu hình thành kiến thức, thái độ, hành vi, thói quen chấp hành PL cho học sinh	55	21,2	123	47,3	82	31,5	0	0	2,89	1
2	Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật GD, Điều lệ nhà trường, nội quy học tập	46	17,7	102	39,2	98	37,7	14	5,4	2,69	2
3	Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an toàn giao thông, môi trường, dân sự	28	10,8	101	38,8	118	45,4	13	5	2,55	5
4	Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an ninh mạng, văn hóa mạng, Quy định về phòng chống dịch bệnh	0	0	20	7,7	140	53,8	100	38,4	1,69	9

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
5	Kế hoạch thể hiện rõ các hình thức tổ chức thực hiện nội dung GDPL cho học sinh	0	0	86	33,1	115	44,2	49	18,8	2,06	8
6	Kế hoạch thể hiện rõ các lực lượng tham gia thực hiện nội dung GDPL cho học sinh	19	7,3	96	36,9	115	44,2	30	11,5	2,4	6
7	Kế hoạch thể hiện rõ dự kiến kết quả thực hiện nội dung GDPL cho học sinh cần đạt và điều kiện thực hiện kế hoạch	16	6,15	87	33,5	102	39,2	55	21,2	2,25	7
8	Kế hoạch thể hiện rõ thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện nội dung GDPL cho học sinh	31	11,9	105	40,4	112	43,1	12	4,6	2,6	3
9	Những dự kiến điều chỉnh kế hoạch nếu có	28	10,8	108	41,5	111	42,7	13	5	2,58	4
	Trung bình									2,41	

Nhìn vào kết quả ghi ở bảng 2.10 cho thấy hoạt động lập kế hoạch GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh được CBQL, GV, cán bộ Đoàn và học sinh đánh giá ở mức độ trung bình. Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện ở mức tốt nhất đó là: Kế hoạch GDPL thể hiện rõ mục tiêu hình thành kiến thức, thái độ, hành vi, thói quen chấp hành PL cho học sinh với kết quả trung bình trung là 2,89 đạt mức khá.

Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện được xếp thứ 2 đó là: Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật GD, Điều lệ nhà trường, nội quy học tập được đánh giá với điểm trung bình trung là 2,69 đạt mức khá nhưng ở mức thấp. Trao đổi với thầy K CBQL trường THPT Hàn Thuyên cho biết các kế hoạch giáo dục pháp luật về Luật Giáo dục, Điều lệ trường Trung học, Nội quy, quy chế nhà trường được nhà trường lồng ghép trong kế hoạch giáo dục, tuy nhiên nó không nằm trong một kế hoạch riêng biệt mà được tích hợp trong kế hoạch dạy học, Hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội,... do đó tính rõ ràng của nó chưa cao.

Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện được xếp thứ 3 đó là: Kế hoạch thể hiện rõ thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện nội dung GDPL cho học sinh điều này hoàn toàn phù hợp.

Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện được xếp thứ 5 đó là: Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an toàn giao thông, môi trường, dân sự.

Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện được xếp thứ 9 đó là: Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an ninh mạng, văn hóa mạng, Quy định về phòng chống dịch bệnh mặc dù đây là nội dung có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong bối cảnh hiện nay. Trao đổi với cô Qu trường THPT Hàn Thuyên cô cho biết nhà trường chưa có kế hoạch giáo dục những nội dung trên mà chủ yếu triển khai theo con đường công văn chỉ đạo của cấp trên.

Nội dung kế hoạch được đánh giá thực hiện được xếp thứ 7 đó là: Kế hoạch thể hiện rõ dự kiến kết quả thực hiện nội dung GDPL cho học sinh cần đạt và điều kiện thực hiện kế hoạch mặc dù nội dung này tương đối quan trọng. Bên cạnh đó việc đánh giá tiêu chí về thể hiện hình thức tổ chức thực hiện kế hoạch cũng chưa được cao.

Nghiên cứu hồ sơ quản lý của các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cho thấy hầu hết các trường không có kế hoạch GDPL cho học sinh một cách độc lập mà kế hoạch GDPL được tích hợp trong kế hoạch giáo dục nhà trường, được lồng ghép trong kế hoạch dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống và tổ chức hoạt động trải nghiệm,...

Nhận xét chung: Kế hoạch GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh đã được triển khai tuy nhiên nội dung này được lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường và chưa được đánh giá cao, nội dung kế hoạch liên quan đến tính cập nhật, tính mới của cách mạng công nghiệp lần thứ tư chưa được thể hiện rõ trong kế hoạch.

2.3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sử dụng phiếu hỏi phụ lục 1 khảo sát trên 260 CBQL, GV và cán bộ Đoàn trường THPT để đánh giá về việc tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh, kết quả thu được ghi ở bảng 2.11.

Bảng 2.11. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

[illegible]

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đánh giá ở *mức độ trung bình* thể hiện điểm trung bình chung là 2,36đ và điểm trung bình của các tiêu chí dao động từ 1,71đ đến 2,79đ.

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 1 đó là: Hiệu trưởng xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp, đáp ứng với yêu cầu của kế hoạch GDPL cho HS trong nhà trường THPT có điểm trung bình chung là 2,79 đạt mức khá. Nghiên cứu hồ sơ quản lý của các trường cho thấy hầu hết các trường đều có cơ cấu tổ chức hợp lý nhằm triển khai các nhiệm vụ, nội dung GDPL cho học sinh trong nhà trường.

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 2 đó là: Tổ chức thực hiện GDPL thông qua dạy học và hoạt động trải nghiệm có điểm trung bình chung là 2,74 điểm, nghiên cứu biên bản họp của các trường THPT nội dung trên được thể hiện qua các cuộc họp, tuy nhiên chưa cụ thể còn chung chung.

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 3 đó là: Xác định rõ trách nhiệm cho các bộ phận, cá nhân khi thực hiện kế hoạch GDPL cho HS có điểm trung bình là 2,72 điểm.

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 4 đó là: Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh có điểm trung bình chung là 2,43 điểm;

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 6 đó là: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để GDPL cho học sinh có điểm trung bình chung là 2,40 điểm.

Nội dung tổ chức GDPL cho học sinh THPT được đánh giá thực hiện xếp thứ 7 đó là: Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV được đánh giá với điểm trung bình là 2,39 điểm đạt mức trung bình, mặc dù đây là nội dung cần được quan tâm hàng đầu trong hoạt động tổ chức GDPL cho học sinh ở trường THPT. Trao đổi với thầy Kh trường THPT Hàm Long,

tác giả được biết những năm gần đây có một số buổi tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên về GDPL nhưng chủ yếu dành cho giáo viên dạy môn Giáo dục công dân của chương trình hiện hành và nay là môn Kinh tế & Pháp luật của chương trình 2018.

Đặc biệt có 3 nội dung được tổ chức GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh được đánh giá ở mức thấp giao động từ 2,2 đến 1,71 điểm đó là các nội dung sau:

Tổ chức triển khai các nội dung GDPL về an ninh mạng, an toàn thông tin, văn hóa mạng, phòng chống thông tin xấu độc,...

Hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn tổ chức GDPL ở trường THPT.

Tổ chức thực hiện GDPL thông qua hình thức trực tuyến, mạng nội bộ, mạng xã hội.

Trao đổi với Thầy B trường THPT Chuyên Bắc Ninh, Thầy cho biết các trường chưa có hình thức giáo dục PL theo hình thức trực tuyến, chưa thiết lập được trang thông tin về GDPL cho học sinh trong nhà trường, chưa kết nối nhà trường với cơ quan tư pháp theo hình thức trực tuyến để giáo dục pháp luật cho học sinh; Hệ thống các văn bản hướng dẫn của nhà trường còn nghèo nàn.

Nhận xét chung về tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh về cơ bản đã được cán bộ quản lý các trường quan tâm triển khai thực hiện, tuy nhiên chưa được đánh giá ở mức độ cao mà chủ yếu ở mức độ trung bình, thậm chí có nội dung còn được đánh giá ở mức độ yếu, các nội dung được triển khai thực hiện chưa mang tính đồng bộ; Một số nội dung tổ chức thể hiện tính cập nhật của bối cảnh 4.0 chưa được quan tâm thực hiện đó là: Tổ chức triển khai các nội dung GDPL về an ninh mạng, an toàn thông tin, văn hóa mạng, phòng chống thông tin xấu độc,... Hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn tổ chức GDPL ở trường THPT; Tổ chức thực hiện GDPL thông qua hình thức trực tuyến, mạng nội bộ, mạng xã hội.

2.3.3. Thực trạng chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sử dụng phiếu hỏi phụ lục 1 khảo sát trên 260 CBQL, GV và cán bộ Đoàn trường THPT để đánh giá về việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh, kết quả thu được ghi ở bảng 2.12.

Bảng 2.12. Chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL	6	2,3	78	30	138	53,1	38	14,6	2,2	6
2	Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn GV dạy GDCL thực hiện nội dung chương trình GDPL	41	15,8	124	47,7	95	36,5	0	0	2,79	2
3	Chỉ đạo Đoàn TN phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL cho học sinh	51	19,6	124	47,7	85	32,7	0	0	2,86	1
4	Chỉ đạo đổi mới PP và HTTC GDPL phát huy vai trò tự giáo dục của HS	39	15	115	44,2	106	40,8	0	0	2,74	3
5	Chỉ đạo đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng thông tin và CSVC, tài chính phục vụ GDPL cho HS	16	6,2	96	36,9	131	50,4	17	6,5	2,43	4

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
6	Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning	0	0	42	16,1	131	50,4	87	33,5	1,82	8
7	Chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để GDPL cho học sinh	16	6,2	92	35,4	129	49,6	23	8,8	2,39	5
8	Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh	20	7,7	42	16,1	131	50,4	67	25,7	2,06	7
9	Chỉ đạo thực hiện giám sát đánh giá kết quả GDPL cho học sinh	16	6,2	92	35,4	129	49,6	23	8,8	2,39	5
10	Các nội dung khác										
11	Trung bình									2,41	

Nhìn vào kết quả thống kê ở bảng 2.12 cho thấy các nội dung chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh được đánh giá mức độ thực hiện ở mức trung bình có điểm trung bình trung là 2,41 điểm.

Nội dung chỉ đạo GDPL cho học sinh được đánh giá cao nhất xếp thứ 1 đó là: Chỉ đạo Đoàn TN phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL cho học sinh có điểm trung bình trung là 2,86 điểm. Trao đổi với cán bộ Đoàn trường THPT Hàn Thuyên, tác giả được biết Hiệu trưởng trường THPT đã quan tâm chỉ đạo Đoàn Thanh niên phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tổ chức các chủ đề GDPL cho học sinh dưới hình thức thi tìm

hiếu về Luật an toàn giao thông; bảo vệ môi trường; Luật Giáo dục, tuy nhiên Luật An ninh mạng mới ban hành nên chưa được quan tâm triển khai.

Nội dung chỉ đạo GDPL cho học sinh được đánh giá cao nhất xếp thứ 2 là: Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn GV dạy GDCL thực hiện nội dung chương trình GDPL có điểm trung bình trung là 2,79 đạt mức khá.

Nội dung chỉ đạo GDPL cho học sinh được đánh giá cao nhất xếp thứ 3 là: Chỉ đạo đổi mới PP và HTTC GDPL phát huy vai trò tự giáo dục của HS với điểm trung bình trung là 2,74 đạt mức khá. Trao đổi với giáo viên M trường THPT Yên Phong 2, tác giả được biết CBQL nhà trường thường xuyên chỉ đạo giáo viên nói chung và giáo viên dạy môn Giáo dục công dân nói riêng đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục pháp luật cho học sinh theo hướng phát triển năng lực, tăng cường tính trải nghiệm của học sinh, tuy nhiên về phía giáo viên hoạt động đổi mới PP, HTTC dạy học, GDPL còn nhiều hạn chế do năng lực GDPL của giáo viên chưa cao, mặt khác cơ sở vật chất, tài chính nhà trường còn hạn chế nên giáo viên gặp khó khăn trong đổi mới hoạt động GDPL cho học sinh THPT.

Có 3 nội dung chỉ đạo thực hiện GDPL được đánh giá có kết quả thấp nhất đó là các nội dung sau:

Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL có điểm trung bình đạt 2,2 mức trung bình.

Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh có điểm trung bình trung đạt 2,06 ở mức trung bình.

Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elarning có điểm trung bình trung đạt 1,82 ở mức trung bình nhưng ở mức thấp.

Nhận xét chung: Các biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh đã được Hiệu trưởng các trường THPT triển khai thực hiện và đạt ở mức trung bình, tuy nhiên các nội dung chưa được

đồng bộ, một số nội dung chỉ đạo GDPL cho học sinh THPT có tính cập nhật phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư chưa được các trường quan tâm thực hiện và còn được đánh giá ở mức độ thấp đó là: Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL phù hợp với tình hình mới; Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh; Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning. Đây là cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý nhằm tăng cường GDPL cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2.3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sử dụng phiếu hỏi phụ lục 1 khảo sát trên 260 CBQL, GV và cán bộ Đoàn trường THPT để đánh giá về việc kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh, kết quả thu được ghi ở bảng 2.13.

Bảng 2.13. Đánh giá về chỉ đạo thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT (n=260)

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nhà trường xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đầy đủ, toàn diện, chính xác, phù hợp với mục tiêu và nội dung của KH hoạt động GDPL cho HS.	18	6,9	96	36,9	114	43,8	32	12,3	2,38	6
2	Nhà trường đã thành lập Ban/Tổ kiểm tra với đầy đủ thành phần tham gia kiểm tra	28	10,8	98	37,7	115	44,2	19	7,3	2,52	1

TT	Nội dung	Mức độ thực hiện								ĐTB	Thứ bậc
		Tốt		Khá		TB		Yếu			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
3	Bộ phận thực hiện kiểm tra đã thực hiện đo đạc, đánh giá kết quả thực tế khi thu thập thông tin đầy đủ, toàn diện về các hoạt động GDPL cho HS	21	8,1	102	39,2	115	44,2	22	8,5	2,47	2
4	Thông tin về các hoạt động GDPL cho HS được đánh giá khách quan, chính xác; Có thực hiện đo đạc đầu vào, các giai đoạn hoạt động và kết quả cuối cùng của mỗi hoạt động GDPL cho HS	18	6,9	99	38,1	116	44,6	27	10,4	2,42	4
5	Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả cho việc điều chỉnh và xây dựng KH hoạt động GDPL tiếp theo cho HS.	17	6,5	96	36,9	118	45,4	29	11,2	2,39	5
6	Lãnh đạo nhà trường có quan tâm đến việc điều chỉnh các chỉ tiêu định mức,các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động GDPL cho HS THPT	21	8,1	98	37,7	119	45,8	22	8,5	2,45	3
	Trung bình									2,44	

Kết quả khảo sát cho thấy, nhìn chung công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục pháp luật cho HS ở các trường THPT được đánh giá ở mức độ trung bình với điểm trung bình chung của các tiêu chí đạt 2,44đ.

Trong đó, chỉ có tiêu chí “Nhà trường đã thành lập Ban/Tổ kiểm tra với đầy đủ thành phần tham gia kiểm tra” được đánh giá ở mức độ khá, với điểm trung bình 2,52đ, *xếp bậc 1*.

Tất cả các tiêu chí còn lại đều được đánh giá ở mức độ trung bình, với điểm trung bình các tiêu chí này dao động từ 2,38đ đến 2,47đ. Đáng chú ý là tỷ lệ các ý kiến đánh giá các tiêu chí này ở mức yếu còn khá lớn, chiếm từ 8,5% đến 12,3%.

Nội dung được đánh giá đạt được ở mức thấp nhất, đặc biệt quan trọng đó là: “Nhà trường xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đầy đủ, toàn diện, chính xác, phù hợp với mục tiêu và nội dung của KH hoạt động GDPL cho HS” (điểm trung bình 2,38đ, *xếp bậc 6*, trong đó chỉ có 6,9% ý kiến đánh giá ở mức tốt, 36,9% ý kiến đánh giá ở mức khá, 43,8% ý kiến đánh giá ở mức trung bình và có đến 12,3% ý kiến đánh giá ở mức yếu). Do chưa xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đầy đủ, toàn diện, chính xác nên các nội dung liên quan như: “Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả cho việc điều chỉnh và xây dựng KH hoạt động GDPL tiếp theo cho HS”; “Thông tin về các hoạt động GDPL cho HS được đánh giá khách quan, chính xác; Có thực hiện đo đầu vào, các giai đoạn hoạt động và kết quả cuối cùng của mỗi hoạt động GDPL cho HS”; “Lãnh đạo nhà trường có quan tâm đến việc điều chỉnh các chỉ tiêu định mức, các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động GDPL cho HS THPT” cũng có kết quả không khả quan.

Như vậy, nhà trường cần quan tâm đầu tư để xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đầy đủ, toàn diện, chính xác, phù hợp với mục tiêu và nội dung của KH hoạt động GDPL cho HS, từ đó sử dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động GDPL cho HS để đảm bảo tính khách quan, chính xác. Đồng thời, sử dụng hiệu quả kết quả đánh giá trong việc điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động GDPL ở các giai đoạn tiếp theo.

2.3.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh công nghiệp lần thứ tư

Bảng 2.14. Đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động GDPL cho học sinh các trường THPT (n=260)

TT	Nội dung	Mức độ ảnh hưởng								ĐTB	Thứ bậc
		Ảnh hưởng nhiều		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng		Không ảnh hưởng			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Nhóm các yếu tố chủ quan										3,55	
1	Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ GV và các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh	132	50,8	128	49,2	0	0	0	0	3,51	4
2	Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ CBQL	141	54,2	119	45,8	0	0	0	0	3,54	3
3	Năng lực của đội ngũ cán bộ GV, cán bộ đoàn thanh niên	159	61,2	101	38,8	0	0	0	0	3,61	2
4	Năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh THPT	163	62,7	97	37,3	0	0	0	0	3,63	1
5	Các chính sách GDPL cho học sinh của nhà trường THPT	115		145		0	0	0	0	3,44	5
Nhóm các yếu tố khách quan										3,51	
1	Môi trường giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường	147	56,5	113	43,5	0	0	0	0	3,57	1
2	Điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ GDPL	119	45,8	141	54,2	0	0	0	0	3,46	3
3.	Đội ngũ cộng tác viên tham gia phối hợp cùng nhà trường để giáo dục pháp luật cho học sinh	136	52,3	124	47,7	0	0	0	0	3,52	2

Kết quả khảo sát lấy ý kiến của 260CBQL, giáo viên; cán bộ Đoàn Thanh niên về thực trạng những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT thể hiện ở *bảng 2.14* cho thấy: Có rất nhiều yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT. Các yếu tố đều được đánh

giá ở mức độ ảnh hưởng rất nhiều với điểm trung bình chung của các yếu tố chủ quan là 3,55đ và điểm trung bình chung của các yếu tố khách quan là 3,51đ, điểm trung bình của từng yếu tố ảnh hưởng dao động từ 3,44đ đến 3,63đ.

Trong đó, các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT gồm nhiều yếu tố, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố được đánh giá khá đồng đều nhau, đều ở mức ảnh hưởng nhiều. Các yếu tố được cho là ảnh hưởng nhiều nhất đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh là:

Năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh THPT (điểm trung bình 3,63đ, *xếp bậc 1*);

Năng lực của đội ngũ cán bộ GV, cán bộ đoàn thanh niên (3,61đ, *xếp bậc 2*);

Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ CBQL (3,54đ, *xếp bậc 3*).

Phỏng vấn giáo viên chủ nhiệm lớp có kinh nghiệm giáo dục học sinh, **bà P.T.H** cho rằng: *“Học sinh ở lứa tuổi THPT cơ thể đang phát triển mạnh, thần kinh nhiều khi không cân bằng, hưng phấn mạnh và dễ có hành vi bột phát, các em cũng chưa phân biệt được chính xác bạn bè tốt xấu, dễ bị rủ rê, lôi kéo, vì vậy năng lực tự nhận thức, tự giáo dục của học sinh là yếu tố ảnh hưởng có tính chất quyết định tới kết quả giáo dục pháp luật cho học sinh. Điều này có ảnh hưởng lớn đến công tác giáo dục pháp luật cho các em. Chúng ta cần quan tâm đến đặc điểm tâm lý lứa tuổi để xây dựng các kế hoạch, chương trình giáo dục pháp luật phù hợp cho các em nhằm phát huy tính tự giác, tích cực, tự giáo dục của học sinh”*.

Trong các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh, các yếu tố được đánh giá là có ảnh hưởng nhiều đến công tác quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT đó là:

Môi trường giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường (điểm trung bình 3,57đ, *xếp bậc 1*).

Đội ngũ cộng tác viên tham gia phối hợp cùng nhà trường để giáo dục pháp luật cho học sinh có điểm trung bình là 3,52 điểm; xếp thứ 2.

Có thể thấy, thực trạng mức độ ảnh hưởng các yếu tố chủ quan và khách quan đến công tác quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông được phát hiện ở trên là cơ sở thực hiện tốt để đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông có hiệu quả trong bối cảnh giáo dục hiện nay.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng

2.4.1. Điểm mạnh

- Học sinh, cán bộ quản lý, cán bộ đoàn thanh niên và giáo viên ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh đều có nhận thức đúng về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác giáo dục pháp luật cho học sinh.

Mục tiêu GDPL cho học sinh THPT ở tỉnh Bắc Ninh đã được triển khai ở mức khá nhằm hình thành kiến thức, thái độ và kỹ năng, hành vi thói quen chấp hành pháp luật cho học sinh.

- Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đánh giá ở mức khá và thực hiện thường xuyên, chưa có nội dung, PP và HTTC nào được đánh giá thực hiện ở mức tốt, còn có nội dung thực hiện được đánh giá ở mức trung bình, đặc biệt là những nội dung liên quan đến Luật an ninh mạng, văn hóa mạng; ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL chỉ được đánh giá ở mức thấp nhất.

- Cùng với nhà trường, đoàn thanh niên, các cơ quan tư pháp, lực lượng xã hội được đánh giá là những đơn vị thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh. Hoạt động phối hợp giữa nhà trường, đoàn thanh niên và các cơ quan trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh đã được triển khai rộng và căn cứ trên trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, đơn vị.

- Công tác quản lý giáo dục pháp luật ở trường trung học phổ thông đã được CBQL, GV, cán bộ Đoàn, các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường

quan tâm và coi trọng. Các trường THPT đã quan tâm xây dựng kế hoạch GDPL cho học sinh THPT, nội dung kế hoạch GDPL cho học sinh được đánh giá ở mức khá. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT đã được các trường tiến hành với nhiều nội dung phù hợp với kế hoạch GDPL đã xây dựng. Hoạt động kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh đã được các trường quan tâm thực hiện bao gồm từ đánh giá công tác lập kế hoạch đến công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT.

Quản lý hoạt động GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh chịu ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan như năng lực quản lý của CBQL nhà trường, năng lực GDPL của giáo viên, cơ chế, chính sách GDPL cho học sinh của nhà trường THPT, năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh THPT. Ngoài yếu tố chủ quan hoạt động quản lý GDPL cho học sinh còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan: Chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý của Đảng và Nhà nước đối với GDPL và mức độ tích cực tham gia phối hợp cùng với nhà trường để GDPL cho học sinh của các lực lượng xã hội và cha mẹ học sinh; Môi trường giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường.

2.4.2. Hạn chế

Về nhận thức ý nghĩa của GDPL cho học sinh THPT còn một bộ phận cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh còn có nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa của GDPL cho học sinh THPT.

Mức độ thực hiện mục tiêu GDPL về giáo dục thói quen, hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình.

Về nội dung GDPL đã triển khai tuy nhiên mức độ thực hiện chưa được đánh giá cao và chưa đồng bộ ở các nội dung cần triển khai. Một số nội dung GDPL liên quan đến bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư chưa được quan tâm đúng mức đó là giáo dục Luật an ninh mạng, vấn đề an toàn thông tin, vấn đề văn hóa mạng,... nội dung giáo dục pháp luật còn dàn trải, nặng về phổ biến các quy định của pháp luật, chưa chú trọng đến việc hướng học sinh

rèn luyện kỹ năng ứng xử, kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống;

Về PP và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh THPT của tỉnh Bắc Ninh chỉ đạt ở mức thường xuyên và chưa thường xuyên, còn nhiều hình thức mang tính trải nghiệm có tác dụng hình thành kỹ năng hành vi, thói quen chấp hành pháp luật chưa được giáo viên sử dụng thường xuyên.

Về các lực lượng tham gia GDPL cho học sinh THPT: có mức độ tham gia của các lực lượng xã hội cùng với nhà trường để GDPL cho học sinh THPT là chưa cao đặc biệt gia đình học sinh chưa có sự tham gia thường xuyên cùng với nhà trường để GDPL cho học sinh THPT.

Về đánh giá kết quả GDPL cho học sinh THPT: Học sinh các trường THPT còn có những biểu hiện của vi phạm nội quy, quy chế nhà trường như không chấp hành nội quy, quy chế học tập, chưa tuân thủ nề nếp học tập, còn mắc thái độ sai trong thi và kiểm tra những biểu hiện này có thể là mầm mống của những sai phạm về pháp luật sau này của học sinh ở tuổi trưởng thành, đặc biệt học sinh THPT còn vi phạm luật giao thông đường bộ, chưa quan tâm đến các vấn đề an ninh mạng tham gia mạng xã hội,...

Về quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh còn hạn chế ở các khâu: Công tác lập kế hoạch chưa cụ thể tới từng nội dung, hình thức tổ chức và điều kiện thực hiện, kế hoạch GDPL chưa thể hiện rõ sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

Công tác tổ chức thực hiện cán bộ còn nhiều hạn chế ở các nội dung như hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, tổ chức thực hiện các nội dung gắn với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sử dụng giáo dục trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục pháp luật.

Hoạt động chỉ đạo còn hạn chế ở một số nội dung như: Các nội dung chỉ đạo thực hiện chưa được đồng bộ, một số nội dung chỉ đạo GDPL cho học sinh THPT có tính cập nhật phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần

thứ tư chưa được các trường quan tâm thực hiện và còn được đánh giá ở mức độ thấp đó là: Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL phù hợp với tình hình mới; Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh; Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh chỉ dừng ở mức trung bình, chưa chỉ rõ những điểm mạnh và những điểm hạn chế ở từng khâu trong quá trình quản lý để cải tiến nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở các trường THPT.

2.4.3. Nguyên nhân

- Nguyên nhân thứ nhất: Do còn một bộ phận CBQL chưa nhận thức được đầy đủ ý nghĩa của GDPL đối với học sinh, năng lực quản lý của các trường THPT còn hạn chế, các trường chưa thiết lập được tổ chức hợp lý và phù hợp để quản lý hoạt động giáo dục pháp luật, mà ở đó có sự tham gia của giáo viên, cán bộ quản lý, cán bộ sở ngành, chính quyền, cán bộ Đoàn. Cơ cấu tổ chức và cơ chế để thực hiện công tác này chưa được xác định rõ ràng. Lãnh đạo các trường THPT còn giao nhiệm vụ chung chung, chưa cụ thể, có chỗ còn thiếu thực tế khi thực hiện công tác chỉ đạo, giao nhiệm vụ hoạt động GDPL cho HS. Một bộ phận CBQL còn chưa có nhận thức đúng và đầy đủ về GDPL cho học sinh THPT. Là những nguyên nhân thuộc về quản lý xã hội và quản lý giáo dục. Trong các trường THPT hiện nay, công tác GDPL cho HS chưa được thường xuyên, liên tục, chất lượng GDPL và quản lý GDPL chưa cao, các bộ phận chức năng trong nhà trường hoạt động chưa đồng đều. Biện pháp quản lý và chỉ đạo chưa sát sao, chưa có sự chủ động trong triển khai thực hiện. Đảng ủy, lãnh đạo một số nhà trường chưa thực sự quan tâm, tạo điều kiện và chưa đánh giá đúng vai trò của Đoàn Thanh niên nhà trường để mạnh dạn giao nhiệm vụ tuyên truyền và tiến hành công tác giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Việc nắm bắt và định hướng tư tưởng, dư luận, nhu cầu trong đoàn viên đôi khi còn chậm; một số hoạt động được tổ chức chưa có sự đầu tư nhiều về nội dung, chưa thực sự phù hợp nhu cầu, với tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên thanh niên hiện nay. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Bởi nếu trong môi trường xã hội và trong trường THPT có các giải pháp hữu hiệu thì sẽ có tác động tích cực tới tâm lý của học sinh, giúp cho họ nhận thức đúng đắn cái đúng, ngăn chặn được những tác động tiêu cực của xã hội đồng thời phát huy được những mặt tốt, tích cực trong học sinh.

- Nguyên nhân thứ hai: Một bộ phận giáo viên còn chưa nhận thức đúng và đầy đủ về ý nghĩa của GDPL cho học sinh, năng lực GDPL của giáo viên, cán bộ Đoàn TNCSHCM còn hạn chế về kiến thức về pháp luật, hạn chế về phương pháp, hình thức tổ chức về GDPL; hạn chế về năng lực hiểu học sinh THPT.

- Nguyên nhân thứ ba: Nhận thức của một bộ phận học sinh về GDPL còn hạn chế, năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện ý thức chấp hành PL của HS chưa cao, học sinh chưa tích cực tham gia các hoạt động giáo dục trải nghiệm pháp luật.

- Nguyên nhân thứ tư: Sự phối hợp giữa nhà trường với cơ quan tư pháp, các lực lượng xã hội và gia đình học sinh để GDPL chưa đồng bộ, đồng thuận, chưa thu hút được các lực lượng giáo dục tham gia một cách hiệu quả.

- Nguyên nhân thứ 5: Là những nguyên nhân mang tính khách quan như: Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và ảnh hưởng của xã hội; sự ảnh hưởng của văn hóa mạng, văn hóa Facebook, bùng nổ của thông tin văn hóa; tỉnh Bắc Ninh phát triển từ thành phố đèn dầu năm 1997 đến nay Bắc Ninh đã dẫn đầu cả nước về giá trị xuất khẩu, quy mô nền kinh tế đứng thứ 6, bình quân thu nhập đầu người gần 7.000 USD đứng thứ 2 cả nước, lượng công nhân di cư cao đã ảnh hưởng đến học sinh rất nhiều. Thực tế, do sự phát triển của xã hội,

do quá trình mở cửa và hội nhập, nên có nhiều luồng văn hóa xâm nhập vào nước ta, với tâm lý học sinh là thích cái mới, hay học hỏi đua đòi, vì vậy một bộ phận học sinh chạy theo cái mới một cách mù quáng mà không có nhận thức và sự hướng dẫn nhận thức đúng đắn. Với sự phát triển công nghệ thông tin như hiện nay thì những luồng văn hóa tiêu cực, không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến học sinh một cách dễ dàng. Vì vậy vấn đề đặt ra ở chỗ phải giáo dục ý thức tự giác, biết nhận thức một vấn đề một cách đúng đắn. Vì khi có nhận thức đúng thì hành động mới thực hiện theo pháp luật được.

- Nguyên nhân thứ sáu: Các điều kiện cho quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT thông qua hoạt động của đoàn thanh niên một số trường còn nhiều hạn chế.

Kết luận chương 2

Hoạt động GDPL cho học sinh THPT trong các trường THPT tỉnh Bắc Ninh đã được triển khai bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định; mục tiêu GDPL đã được triển khai và thực hiện, tuy nhiên mục tiêu hình thành kỹ năng thói quen chấp hành pháp luật còn hạn chế. Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có nhiều nội dung thực hiện được đánh giá ở mức khá và thực hiện thường xuyên, chưa có nội dung, PP và HTTC nào được đánh giá thực hiện ở mức tốt, còn một số nội dung thực hiện được đánh giá ở mức trung bình, đặc biệt là những nội dung liên quan đến Luật an ninh mạng, văn hóa mạng; ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL chỉ được đánh giá ở mức thấp nhất. Nhà trường gặp một số khó khăn trong GDPL cho học sinh như năng lực giáo viên; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa tốt; cơ sở vật chất phục vụ GDPL còn hạn chế.

Quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên còn hạn chế ở các khâu: Công tác lập kế hoạch chưa cụ thể tới từng nội dung, hình thức tổ chức và điều kiện thực hiện, kế hoạch GDPL chưa thể hiện rõ sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh. Công tác tổ chức, chỉ đạo thực hiện cán bộ còn nhiều hạn chế ở các nội dung như hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung gắn với bồi dưỡng cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sử dụng giáo dục trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục pháp luật; Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL phù hợp với tình hình mới; Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh; Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh chỉ dừng ở mức trung bình, chưa chỉ rõ những điểm mạnh và những điểm hạn chế ở từng khâu trong quá trình quản lý để cải tiến nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở các trường THPT.

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH BẮC NINH TRONG BỐI CẢNH CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ

3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Mục đích là kết quả dự kiến cần đạt sau mỗi hoạt động. Mục đích định hướng, chỉ đạo toàn bộ quá trình hoạt động, do vậy kết quả kỳ vọng của mỗi hoạt động phụ thuộc vào việc xác định mục đích có chính xác và phù hợp với các điều kiện thực hiện hay không?

Để xác định các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần bám sát mục đích chiến lược của Đảng về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, nắm vững mục đích giáo dục pháp luật cho người dân, mục đích của chương trình giáo dục pháp luật cho HS THPT, mục đích của chương trình các hoạt động giáo dục nội, ngoại khóa, để đề xuất các biện pháp quản lý cho phù hợp.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Kế thừa là sự nối tiếp, phát huy những mặt mạnh, những ưu điểm của hoạt động thực tiễn để phát triển nâng nó lên ở mức cao hơn.

Khi nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần kế thừa và phát triển những ưu điểm của các biện pháp đã thực hiện trong nhà trường, khắc phục những nhược điểm, để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Giáo dục pháp luật nằm trong hệ thống tổng thể các hoạt động giáo dục chung của nhà trường, do vậy biện pháp quản lý giáo dục pháp luật không thể tách rời khỏi các biện pháp quản lý khác của quá trình giáo dục.

Xuất phát từ mục đích giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khi xây dựng các biện pháp quản lý giáo dục cần xem xét trong mối liên hệ chung với các biện pháp quản lý khác để đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống của quá trình giáo dục.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn và khả thi

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư phải phù hợp với các điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đất nước, của nhà trường nhằm thực hiện được các mục đích giáo dục pháp luật đã đề ra. Nguyên tắc tính khả thi là nguyên tắc khi đã đề ra thì phải thực hiện được, có hiệu quả và chất lượng tốt.

Nguyên tắc tính thực tiễn không thể tách rời tính khả thi vì chúng tác động qua lại với nhau, đảm bảo tính thực tiễn sẽ đảm bảo tính khả thi và ngược lại.

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Hiệu quả là điều mong muốn của mỗi hoạt động, tính hiệu quả yêu cầu chi phí cho hoạt động thấp mà năng suất, chất lượng được nâng cao.

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cũng phải đi đến đích cuối cùng là nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong nhà trường và đặc biệt phải nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh.

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật phải đem lại sự chuyển biến tích cực, tự giác của học sinh, biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của mỗi của học sinh trong suốt cuộc đời.

3.1.6. Nguyên tắc đảm bảo tính bền vững

Tính bền vững là thuộc tính nói đến chất lượng hiệu quả của các hoạt động được đảm bảo chắc chắn, lâu dài. Tính bền vững của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật là chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 phải được giữ vững và phát triển trong suốt cuộc đời của học sinh, họ sẽ trở thành những công dân có ý thức sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

3.2. Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.2.1. Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Giúp cho đội ngũ cán bộ QL và giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng, tính cấp thiết của GDPL cho học sinh trong trường học. Tạo sự nhất trí, đồng thuận cao trong mỗi nhà trường THPT và giữa nhà trường, gia đình và xã hội, từ đó đội ngũ CBQL, giáo viên sẽ tự giác, tích cực có quyết tâm cao đối với việc thực hiện mục tiêu, nội dung GDPL cho học sinh trong nhà trường thông qua các loại hình hoạt động giáo dục.

Một mặt, làm cho tập thể sư phạm thống nhất nhận thức đây là yêu cầu của sự nghiệp đổi mới GD&ĐT và yêu cầu của xây dựng nhà nước pháp quyền trong bối cảnh đổi mới, là điều kiện trực tiếp để nâng cao chất lượng GD; mặt khác, cần coi đây là thách thức CBQL và giáo viên cần phải đáp ứng, nhưng cũng là cơ hội để làm chủ bản thân, phát triển của mỗi CBQL, giáo viên và của mỗi nhà trường trong thời hội nhập để phát triển.

3.2.1.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

i) Nội dung biện pháp

Hiệu trưởng THPT xây dựng kế hoạch xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường nói chung và xây dựng kế hoạch GDPL nói riêng cần thực hiện trong từng năm học, từng học kỳ, từng tháng và từng tuần, nhằm đạt được mục tiêu nâng cao nhận thức về GDPL cho tất cả cán bộ QL, giáo viên, học sinh và các lực lượng xã hội trong mỗi nhà trường và trên địa bàn.

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS và các lực lượng liên đới về vai trò của hệ thống pháp luật trong xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực. Đặc biệt là bối

cảnh của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, văn hóa mạng hiện nay và ảnh hưởng của nó tới mục tiêu, nội dung GDPL và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh THPT.

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS và các lực lượng liên đới về kiến thức pháp luật liên quan đến đời sống học tập, lao động, sinh hoạt và tham gia hoạt động cộng đồng của học sinh sau này: Cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước CHXHCNVN; Hiến pháp nước CHXHCNVN; Luật Giáo dục; Luật dân sự; Luật an toàn giao thông; Luật an ninh mạng và văn hóa mạng; những vấn đề liên quan đến môi trường và bảo vệ môi trường vv...

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS và các lực lượng liên đới về ý nghĩa của việc GDPL cho học sinh bao gồm ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân và ý nghĩa đối với cộng đồng. Hiệu trưởng giúp CBQL, GV, HS và các lực lượng liên đới nhận thức rõ về mục tiêu, nội dung GDPL cần triển khai đối với học sinh và phương pháp, hình thức tổ chức cần thực hiện.

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS về vai trò của các lực lượng xã hội và gia đình học sinh trong phối hợp với nhà trường để giáo dục pháp luật cho học sinh.

Hiệu trưởng nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, HS về sự cần thiết phải ứng dụng CNTT trong GDPL nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư đặt ra cho giáo dục hiện nay.

ii) Cách thực hiện biện pháp

Để làm tốt công tác nâng cao nhận thức về GDPL cho học sinh, Hiệu trưởng các trường THPT tỉnh Bắc Ninh cần tập trung triển khai các hoạt động sau đây:

Tổ chức, triển khai các văn bản chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc Hội, Chính phủ, Bộ GD&ĐT, của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, cũng như các văn bản của Sở GD&ĐT về GDPL cho học sinh ở trường THPT đến tất cả CBQL, giáo viên, nhân viên và lực lượng liên đới.

Tích hợp mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức GDPL cho học sinh trong kế hoạch giáo dục nói chung của nhà trường và trong kế hoạch dạy học môn Giáo dục Kinh tế & Pháp luật và các môn học chiếm ưu thế cũng như tích hợp mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức GDPL cho học sinh trong kế hoạch Hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục theo chủ đề GDPL.

Tổ chức các Hội thảo chuyên đề về giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua hoạt động dạy học ở trường THPT và vai trò của các bên liên quan trong GDPL cho học sinh THPT. Tổ chức các chủ đề hoạt động trải nghiệm có nội dung GDPL cho học sinh THPT theo hướng trải nghiệm gắn với thực tiễn. Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về ứng dụng CNTT trong dạy học, trong tổ chức HĐTN để giáo dục pháp luật cho học sinh ở từng địa phương, Hiệu trưởng trường THPT chỉ đạo tổ chuyên môn sinh hoạt chuyên môn chia sẻ kinh nghiệm, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong thực tiễn GDPL cho học sinh thông qua dạy học và HĐTN. Tổ chức các đợt hội giảng, thao giảng, các chuyên đề về ứng dụng CNTT trong GDPL cho học sinh. Qua đó, giúp CBQL, GV thấy được vai trò, ý nghĩa, tính ưu việt của việc ứng dụng CNTT trong GDPL cho học sinh ở trường THPT, cũng như việc cần thiết phải ứng dụng CNTT trong dạy học, trong QL ở trường THPT.

Hiệu trưởng phối hợp liên trường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kiến thức về pháp luật cho giáo viên nói riêng và nâng cao năng lực tổ chức GDPL cho giáo viên và các lực lượng liên đới nói chung nhằm giúp giáo viên đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng triển khai GDPL.

Hiệu trưởng tổ chức nâng cao nhận thức cho giáo viên về cách mạng công nghiệp lần thứ tư và vai trò của GDPL cho học sinh trong bối cảnh này, từ đó nâng cao nhận thức cho giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL cho học sinh ở trường THPT. Người cán bộ quản lý giáo dục, GV và các lực lượng giáo dục phải có nhận thức đúng đắn và sâu sắc về việc ứng dụng CNTT trong GDPL cho HS ở trường THPT, phải xem đây là nhiệm vụ quan trọng để phát huy nội lực, tiềm năng của mỗi CBQL, GV đối với việc

ứng dụng CNTT trong GDPL thông qua dạy học và HĐTN để nâng cao chất lượng GDPL, chất lượng và hiệu quả QL của mỗi nhà trường. Trong ứng dụng CNTT để GDPL cho HS, người Hiệu trưởng trường THPT phải làm cho đội ngũ thấy được vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT để GDPL cho học sinh trong bối cảnh cách công nghiệp lần thứ tư, phải hiểu được ứng dụng CNTT là một xu thế tất yếu hiện nay, CNTT là những phương tiện dạy học, phương tiện quản lý mới để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học và QL nói chung và quản lý GDPL nói riêng trong các trường THPT. Từ đó đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng liên đới mới có ý thức tự giác, trách nhiệm cao và đem hết lòng nhiệt huyết của mình trong việc ứng dụng CNTT để GDPL cho học sinh ở trường THPT.

3.2.1.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng và CBQL nhà trường phải nhận thức đúng và đầy đủ về GDPL cho học sinh trong trường THPT, có nhiều hình thức đa dạng phong phú để nâng cao nhận thức cho GV về GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Nhà trường cần có đủ nguồn tài chính, cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động bồi dưỡng, tổ chức Hội thảo chuyên đề cho giáo viên về GDPL và ứng dụng CNTT trong GDPL.

Giáo viên và các cán bộ Đoàn và các lực lượng giáo dục cần nhận thức đúng về tầm quan trọng của GDPL cho học sinh ở trường THPT.

3.2.2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông

3.2.2.1. Mục đích của biện pháp

Bất cứ hoạt động nào muốn đạt được mục tiêu đã định thì phải xây dựng kế hoạch hoạt động, quản lý GDPL cho học sinh THPT cũng vậy, việc xây dựng kế hoạch GDPL cho học sinh sẽ là căn cứ để tổ chức, chỉ đạo thực hiện nội dung chương trình GDPL cho học sinh đạt được mục tiêu. Trên cơ sở phân tích thực trạng, những thuận lợi, khó khăn, những tiềm năng GDPL của nhà trường, kế hoạch GDPL sẽ xác định nội dung, các biện pháp cần

thiết, phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho học sinh trong nhà trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh được dựa trên kế hoạch đã xây dựng sẽ giúp nhà trường đạt mục tiêu giáo dục, loại bỏ những hoạt động mang tính tự phát, giảm thiểu sự lãng phí về nhân lực, vật lực và thời gian nhưng mang lại hiệu quả thiết thực.

3.2.2.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

i) Nội dung biện pháp

Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu kép đó là thực hiện mục tiêu của chương trình giáo dục 2018 đề ra và thực hiện mục tiêu GDPL cho học sinh nhà trường.

Kế hoạch GDPL cho học sinh trong toàn trường, cho từng khối, lớp đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu giáo dục pháp luật với mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh trong trường trung học phổ thông theo mục tiêu giáo dục cấp học; thể hiện việc lựa chọn được nội dung, hình thức GDPL đa dạng thiết thực, phù hợp với hoạt động tâm sinh lý lứa tuổi học sinh trung học phổ thông và bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đạt hiệu quả giáo dục pháp luật đi vào thực chất gắn với cuộc sống học tập, lao động trải nghiệm của học sinh hiện tại và sau khi tốt nghiệp.

Hiệu trưởng tổ chức xây dựng kế hoạch GDPL thông qua hoạt động dạy học và kế hoạch GDPL thông qua tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh, thông qua các hoạt động tập thể, tự giáo dục pháp luật của học sinh. Mỗi nội dung kế hoạch phải thể hiện rõ mục tiêu của kế hoạch; nội dung GDPL cần triển khai; phương pháp, hình thức tổ chức triển khai và người chủ trì tổ chức, thời gian thực hiện và kết quả cần đạt được.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn khoa học xã hội chỉ đạo giáo viên dạy môn Kinh tế & Pháp luật tổ chức triển khai thực hiện GDPL cho học sinh thông qua các chủ đề dạy học, đẩy mạnh hoạt động trải nghiệm gắn với thực

tiền cho học sinh nhằm tăng cường rèn luyện kỹ năng hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh ở trường THPT.

Hiệu trưởng chỉ đạo Đoàn TNCSHCM phối hợp với GV chủ nhiệm lớp, các chi đoàn học sinh tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL: Thi tìm hiểu về luật an toàn giao thông; Luật an ninh mạng; Luật dân sự; Luật kinh tế; Luật Môi trường; Luật Giáo dục,... Tổ chức các hoạt động trải nghiệm mô phỏng qua các tình huống vi phạm pháp luật để học sinh học thông qua sai lầm và tránh những hành vi tương tự trong cuộc sống.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh bao gồm kế hoạch huy động nhân lực từ cơ quan tư pháp; kế hoạch huy động nhân lực từ các lực lượng khác và kế hoạch huy động nguồn lực thông tin, cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho học sinh trong nhà trường.

Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng các tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường THPT qua dạy học môn học chiếm ưu thế và qua hoạt động trải nghiệm.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giám sát đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường nói chung và thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh THPT nói riêng.

ii) Cách thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng thành lập Ban chỉ đạo thực hiện GDPL trong nhà trường THPT do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng là trưởng ban và các thành viên đại diện cho các tổ chức trong nhà trường như Đoàn thanh niên, Công đoàn, giáo viên chủ nhiệm, Hội cha mẹ học sinh. Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể, chỉ đạo thực hiện chương trình, tổ chức các hoạt động theo quy mô toàn trường, quy mô khối và quy mô lớp học.

Hiệu trưởng căn cứ vào văn bản hướng dẫn của cấp trên về hoạt động GDPL trong trường học, căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm cùng với Đoàn Thanh niên các định

các nội dung của kế hoạch GDPL thông qua dạy học và nội dung GDPL thông qua các chủ đề HĐTN ở trường THPT và dự kiến các hình thức tổ chức triển khai các sản phẩm cần đạt được qua mỗi hoạt động. Việc xây dựng kế hoạch phải căn cứ vào nội dung giáo dục pháp luật, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, các hoạt động chủ điểm trong năm... các điều kiện cơ sở vật chất, các nguồn lực và khả năng thực hiện của học sinh, cũng đặc điểm tình hình địa phương, khả năng huy động sự đóng góp của các lực lượng giáo dục liên quan. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng nhà trường cần chú ý xác định xem những nội dung giáo dục pháp luật nào là cấp thiết trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những nội dung nào cần thiết phải giáo dục pháp luật cho học sinh liên quan đến những vấn đề đang nổi lên ở địa phương. Đồng thời, cần xác định.

Trên cơ sở kế hoạch tổng thể về giáo dục toàn diện cho học sinh, cán bộ, giáo viên cần tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh theo chủ điểm phù hợp với đối tượng học sinh trung học phổ thông. Bản kế hoạch phải xác định được tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật cho học sinh, các biện pháp, hình thức giáo dục pháp luật, các lực lượng tham gia; định rõ thời gian thực hiện, phân công cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh. Chú ý đến những tháng cao điểm liên quan đến nội dung giáo dục pháp luật như tháng an toàn giao thông (tháng 9 hàng năm), ngày toàn dân phòng chống ma túy (26/6), ngày môi trường thế giới (5/6)...

Việc kế hoạch cho từng học kỳ, từng tháng, từng đợt thi đua là khâu vô cùng quan trọng và có tính quyết định của quá trình quản lý và kế hoạch hóa cho từng giai đoạn, quyết định thành công của công tác quản lý. Việc QLGDPL cho HS phức tạp nên khi lập kế hoạch việc quản lý công tác này phải tính toán đến nhiều yếu tố chi phối, tác động.

Xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư cần dựa trên kế hoạch chung của nhà

trường, đặc điểm tâm sinh lý, ý thức chấp hành pháp luật của học sinh, môi trường văn hoá, xã hội trước những tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Bản kế hoạch phải thể hiện các hoạt động theo từng năm, từng học kỳ, chú trọng những tháng chủ điểm trong năm học. Bản kế hoạch chú ý đến chuẩn bị các nguồn lực, phân công trách nhiệm, tiến trình thực hiện và hoạt động kiểm tra, kiểm soát, để điều chỉnh kịp thời.

Bản kế hoạch đó phải được sự đóng góp ý kiến, sự ủng hộ và nhất trí cao của các bộ phận liên quan để phối hợp thực hiện. Kế hoạch giáo dục pháp luật và quản lý công tác giáo dục pháp luật cho học sinh THPT phải có tính khả thi, tính hiệu quả cao trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hiện nay.

Hiệu trưởng chỉ đạo phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để triển khai thực hiện mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh thông qua các hình thức dạy học, HĐTN và các hoạt động khác của học sinh. Hiệu trưởng phải đánh giá được khả năng của từng lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để lập kế hoạch phân công công việc sao cho hợp lý, cụ thể, sử dụng tối đa khả năng của từng lực lượng đó trong triển khai thực hiện GDPL cho học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo huy động triệt các nguồn lực có sự tham gia một cách tự giác, tích cực của đồng bộ của cán bộ, giáo viên trong nhà trường và các lực lượng xã hội để triển khai thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn, GV, Đoàn thanh niên CSHCM phối hợp với các lực lượng giáo dục triển khai có hiệu quả kế hoạch GDPL cho học sinh trong nhà trường theo hướng tích hợp và phát triển năng lực học sinh. Tổ chức các hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, nghiên cứu hoạt động trải nghiệm để cùng nhau rút kinh nghiệm đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức GDPL nâng cao chất lượng GDPL.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn, GV, Đoàn Thanh niên ứng dụng CNTT trong GDPL cho học sinh nhà trường. Để thực hiện được nội dung trên, Hiệu trưởng cần tăng cường cơ sở vật chất trang bị, sử dụng và bảo quản hệ thống TBDH của bộ môn, thiết kế và sử dụng các phần mềm GDPL, số hồ sơ bài giảng điện tử sẽ biên soạn, khuyến khích giáo viên sử dụng mô hình giáo dục kết nối giữa bài giảng, hoạt động giáo dục của nhà trường với các phiên tòa xử lý hình sự, dân sự,...

iii) Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng nhà trường, CBQL, GV phải nắm vững nội dung kế hoạch giáo dục, dạy học của nhà trường và khai thác được khả năng tích hợp GDPL cho học sinh THPT.

Nhà quản lý và cán bộ, giáo viên thực hiện công tác GDPL phải nắm vững các chủ điểm giáo dục pháp luật cho học sinh để có thể thực hiện tốt theo từng tháng cụ thể trong năm.

Kế hoạch có tính khả thi, tuân theo trình tự các bước tiến hành, tránh chồng chéo nhà trường phải có đủ các nguồn lực phục vụ.

Để đạt được kết quả như mong muốn, các tổ chức, bộ phận, cá nhân phải nắm rõ nhiệm vụ được phân công, căn cứ khả năng riêng lập kế hoạch hoạt động cho mình; nghiêm chỉnh hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nhà trường phải có cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ GDPL cho học sinh.

3.2.3. Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.2.3.1. Mục đích của biện pháp

Nâng cao năng lực về GDPL cho giáo viên, CBQL, cộng tác viên, giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh ở các nhà trường trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư một cách hiệu quả. Giúp CBQL, GV, cộng tác viên nắm ứng kiến thức

về Pháp luật, có năng lực nghiệp vụ tổ chức hoạt động GDPL cho học sinh ở trường THPT.

3.2.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện

i) Nội dung biện pháp

Hiệu trưởng tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV, cán bộ Đoàn Thanh niên theo từng năng lực thành phần sau đây:

Nâng cao năng lực cho CBQL, GV, cộng tác viên về quá trình GDPL cho học sinh trong nhà trường THPT: Mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, nguyên tắc giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục pháp luật, vai trò của giáo viên, CBQL và cán bộ Đoàn trong GDPL cho học sinh THPT và các nguồn lực cần huy động để GDPL cho học sinh ở trường THPT:

Hiệu trưởng nâng cao kiến thức về các nội dung Luật cần GD cho học sinh trong nhà trường: Luật Giáo dục, Điều lệ trường trung học; Nội quy quy chế nhà trường; Luật an toàn giao thông; Luật an ninh mạng; Luật môi trường; Luật dân sự và một số nội dung luật khác.

Nâng cao hiểu biết cho CBQL và GV về bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ảnh hưởng của nó tới GDPL cho học sinh, những yêu cầu mới cần đặt ra trong công tác GDPL cho học sinh ở trường THPT: Mục tiêu GDPL gắn với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh gắn với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc biệt là năng lực khai thác mạng xã hội, các phần mềm kết nối để GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Nâng cao năng lực về sử dụng, vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức GDPL thông qua hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm cho GV. Nâng cao năng lực dạy học tích hợp nội dung giáo dục pháp luật cho GV và nâng cao năng lực thiết kế hoạt động trải nghiệm theo các chủ đề GDPL.

Hiệu trưởng nâng cao năng lực phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục pháp luật cho CBQL, GV và cán bộ Đoàn.

Hiệu trưởng tạo môi trường, tạo động lực để GV phát triển năng lực GDPL đáp ứng yêu cầu GDPL trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hiệu trưởng tiến hành lựa chọn đa dạng hóa các hình thức bồi dưỡng để nâng cao các năng lực nêu trên cho CBQL, GV, cán bộ Đoàn: Bồi dưỡng tập trung, bồi dưỡng qua mạng, bồi dưỡng qua Hội thảo chuyên đề, bồi dưỡng qua sinh hoạt tổ chuyên môn; tự bồi dưỡng của giáo viên, CBQL và cán bộ Đoàn.

ii). Cách thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng tổ chức khảo sát nhu cầu bồi dưỡng năng lực GDPL của CBQL, GV nhà trường, trên cơ sở đó để xác định nội dung, nhu cầu bồi dưỡng năng lực GDPL cho CBQL, GV và cán bộ Đoàn. Hiệu trưởng xác định bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu đặt ra đối với mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh để xây dựng nội dung chương trình và hình thức tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho GV về GDPL.

Hiệu trưởng phối hợp liên trường để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên, cộng tác viên, cán bộ trực tiếp làm công tác GDPL cho HS ở các trường THPT về nội dung GDPL cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật, cần chỉ rõ những yêu cầu, những khó khăn, thách thức mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra trong công tác GDPL cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho HS THPT.

Việc tổ chức các hoạt động bồi dưỡng có thể theo khóa học và có thể bồi dưỡng thường xuyên chu kỳ gắn với các hoạt động bồi dưỡng của của ngành Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn, Sở tư pháp, Công an tỉnh và cũng có thể mời các chuyên gia mở các khóa, lớp bồi dưỡng riêng cho cán bộ, giáo viên làm công tác GDPL trong nhà trường. Nguồn cộng tác viên, giảng viên được mời có thể là cán bộ giảng dạy ở các khoa luật, trường đại học luật; các luật gia, chuyên viên pháp lý, công tác viên ở viện nghiên cứu, các cơ quan pháp luật, các đoàn luật sư...

Các nội dung bồi dưỡng cần thiết thực, phù hợp với yêu cầu giáo dục nhưng phải sát thực tiễn, tránh những điều bồi dưỡng xa lạ với thực tiễn đang diễn ra làm cho việc bồi dưỡng mang nặng tính hình thức và kém hiệu quả. Nội dung bồi dưỡng nên tập trung vào một số vấn đề trọng tâm như:

Hiệu trưởng tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chia sẻ kinh nghiệm tốt về quản lý học sinh, quản lý hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh, kỹ năng ứng xử, kỹ năng nhận biết việc nào nên làm và không nên làm.

Hiệu trưởng chỉ đạo vận dụng các phương pháp và các hình thức tổ chức GDPL cho học sinh một cách khoa học và có nghệ thuật truyền cảm hứng, tạo các infographic phù hợp với lứa tuổi để thúc đẩy một cách tối ưu hoạt động nhận thức của học sinh và tạo môi trường trải nghiệm, tập luyện kỹ năng, hành vi thói quen chấp hành pháp luật cho học sinh THPT.

Hiệu trưởng chỉ đạo bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về pháp luật, quản lý giáo dục pháp luật, ngoại ngữ, tin học, sử dụng các phần mềm dạy học, các trang web phổ biến kiến thức về GDPL để giáo viên có thể khai thác, tạo infographic phong phú, tránh gây nhàm chán cho học sinh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông vào quá trình giảng dạy nhằm thực hiện đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân cũng như đổi mới công tác tổ chức các hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT.

Tổ chức khảo sát trình độ ứng dụng CNTT của đội ngũ CBQL và GV, cán bộ Đoàn trong đó chú trọng cả kiến thức lẫn kỹ năng về ứng dụng CNTT trong GDPL và tạo môi trường GDPL cho học sinh. Hiệu trưởng giao nhiệm vụ này cho bộ phận CNTT, các GV bộ môn Tin học. Sau khi khảo sát, kiểm tra phải phân loại từng nhóm đối tượng CBQL, GV theo trình độ ứng dụng CNTT, để trên cơ sở đó có nội dung, hình thức bồi dưỡng cho từng nhóm đối tượng phù hợp, nhằm giúp GV, cán bộ Đoàn có thể ứng dụng CNTT trong GDPL cho học sinh. Hiệu trưởng tổ chức xen kẽ, lồng ghép vào các sinh hoạt chuyên môn hàng tuần, hàng tháng trong tổ chuyên môn hoặc các kỳ hội giảng, hội thi GV dạy giỏi các cấp để tổ chức học tập về ứng dụng CNTT

trong tổ chức GDPL cho học sinh, rèn luyện tay nghề cho đội ngũ cán bộ GV, cán bộ Đoàn. Tăng cường nghiên cứu, trao đổi, thảo luận trong tổ chuyên môn và vận dụng giải quyết từng vấn đề theo yêu cầu ứng dụng CNTT trong GDPL và quản lý GDPL cho học sinh THPT.

- Tùy theo đối tượng, Hiệu trưởng trường THPT phối hợp liên trường để mở các lớp Tin học để CBQL, GV theo học. Mở các lớp tin học cơ bản dành cho đối tượng CBQL, GV mới ứng dụng CNTT trong GDPL, trong QL GDPL; các lớp tin học nâng cao, các chuyên đề dành cho đối tượng CBQL, GV, cán bộ Đoàn, cần nâng cao trình độ, kỹ thuật chuyên sâu về CNTT để ứng dụng một cách hiệu quả trong GDPL, trong QL GDPL. Sử dụng phòng CNTT, GV Tin học nghiên cứu biên soạn nội dung bồi dưỡng, đồng thời làm lực lượng nòng cốt để giảng dạy và hướng dẫn cho CBQL, GV các bộ môn khác cách sử dụng các phần mềm dạy học, GDPL, phần mềm QL, sử dụng các thiết bị CNTT phục vụ cho giảng dạy, tổ chức HĐTN và QL GDPL cho học sinh. Chỉ đạo phòng CNTT, GV tin học biên soạn chương trình giảng dạy đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với từng đối tượng GV giúp họ ứng dụng tốt vào chuyên môn, nghiệp vụ của mình.

Trong hoàn cảnh các trường chưa thể tự đáp ứng về đội ngũ cán bộ, giáo viên làm công tác GDPL theo yêu cầu, Hiệu trưởng tổ chức các buổi Hội thảo trao đổi kiến thức, kinh nghiệm cho nhau, học tập lẫn nhau, giúp cho quá trình tự đào tạo và nâng cao trình độ năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động GDPL thông dạy học, hoạt động trải nghiệm, thông qua mạng nội bộ, Internet, mạng xã hội cho cán bộ, giáo viên.

Hiệu trưởng chỉ đạo thao giảng, tổ chức hoạt động trải nghiệm có tích hợp GDPL minh họa để cán bộ, giáo viên cùng nhau trao đổi, chia sẻ, hoàn thiện năng lực giáo dục pháp luật cho học sinh. Tổ chức các buổi báo cáo, sinh hoạt chuyên đề về GDPL và ứng dụng CNTT trong dạy học môn Kinh tế & Pháp luật có tích hợp nội dung GDPL và ứng dụng CNTT trong thiết kế HĐTN theo chủ đề GDPL, trong QL để CBQL, GV tham gia thực hành, trao

đổi kinh nghiệm, học tập lẫn nhau. Hiệu trưởng các trường cần khuyến khích để CBQL, GV mạnh dạn phổ biến những sáng kiến, sản phẩm của mình trong việc ứng dụng CNTT trong dạy học, GDPL cho các đồng nghiệp. Xem đây là một trong những nội dung chính trong các buổi báo cáo, sinh hoạt này. Qua đó, tạo môi trường trao đổi, chia sẻ, học tập sôi nổi lẫn nhau trong đội ngũ CBQL và GV.

Động viên giáo viên tự nghiên cứu, tìm tài liệu, luôn sáng tạo trong công việc vận dụng các phương pháp, hình thức giảng dạy mới, sáng tạo, phổ biến GDPL cho học sinh.

Có chế độ sử dụng phù hợp với những người đã tham gia bồi dưỡng. Trong đó cần đưa yêu cầu tham gia bồi dưỡng và nội dung đánh giá cán bộ giáo viên hàng năm để khuyến khích họ tích cực tham gia bồi dưỡng.

3.2.2.3. Điều kiện thực hiện

Ban giám hiệu và cán bộ, giáo viên cần có nhận thức đúng về sự cần thiết phải bồi dưỡng về giáo dục pháp luật, trang bị kiến thức, kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động giáo dục pháp luật cho cá nhân để thực hiện tốt công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường.

Đảm bảo các nguồn lực về nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV, cán bộ Đoàn.

Nhà trường phải xây dựng được tiêu chí đánh giá cán bộ Đoàn, giáo viên, công nhân viên tự chủ động học ngoại ngữ và công nghệ thông tin, bồi dưỡng năng lực GDPL và các năng lực giáo dục khác cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Hiệu trưởng trường THPT phải tạo được môi trường bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong nhà trường nhằm tạo động lực cho giáo viên, CBQL, cán bộ Đoàn tích cực tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL.

Hiệu trưởng phải xây dựng được cơ chế, chính sách khuyến khích CBQL, GV tích cực tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực GDPL cho học sinh THPT.

3.2.4. Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu trực tiếp và trực tuyến để hướng dẫn giáo viên tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh gắn với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm hướng dẫn CBQL, GV và học sinh cùng các lực lượng liên đới triển khai hoạt động GDPL ở mọi nơi, mọi chỗ để thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục đề ra và hình thành được ở học sinh năng lực hiểu biết về pháp luật và thói quen hành vi chấp hành pháp luật.

Xây dựng hệ thống học liệu GDPL nhằm giúp giáo viên thực hiện có hiệu quả GDPL trực tiếp và GDPL trực tuyến trên nền tảng kỹ thuật số.

3.2.4.2. Nội dung và cách thực hiện

i) Nội dung của biện pháp

Hiệu trưởng cần phối hợp với các trường trên địa bàn để xây dựng hệ thống học liệu phục vụ GDPL theo hai hình thức: Giáo dục pháp luật trực tiếp và GDPL trực tuyến; Trong hệ thống học liệu lại chia thành hai loại: Thứ nhất là hệ thống văn bản hướng dẫn về GDPL và hệ thống tài liệu giảng dạy, học tập về GDPL.

Dựa trên cơ sở các văn bản pháp luật cần giáo dục cho học sinh và hệ thống văn bản chỉ đạo của cấp trên, Hiệu trưởng xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn CBQL, GV, cán bộ Đoàn và các lực lượng liên đới về mục tiêu, nội dung GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Hiệu trưởng tổ chức, chỉ đạo văn bản hóa hướng dẫn tổ chuyên môn, giáo viên thực hiện GDPL thông qua hoạt động dạy học các môn học chiếm ưu thế đặc biệt là môn Kinh tế & Pháp luật: Kỹ thuật thiết kế bài giảng tích hợp; phương pháp, kỹ thuật tổ chức bài giảng và đánh giá kết quả dạy học tích hợp GDPL.

Hiệu trưởng tổ chức mua và khai thác một số phần mềm về GDPL trực tuyến của các chuyên gia nhằm phục vụ GDPL trong trường học;

Hiệu trưởng tổ chức, chỉ đạo văn bản hóa hướng dẫn tổ chuyên môn, giáo viên, Đoàn thanh niên thực hiện GDPL thông qua hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL và các hoạt động xã hội, sinh hoạt tập thể,...: Kỹ năng lựa chọn xây dựng chủ đề hoạt động GDPL; Kỹ năng thiết kế kịch bản hoạt động; phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL và đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL.

Dựa trên tài liệu hướng dẫn của Bộ, Sở Giáo dục - Đào tạo về GDPL, Hiệu trưởng tổ chức cho giáo viên biên soạn các chủ đề GDPL; soạn giáo án về các chủ đề GDPL; biên soạn tài liệu hướng dẫn học sinh học tập, rèn luyện về chấp hành pháp luật như dạng cẩm nang về chấp hành pháp luật,...

Hiệu trưởng phối hợp với cơ quan tư pháp ở địa phương, các lực lượng xã hội, gia đình học sinh; chuyên gia về giảng dạy pháp luật ở cơ sở giáo dục đại học để xây dựng hệ thống giáo dục trực tuyến: Xây dựng bài giảng điện tử về giáo dục pháp luật; Xây dựng các video, tình huống GDPL; Xây dựng các câu hỏi tương tác giữa học sinh với chuyên gia về pháp luật; xây dựng hệ thống tài liệu học tập về pháp luật; xây dựng hệ thống thang đo, đánh giá kết quả đạt được về giáo dục pháp luật và tổ chức học tập trực tuyến cho học sinh trên cổng điện tử của trường theo hình thức online hoặc offline.

ii) Cách thực hiện biện pháp

Trước hết Hiệu trưởng chỉ đạo các Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn dựa trên những văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, các Bộ, Ngành ở trung ương, Bộ GD&ĐT và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục - Đào tạo và đặc biệt là chương trình giáo dục 2018 môn Kinh tế & Pháp luật, xây dựng văn bản của nhà trường nhằm đưa ra những quy định chung về GDPL cho học sinh trong nhà trường để thực hiện thống nhất trong toàn trường. Chỉ đạo Hiệu trưởng CBQL, GV, cán bộ Đoàn trường THPT dựa trên những quy định chung của Ngành, của Sở, cụ thể hóa

thành những quy định riêng phù hợp với điều kiện về trình độ GDPL của đội ngũ, điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường.

Hiệu trưởng phân công cho các phó Hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn, cán bộ giảng dạy môn Kinh tế & Pháp luật soạn thảo hệ thống các văn bản hướng dẫn về dạy học tích hợp GDPL; HĐTN theo chủ đề GDPL và nhiều hoạt động khác có tích hợp GDPL, tổ chức xin ý kiến góp ý của toàn thể cán bộ giáo viên, học sinh để hoàn thiện văn bản. Cuối cùng HT điều chỉnh và hoàn thiện văn bản, kí và công bố văn bản quy định để thực hiện trong nhà trường.

Dựa trên những đề xuất của các cá nhân và tổ chức, Hiệu trưởng xây dựng thành văn bản nội bộ về GDPL trong nhà trường, quy định chung cho mọi hoạt động GDPL thông qua hoạt dạy học và HĐTN và những văn bản về quản lý GDPL của nhà trường. Văn bản này sau khi được hoàn thiện được phổ biến tới, tất cả CBQL, giáo viên, nhân viên, người học trong trường để triển khai thực hiện.

Hiệu trưởng xây dựng những chế tài để điều chỉnh việc chấp hành hệ thống văn bản về GDPL của nhà trường theo hướng ngày càng hoàn thiện và ngăn chặn những hành vi không thực hiện đúng những quy định về GDPL trong trường học.

Toàn bộ hệ thống văn bản trên được đưa lên Weisd của trường để CBQL, GV theo dõi, lĩnh hội và triển khai thực hiện đúng quy định.

Tuỳ theo điều kiện của mỗi nhà trường THPT, Hiệu trưởng có thể có những quy định sát hợp với thực tiễn của nhà trường, tuy vậy những nội dung chủ yếu của văn bản phải thể hiện được các vấn đề sau đây: Quy định mang tính bắt buộc mọi người đều phải có nhiệm vụ học tập, nghiên cứu để hiểu biết và nắm được những kiến thức, kỹ năng cơ bản nhất về GDPL cho học sinh ở trường THPT và tổ chức thực hiện GDPL cho học sinh theo hướng dẫn của văn bản.

Hiệu trưởng các trường THPT, tổ chức giao nhiệm vụ từng thành viên trong trường thực hiện các quy định về GDPL cho học sinh THPT trong nhà trường: Ban Giám Hiệu; Đoàn Thanh niên nhà trường; Tổ /nhóm chuyên môn dạy Kinh tế & Pháp luật; Giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn khác. Tăng cường kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện GDPL cho học sinh trong nhà trường. Rà soát lại những quy định không phù hợp với thực tiễn của nhà trường trong từng thời gian cụ thể, Hiệu trưởng có thể điều chỉnh để các quy định có thể triển khai thực hiện một cách có hiệu quả và chất lượng cao.

Hiệu trưởng mời chuyên gia giỏi của cơ sở đào tạo về giáo dục pháp luật hỗ trợ giáo viên biên soạn tài liệu giảng dạy, tài liệu học tập cho học sinh theo hai hình thức tài liệu giảng dạy trực tiếp và tài liệu giáo dục trực tuyến; đồng thời đầu tư nguồn tài chính hỗ trợ cho giáo viên hoàn thành nhiệm vụ trên một cách hiệu quả.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng, CBQL nhà trường, GV dạy Kinh tế & Pháp luật phải nắm vững những văn bản quy định của cấp trên về GDPL cho học sinh trong trường học, đồng thời có năng lực cụ thể hóa văn bản chỉ đạo của cấp trên thành văn bản quản lý nội bộ của nhà trường. Hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Trường phải dựa trên chương trình giáo dục THPT 2018 và hệ thống văn bản của cấp trên đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường THPT.

CBQL, GV phải nhận thức đúng về vai trò của hệ thống văn bản quản lý nội bộ về GDPL và tích cực tham gia góp ý hoàn thiện văn bản, tự giác thực hiện theo văn bản hướng dẫn của nhà trường.

3.2.5. Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Môi trường giáo dục số, môi trường học tập Elearning được phát triển, sử dụng trong GDPL sẽ mở rộng nội dung, môi trường, hình thức và địa điểm học tập, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh THPT; Giúp giáo

viên có thể thực hiện GDPL cho học sinh theo hình thức trực tiếp và trực tuyến đáp ứng yêu cầu của bối cảnh chuyển đổi số hiện nay nhằm nâng cao hiệu quả của GDPL ở trường THPT; Đồng thời giúp CBQL nhà trường quản lý và nâng cao chất lượng GDPL trong bối cảnh mới.

3.2.5.2. Nội dung và cách thực hiện

i) Nội dung của biện pháp

Trường THPT phải phát triển môi trường giáo dục số để giáo viên và cán bộ Đoàn triển khai thực hiện GDPL trên nền môi trường giáo dục số một cách thuận lợi; vì vậy nhà trường phải nâng cấp cơ sở hạ tầng thông tin của trường; đầu tư mua các phần mềm hỗ trợ để giáo viên có thể thực hiện giáo dục trực tuyến thuận lợi.

Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng website của trường THPT, trong đó có kho tư liệu điện tử chứa các học liệu điện tử để CBQL, GV tham khảo như: giáo án điện tử, các phần mềm ứng dụng trong dạy học tích hợp GDPL và HĐTN theo chủ đề GDPL; các tình huống dân sự, hình sự về vi phạm pháp luật trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Xây dựng hệ thống hỗ trợ học tập pháp luật qua mạng như đăng ký học; tài liệu hướng dẫn học tập và hệ thống đánh giá kết quả GDPL trực tuyến; Đồng thời xây dựng hệ thống giám sát việc đăng ký, học tập qua mạng của học sinh cũng như theo dõi quá trình giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh.

Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn tìm hiểu và khai thác các nguồn học liệu điện tử phục vụ cho dạy học pháp luật và GDPL cho học sinh trong nhà trường.

Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên thiết kế bài giảng điện tử, kịch bản điện tử về HĐTN theo chủ đề GDPL, hệ thống tài liệu hỗ trợ, câu hỏi tương tác; hệ thống đánh giá kết quả GDPL theo hướng dạy học trực tuyến và giáo dục trực tuyến và tiến hành số hóa bài giảng để học sinh có thể tự học, tự tìm hiểu.

Hiệu trưởng chỉ đạo Đoàn Thanh niên ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các phần mềm tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật cho học sinh toàn trường, cho học sinh từng khối lớp theo hình thức trực tuyến, onlie.

Hiệu trưởng có thể đặt hàng các phần mềm kết nối giữa dạy học pháp luật, HĐTN với các tình huống xử lý vi phạm pháp luật của tòa án hay của ngành Luật học để học sinh học trải nghiệm qua tình huống mô phỏng.

Hiệu trưởng trường THPT phối hợp với Đại học Luật; Tòa án nhân dân huyện hoặc tỉnh phát triển môi trường giáo dục số về giáo dục pháp luật tạo kho tư liệu sống để GDPL cho học sinh gắn với thực tiễn trải nghiệm việc thi hành pháp luật trong lao động, học tập, sinh hoạt hàng ngày.

Nhà trường cần phát triển môi trường học tập qua Elearning cho học sinh trong quá trình GDPL như ngoài việc dạy học pháp luật cần tổ chức hoạt động GDPL theo chủ đề trải nghiệm; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; tổ chức nghiên cứu thực tiễn về chấp hành pháp luật của người dân: Luật an toàn giao thông; Luật môi trường; Luật an ninh mạng; Luật giáo dục,... Tìm hiểu nguyên nhân vi phạm pháp luật của người dân.

ii) Cách thực hiện biện pháp

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cán bộ quản lý cần đưa ra những tác động tích cực để đổi mới tư duy của giáo viên trong việc phát triển giáo dục số trong công tác phổ biến, GDPL cho HS THPT, việc thực hiện phải phù hợp với quy luật nhận thức và hành động.

Xây dựng các nội dung quản lý, chỉ đạo, tổ chức để cán bộ, giáo viên ứng dụng giáo dục số trong vào đổi mới phương pháp dạy học cũng như phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL ở các trường THPT.

Chỉ đạo phát triển giáo dục số trong thiết kế các bài giảng GDPL, thiết kế hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL cho HS THPT theo quy mô toàn trường, quy mô khối lớp và theo đơn vị từng lớp học sinh: Việc chỉ đạo cần phải thông qua và phát huy tối đa khả năng của tổ trưởng chuyên môn. Ngay từ đầu năm học, mỗi tổ chuyên môn phải lập kế hoạch thống nhất chung với kế hoạch của nhà trường một cách cụ thể, rõ ràng, từng tuần, từng tháng, từng

học kỳ và cả năm học. Đặc biệt, tổ chuyên môn cần xây dựng chuyên đề sinh hoạt chuyên môn về cách thiết kế và sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT trong dạy học pháp luật và thiết kế kịch bản HĐTN theo chủ đề GDPL, tổ chức seminar giáo án và seminar kịch bản HĐTN tập thể giáo viên trao đổi góp ý kiến cho kịch bản đề hoàn thiện. Nhà trường cần tạo điều kiện để tổ chuyên môn phối hợp với giáo viên tra cứu, tham khảo, sử dụng các giáo án, giáo trình điện tử được đưa lên mạng miễn phí, từ đó có thể học cách làm hay, cách ứng dụng CNTT trong GDPL hiệu quả.

Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kho tài nguyên chung về giáo án, kịch bản hoạt động, tài liệu điện tử về GDPL trên mạng Internet nội bộ của nhà trường; khuyến khích giáo viên khai thác và làm giàu kho học liệu điện tử có hiệu quả để nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh trong nhà trường.

Chỉ đạo, khuyến khích giáo viên, cán bộ Đoàn Thanh niên khai thác và sử dụng các phần mềm dạy học để thiết kế giáo án và thiết kế hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL đặc biệt là thiết kế các bài giảng trực tuyến nhằm giúp học sinh tự học. Hiệu trưởng đầu tư mua và trang bị các phần mềm dạy học, nhất là khai thác phần mềm miễn phí trên mạng. Nếu cần thiết tổ trưởng có thể đề xuất mua các phần mềm có bản quyền phục vụ cho công tác GDPL cho HS. Tổ trưởng cùng với giáo viên tự học, tự nghiên cứu để khai thác các chức năng của phần mềm, các nguồn tư liệu giáo dục mở và nguồn tư liệu trên mạng Internet, truy cập các website hỗ trợ cho việc dạy học và tổ chức hoạt động GDPL cho HS THPT, sau đó phổ biến rộng rãi trong tổ chuyên môn.

Quản lý việc soạn giáo án, thiết kế các hoạt động GDPL của giáo viên được tiến hành thông qua các đợt kiểm tra hồ sơ chuyên môn định kỳ hay đợt xuất của tổ chuyên môn và Ban giám hiệu. Qua kết quả kiểm tra, đánh giá, hiệu trưởng cần kịp thời động viên, biểu dương các giáo viên đầu tư công sức và trí tuệ để soạn giáo án, thiết kế hoạt động GDPL cho HS có chất lượng tốt, đồng thời nhắc nhở những giáo viên thực hiện chưa tốt.

Chỉ đạo việc giảng dạy, thực hiện bài giảng số, bài giảng kết nối giữa trường học trải nghiệm pháp luật trên nền tảng kỹ thuật số, sử dụng các

thiết bị công nghệ, phòng học đa phương tiện theo định hướng ứng dụng CNTT đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp tổ chức hoạt động GDPL cho HS THPT.

Phân cấp trách nhiệm bảo đảm và kiểm soát chất lượng ứng dụng CNTT của trường, tổ chuyên môn và từng giáo viên trong quá trình ứng dụng CNTT trong giáo dục pháp luật cho học sinh THPT: Tổ chuyên môn phải bám sát, biết rõ nội dung nào, hoạt động nào sử dụng CNTT là hiệu quả nhất, tránh sử dụng CNTT một cách tùy tiện, không đúng chỗ, không đúng lúc, mang tính biểu diễn hình thức. Tổ chuyên môn phải có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng giờ dạy và hoạt động giáo dục pháp luật có ứng dụng CNTT của từng giáo viên để đảm bảo chất lượng chuyên môn của tổ.

Song song với việc dạy học trên lớp với các ứng dụng CNTT, để đa dạng hóa các hình thức GDPL cho HS THPT, Nhà trường cần coi mạng xã hội như một người bạn đồng hành, một phương thức tốt trong việc giáo dục, định hướng, giúp đỡ học sinh THPT nâng cao ý thức pháp luật, định hướng học sinh về ý thức công dân. Quản lý sự tham gia của học sinh vào mạng xã hội để thực hiện hoạt động học của học sinh bao gồm quan tâm tổ chức các hoạt động học tập trong và ngoài nhà trường của học sinh. Hiệu trưởng cần định hướng cho giáo viên về việc hướng dẫn học sinh ứng dụng CNTT hỗ trợ học tập ở nhà, ở trường. Nhà trường cần có sự giúp đỡ, hỗ trợ và có các khuyến cáo chung (thông qua sinh hoạt Đoàn và ban hành các quy định của trường) cho học sinh trong việc khai thác tư liệu học tập trên mạng internet, những khuyến cáo, quy định trong việc sử dụng các trang mạng xã hội như Facebook, Zalo, E.mail,... nhằm bảo vệ dữ liệu và thực hiện đúng các quy định hiện hành về bảo mật thông tin cá nhân và bản quyền tác giả. Do đó Ban Giám hiệu nhà trường cần luôn quan tâm, Học sinh THPT còn hạn chế về nhận thức, kiến thức và bản lĩnh, không dễ phân biệt thông tin thật - giả, tốt - xấu, dẫn đến biểu hiện hoang mang, suy nghĩ cực đoan, phiếm diện, hành động, phát ngôn hàm hồ, ảnh hưởng trực tiếp kết quả học tập, rèn luyện. Để từ đó thường xuyên nhắc nhở, định hướng cho học sinh tiếp cận các nguồn thông

tin chính thống, nhất là từ các cơ quan báo chí có uy tín, tránh việc chia sẻ, lan truyền thông tin từ nguồn chưa chính thống, nguồn xuất phát từ các trang facebook, zalo... của cá nhân được đăng tải, chia sẻ trên mạng xã hội...

Có kế hoạch hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi trực tuyến, cuộc thi có lồng ghép kiến thức GDPL để được thể hiện năng lực, kiến thức, kỹ năng và tự đánh giá kết quả học tập của mình.

Chỉ đạo giáo viên, Đoàn Thanh niên triển khai các dự án tìm hiểu về pháp luật và chấp hành pháp luật trong đời sống thực tế, rút ra bài học kinh nghiệm cá nhân về học tập rèn luyện ý thức sống và làm việc theo hiến pháp, pháp luật.

Tổ chức các diễn đàn thanh niên về lý tưởng thanh niên - sống và học tập, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Cán bộ quản lý nắm vững các văn bản chỉ đạo về định hướng triển khai ứng dụng CNTT trong GDPL. Thường xuyên theo dõi những thay đổi, những tiến bộ mới về khoa kỹ thuật, về ứng dụng CNTT trong và ngoài nước để cập nhật triển khai kịp thời.

Có đủ điều kiện về hạ tầng CNTT để triển khai ứng dụng CNTT trong GDPL. Chuẩn bị kinh phí từ ngân sách kết hợp huy động xã hội hóa giáo dục để mua sắm, bổ sung hạ tầng CSVC, thiết bị CNTT cho các hoạt động ứng dụng CNTT trong GDPL của nhà trường.

3.2.6. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Để GDPL cho học sinh và quản lý GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh hiệu quả, Hiệu trưởng cần huy động được các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường cùng tham gia giáo dục học sinh. Biện pháp này nhằm huy động các nguồn lực phục vụ cho giáo dục pháp luật trong nhà trường bao gồm: nhân lực, vật lực, thông tin và tài chính.

Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục pháp luật cho học sinh nhằm tạo ra sự đồng thuận trong thực hiện mục tiêu, nội dung của các hoạt động giáo dục; giúp đa dạng và tối đa hóa các nguồn lực xây dựng cơ sở giáo dục theo hướng mở, đảm bảo môi trường giáo dục pháp luật tốt nhất cho từng học sinh, giúp học sinh giỏi về năng lực và chuẩn mực về đạo đức, lối sống và pháp luật. Phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội đảm bảo tính dân chủ, bình đẳng, hợp tác, công khai và giải trình xã hội về chất lượng giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường.

Hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh đem lại những lợi ích xã hội và lợi ích giáo dục to lớn cho nhà trường đó là: Phát huy vai trò trung tâm văn hóa của trường học xây dựng cụm dân cư thành môi trường giáo dục tích cực, tạo sự thống nhất đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong giáo dục pháp luật học sinh.

3.2.6.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

i) Nội dung biện pháp

Thống nhất kế hoạch GDPL giữa các lực lượng giáo dục trong trường, khai thác triệt để tiềm năng giáo dục pháp luật của nhà trường để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh.

Tìm hiểu và khai thác thế mạnh của các cơ quan tư pháp trên địa bàn để tranh thủ sự hỗ trợ của các cơ quan tư pháp trong GDPL cho học sinh THPT của nhà trường.

Tìm hiểu thế mạnh, tiềm năng của các lực lượng xã hội trên địa bàn để khai thác khả năng hỗ trợ nhà trường trong GDPL cho học sinh THPT.

Tìm hiểu thế mạnh của gia đình học sinh khai thác sự hỗ trợ của gia đình đối với nhà trường trong giáo dục pháp luật cho học sinh THPT.

ii) Cách thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để GDPL cho học sinh thông qua dạy học: Mời Công an hoặc mời cán bộ tư pháp đến giảng các chuyên đề về

pháp luật và chấp hành pháp luật. Mời Công an hoặc cán bộ tư pháp tham gia hướng dẫn hoặc đánh giá các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật cho học sinh vì dụ như thi tìm hiểu về “Luật an toàn giao thông”; “Tìm hiểu luật an ninh mạng”,...

Hiệu trưởng nhà trường cũng cần có kế hoạch bố trí Hội trường, sân bãi, phương tiện phục vụ QL hoạt động GDPL cho HS, có kế hoạch phân bổ kinh phí cho hoạt động này. Nhà trường chỉ đạo và tổ chức xây dựng các quy định về nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân để họ nắm vững những nhiệm vụ cơ bản cũng như chịu trách nhiệm về công việc của mình.

Hàng năm, lãnh đạo nhà trường cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT. Tùy theo điều kiện của từng trường để sắp xếp, trang bị các loại phòng phòng hội trường, phòng sinh hoạt văn hoá lồng ghép với tuyên truyền GDPL cho HS với các phương tiện kỹ thuật, CNTT phù hợp. Ngoài ra, các trường cần tích cực chuẩn bị các điều kiện CSVC khác như sân bãi đủ điều kiện cho các cuộc gặp mặt, hội thảo, sinh hoạt tập thể. Hiệu trưởng có thể thực hiện vận động tài trợ từ các lực lượng xã hội, cha mẹ học sinh hiến tặng để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ GDPL cho học sinh ở trường THPT.

Cùng với việc tăng cường CSVC, các trường cần có chính sách trong việc hỗ trợ nguồn tài chính đủ đảm bảo cho các hoạt động văn hóa văn nghệ lồng ghép học tập kiến thức pháp luật; hoạt động huy động cộng đồng bên trong và bên ngoài trường tham gia các hoạt động phổ biến, thực hiện pháp luật. Nguồn tài chính cần được phân bổ rõ ràng cho hoạt động của HS, của các tổ chức trong trường và hoạt động huy động sự tham gia của các lực lượng bên ngoài vào GDPL cho HS. Hiệu trưởng có thể tìm kiếm các nguồn tài trợ để thực hiện nội dung trên một cách hiệu quả.

Cùng với nhà trường, cán bộ chính quyền, sở ngành có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển nhà trường cũng như hoạt động GDPL: Họ là những lực lượng có thể đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực, nguồn lực thông tin phục vụ cho hoạt động GDPL cho học sinh THPT.

Để tiến hành hoạt động GDPL cần huy động sự tham gia của các lực lượng trong xã hội đóng góp cho hoạt động GDPL cho học sinh THPT: Sự tham gia của cán bộ tư pháp, công an trong giáo dục pháp luật cho học sinh; sự đóng góp của gia đình trong việc nâng cao nhận thức, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh THPT, các lực lượng xã hội khác có thể phối hợp với nhà trường giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và giám sát đánh giá việc chấp hành pháp luật của học sinh THPT. Thực hiện được biện pháp này, đội ngũ GV, CBQL, cán bộ Đoàn, Hội trong nhà trường, cán bộ chính quyền, sở, ban, ngành,... sẽ nâng cao khả năng cùng tham gia, điều hành và quản lý với nhà trường trong phát triển giáo dục nhà trường nói chung và hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT nói riêng.

Nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đảm bảo sẽ tạo nền tảng và điều kiện thuận lợi để hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT có thể tiến hành với chất lượng và hiệu quả mong muốn.

Nhà trường cần tăng cường nguồn lực cho tổ chức các hoạt động GDPL cho HS thông qua xã hội hoá- kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong toàn XH, đặc biệt là từ sự hỗ trợ, tài trợ của các doanh nghiệp như: Huy động các bên tham gia bên ngoài tham gia đóng góp, ủng hộ cho các hoạt động GDPL chính khoá (xây dựng chương trình, hỗ trợ hoạt động giảng dạy trên lớp) và hoạt động GDPL qua hoạt động ngoại khoá cho HS (ngày hội văn hóa, hội thao, các cuộc thi học thuật và đặc biệt là các mô hình hoạt động mới, các hoạt động quy mô liên trường, khối trường, cấp khu vực và toàn quốc); Lãnh đạo nhà trường kêu gọi các cá nhân, tổ chức, cơ sở sản xuất -kinh doanh quan tâm đến các hoạt động GDPL cho HS bằng hiện vật và tham gia cùng nhà trường phát thưởng, trao học bổng, tuyên dương khen thưởng HS có thành tích trong học tập và chấp hành pháp luật.

3.2.6.3. Điều kiện thực hiện

Hiệu trưởng, CBQL, GV nhà trường cần phải thấy vai trò quan trọng của gia đình và các lực lượng xã hội trong phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để GDPL cho học sinh THPT. Hiệu trưởng phải khai thác được mọi

tiềm năng, thế mạnh của gia đình và các lực lượng xã hội cũng như đội ngũ giáo viên, nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường để bảo đảm sự phối kết hợp giữa nhà trường và các bên tham gia một cách hiệu quả. Tranh thủ sự ủng hộ và tạo điều kiện về tinh thần; tăng cường các hoạt động thúc đẩy sự tham gia của các bên trong việc huy động kinh phí cũng như các nguồn lực khác cho công tác QL hoạt động GDPL cho HS; Thường xuyên tổ chức họp giao ban, kiểm tra những công việc đã làm được và chưa làm được để có những biện pháp hữu hiệu hơn.

Hiệu trưởng, CBQL nhà trường phải nắm vững khả năng, nhu cầu của các bên tham gia; tận dụng các mối quan hệ cả bên trong tập thể CB, GV, HS và các cá nhân, tổ chức bên ngoài nhà trường để huy động nguồn lực. Hiệu trưởng phải có năng lực và có chương trình vận động tài trợ phù hợp nhằm tăng cường cơ sở vật chất, tài chính, cung cấp đủ nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị đủ để thực hiện hoạt động GDPL cho HS.

3.2.7. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

3.2.7.1. Mục đích của biện pháp

Hoạt động kiểm tra đánh giá luôn là một nội dung vô cùng quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc kiểm tra đánh giá giúp xác định rõ kết quả đạt được trên thực tế, phát hiện, đánh giá được những thiếu sót, hạn chế và tồn tại để từ đó có những biện pháp thích hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đề ra. Đối với hoạt động giáo dục pháp luật cũng vậy, làm tốt công tác kiểm tra đánh giá kết quả giúp phát hiện những vấn đề chưa hoàn thiện trong quá trình thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật, từ việc xây dựng kế hoạch GDPL đến tổ chức thực hiện kế hoạch và chỉ đạo thực hiện nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh... trên cơ sở đó nhà trường điều chỉnh, các hoạt động GDPL cũng như tăng cường nguồn lực tổ chức thực hiện GDPL nhằm nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở trường THPT.

3.2.7.2. Nội dung và cách thực hiện biện pháp

i) Nội dung thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra hoạt động giáo dục pháp luật của CBQL, GV, cán bộ Đoàn trong nhà trường, tiêu chí kiểm tra cần tập trung vào các nội dung sau đây:

Kiểm tra công tác lập kế hoạch GDPL, kiểm tra giáo án tích hợp GDPL; Kiểm tra kịch bản tổ chức HĐTN theo chủ đề GDPL cho học sinh; Kiểm tra nội dung dự kiến triển khai thực hiện và các hình thức tổ chức thực hiện GDPL cho học sinh.

Kiểm tra các hình thức tổ chức thực hiện GDPL và mức độ thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật, thái độ tích cực của học sinh khi tham gia GDPL cho học sinh THPT.

Hiệu trưởng kiểm tra công tác kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL của giáo viên thông qua đánh giá kết quả dạy học Kinh tế & Pháp luật và HĐTN theo chủ đề GDPL cho học sinh THPT.

Hiệu trưởng kiểm tra các điều kiện đảm bảo GDPL cho học sinh của nhà trường: năng lực giáo viên, cơ sở hạ tầng thông tin; cơ sở vật chất, tài chính phục vụ GDPL cho học sinh của nhà trường,...

ii) Cách thực hiện biện pháp

Nhà trường xây dựng quy định quản lý giáo dục pháp luật và công tác kiểm tra đánh giá; hàng năm ban hành hướng dẫn xây dựng và thực hiện quy trình kiểm tra đánh giá toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh; kiểm tra đánh giá công tác xây dựng kế hoạch có kịp thời và phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của nhà trường không; xem xét vai trò của cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện đến đâu, đã phát huy được trí tuệ tập thể trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch chưa; thường xuyên kiểm tra đánh giá toàn diện các khâu của quá trình giáo dục pháp luật từ cấp trường đến các đơn vị, bộ phận, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội, cán bộ quản lý và giáo viên, đảm bảo cho quá trình thực hiện theo đúng quy định, logic và đạt hiệu quả cao nhất mà mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Qua kiểm tra đánh giá, có sự nhắc nhở, kiểm điểm nghiêm túc đối với những tập thể, cá nhân để có phương án điều chỉnh, bổ sung phù hợp, tránh ý kiến một chiều, đơn phương tạo áp lực cho các bộ phận, cá nhân triển khai thực hiện; chú trọng quan tâm đến công tác phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong suốt quá trình triển khai thực hiện kế hoạch nhằm hạn chế về sự chồng chéo, không phát huy được ưu thế của các bộ phận, cá nhân, các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh. Việc kiểm tra đánh giá sự phối hợp đối với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cũng là một trong những nội dung rất quan trọng để điều chỉnh kế hoạch phối hợp, phát huy sức mạnh xã hội, thực hiện tốt chủ trương của Đảng, nhà nước, của bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc nâng cao ý thức, nhận thức pháp luật cho học sinh, góp phần tăng cường pháp chế xã hội trong tình hình hiện nay.

Nhà trường phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường như Công an các xã, phường, các cơ quan, đơn vị chức năng tổ chức các cuộc kiểm tra đột xuất về công tác an ninh trường học, các hiện tượng gây rối an ninh trật tự, tàng trữ vũ khí để có biện pháp ngăn ngừa kịp thời; tổ chức xét nghiệm đột xuất đối với những đối tượng nghi sử dụng các chất ma túy, phối hợp gia đình học sinh để có biện pháp theo dõi, giáo dục và giúp đỡ học sinh bỏ con đường nghiện ngập. Qua kiểm tra đánh giá, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng và phê phán những biểu hiện tiêu cực, những thói hư, tật xấu, những biểu hiện hành vi vi phạm pháp luật, các tệ nạn xã hội tác động vào nhà trường, góp phần tạo nên môi trường giáo dục trong sáng, lành mạnh; nêu gương, biểu dương những học sinh có hành vi tích cực, có ý thức, nhận thức pháp luật đúng đắn, học tốt, rèn luyện tốt.

Kiểm tra, đánh giá thông qua các buổi sơ kết, tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc để có sự đánh giá toàn diện những mặt đã làm được và chưa làm được, từ đó đưa ra bài học kinh nghiệm, các biện pháp khắc phục để điều chỉnh kế hoạch giáo dục pháp luật sao cho phù hợp, đem lại hiệu quả cao như mục tiêu đã đề ra.

3.2.7.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Cấp ủy Đảng, Ban Giám hiệu quan tâm, chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh.

Phân công cụ thể về nhiệm vụ, thẩm quyền cho các đơn vị, bộ phận chức năng có liên quan đến công tác kiểm tra đánh giá việc triển khai thực hiện giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường.

Việc tiến hành kiểm tra đánh giá phải căn cứ vào nguyên tắc, quy định có tính pháp lý; cán bộ được cử tham gia quá trình kiểm tra đánh giá phải là những người có chuyên môn hoặc có kiến thức về pháp luật và có năng lực đánh giá, tổng hợp.

Kế hoạch kiểm tra đánh giá phải được xây dựng trước cho cả năm học một cách cụ thể, rõ ràng và được phổ biến cho các đơn vị, bộ phận nắm rõ để chủ động triển khai thực hiện.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Các biện pháp trình bày ở trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, hỗ trợ, bổ sung kết quả cho nhau, đi từ nâng cao nhận thức đến nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV và các lực lượng giáo dục đến xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời chỉ đạo thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL và phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh THPT và kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả GDPL cho học sinh THPT.

Các biện pháp này nhằm giải quyết những vấn đề tồn tại, khó khăn trong quản lý hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT, phát huy vai trò của lực lượng trong việc GDPL cho HS.

Mỗi biện pháp đã được đề xuất thể hiện chức năng quản lý theo từng mục tiêu khác nhau về nội dung, phương pháp, đối tượng, điều kiện và phương tiện quản lý với mục đích tác động vào chủ thể GDPL của các trường THPT; đối tượng quản lý và tất cả các thành tố tham gia vào quản lý hoạt

động GDPL cho HS trung học phổ thông để đạt được đích cuối cùng là nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật.

Các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật nêu trên có tác động tương hỗ, hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý. Vì vậy, để đạt được mục tiêu quản lý giáo dục pháp luật phải thực hiện đồng bộ các biện pháp này. Nếu chủ thể quản lý vận dụng tốt thì tác động của các biện pháp sẽ là tích cực, sẽ thực hiện được mục tiêu quản lý giáo dục pháp luật, sẽ là khả thi, nhưng nếu thực hiện không tốt thì tác động sẽ có thể ngược lại. Thực hiện tốt việc quản lý giáo dục pháp luật là xây dựng một môi trường giáo dục trong sáng, lành mạnh, là cái nôi, là môi trường tốt nhất cho học sinh rèn luyện mình, phát triển toàn diện và hình thành nhân cách để trở thành công dân mẫu mực, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của nền kinh tế tri thức và hội nhập toàn cầu.

Khi sử dụng các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng lần thứ tư mà luận án đề xuất cần chú ý: Sử dụng đồng bộ các biện pháp quản lý, tránh tình trạng tuyệt đối hóa một biện pháp quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông đề xuất. Trong các biện pháp nêu trên biện pháp số 2, biện pháp số 3; biện pháp số 4 là các biện pháp trọng tâm; biện pháp số 1 là cơ sở, nền tảng; các biện pháp 5, 6, 7 là các biện pháp có tính chất điều kiện cho hoạt động quản lý GDPL đạt hiệu quả.

3.4. Khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.4.1. Mục đích khảo nghiệm

Tổ chức khảo nghiệm để kiểm nghiệm sự phù hợp, tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư mà đề tài đề xuất.

3.4.2. Đối tượng khảo nghiệm

Đối tượng tham gia trưng cầu ý kiến đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp thuộc các nhóm đối tượng liên quan đến việc thực thi các biện pháp, bao gồm: Cán bộ quản lý và giáo viên các trường trung học

phổ thông, các lực lượng xã hội tham gia công tác giáo dục pháp luật cho học sinh các trường THPT tỉnh Bắc Ninh (108 người).

3.4.3. Phương pháp khảo nghiệm

Tác giả xin ý kiến các nhà chuyên môn bằng phiếu trưng cầu ý kiến đã được xây dựng (phụ lục).

Sau đó sử dụng phương pháp thống kê để xử lý số liệu thu được qua phiếu trưng cầu ý kiến. Các ý kiến được đánh giá bằng cách cho điểm theo thang điểm:

- Tính cần thiết được tính theo thang điểm chia theo các mức độ từ 1 đến 3:
 - + Rất cần thiết - 3 điểm;
 - + Cần thiết - 2 điểm;
 - + Không cần thiết - 1 điểm.
- Tính khả thi được tính theo thang điểm chia các mức độ từ 1 đến 3:
 - + Rất khả thi - 3 điểm;
 - + Khả thi - 2 điểm;
 - + Không khả thi - 1 điểm.

Giá trị trung bình ($\bar{X}$) nằm trong khoảng $1 \leq (\bar{X}) \leq 3$, thang đánh giá:

- Mức 1 (rất cần thiết, rất khả thi): $\bar{X} = 2,34 \rightarrow 3,0$
- Mức 2 (cần thiết, khả thi): $\bar{X} = 1,68 \rightarrow 2,33$
- Mức 3 (không cần thiết, không khả thi): $\bar{X} < 1,68$

Áp dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc Spearman:

$$r = 1 - \frac{6 \sum D^2}{N(N^2 - 1)}$$

Với r là hệ số tương quan

D là hệ số thứ bậc giữa hai đại lượng so sánh

N là số các giải pháp quản lý đề xuất

Quy ước: Nếu $r > 0$ là tương quan thuận

Nếu $r < 0$ là tương quan nghịch

Nếu r càng gần 1 thì tương quan càng chặt chẽ

Nếu r càng xa 1 thì tương quan càng lỏng.

3.4.4. Kết quả khảo nghiệm về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất

3.4.4.1. Kết quả khảo nghiệm về sự cần thiết của các biện pháp đã đề xuất

Bảng 3.1. Khảo nghiệm tính cần thiết của các biện pháp

TT	Biện pháp	Rất cần thiết (%)	Cần thiết (%)	Không cần thiết (%)	Điểm TB ($\bar{X}$)	Thứ bậc Xi
1	Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	66,7	33,3	0	2,67	7
2	Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường THPT	84,3	15,7	0	2,84	3
3	Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	86,1	13,9	0	2,86	1
4	Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT	80,6	19,4	0	2,81	4
5	Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT	70,4	29,6	0	2,70	6
6	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	85,2	14,8	0	2,85	2
7	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	77,8	22,2	0	2,78	5
Trung bình					2,79	

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, các biện pháp đều được đánh giá ở mức độ rất cần thiết, với điểm trung bình chung của các biện pháp là 2,79đ và điểm trung bình của mỗi biện pháp dao động từ 2,67 đến 2,86đ. Các biện pháp được đánh giá có mức độ cần thiết cao nhất là biện pháp 3: Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư được đánh giá với điểm trung bình 2,86đ, tiếp đó là biện pháp 6: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư với điểm trung bình 2,85đ. Biện pháp 2 : Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 với điểm trung bình 2,84đ. Biện pháp được đánh giá rất cần thiết ở mức thấp nhất có điểm trung bình trung là 2,67 là: Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, sở dĩ biện pháp này được đánh giá thấp nhất vì đa số CBQL, GV, HS đã có nhận thức đúng về GDPL, chỉ còn một bộ phận CBQL, GV, HS có nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về ý nghĩa của GDPL.

3.4.4.2. Kết quả khảo nghiệm về tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất

Bảng 3.2. Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp

TT	Biện pháp	Rất khả thi (%)	Khả thi (%)	Không khả thi (%)	Điểm TB ($\bar{X}$)	Thứ bậc X_i
1	Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	70,4	29,6	0	2,70	4
2	Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường THPT	80,6	19,4	0	2,81	2
3	Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	77,8	22,2	0	2,78	3
4	Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT	80,6	19,4	0	2,81	2
5	Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT	66,7	33,3	0	2,67	5
6	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	85,2	14,8	0	2,85	1
7	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	70,4	29,6	0	2,70	4
Trung bình					2,76	

Tương tự như kết quả khảo nghiệm tính cần thiết, các đối tượng đều đánh giá cao tính khả thi của các biện pháp đã đề xuất với điểm trung bình chung của các biện pháp là 2,76đ, điểm trung bình mỗi biện pháp dao động từ 2,67 đến 2,85 điểm. Trong đó, biện pháp được đánh giá là có tính khả thi cao nhất là biện pháp 6: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư có điểm số trung bình là 2,85; Tiếp đến là biện pháp 4 và biện pháp số 2: Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn giáo viên tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 cả hai biện pháp đều có điểm trung bình trung là 2,81; Thấp nhất là biện pháp số 5: Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin vào giáo dục và quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư có điểm trung bình trung là 2,67 điểm.

Áp dụng công thức tính hệ số tương quan thứ bậc Spearman, ta tính được hệ số tương quan thứ bậc giữa mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp đã xây dựng là: $R = 0,95$. Kết quả này cho thấy giữa mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp đã xây dựng có tính tương quan thuận và chặt chẽ với nhau. Nghĩa là giữa mức độ cần thiết và mức độ khả thi của các biện pháp có sự phù hợp cao.

3.5. Thử nghiệm sư phạm

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Mục đích thử nghiệm nhằm kiểm chứng tính khả thi, hiệu quả của 2 biện pháp trong việc nâng cao kiến thức, kỹ năng của cán bộ, giáo viên về công tác giáo dục pháp luật và nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3.5.2. Giới hạn thử nghiệm

a) Giới hạn về nội dung:

Luận án lựa chọn thử nghiệm biện pháp “Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư” và chủ yếu tập trung tập huấn nội dung mới về Luật an ninh mạng cho GV, cán bộ Đoàn: Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; Xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng; Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và cách thức tổ chức hoạt động GD Luật an ninh mạng cho học sinh THPT.

b) Giới hạn về thời gian thực nghiệm

Thử nghiệm biện pháp được triển khai trong 01 học kỳ (học kỳ 2 năm học 2018 - 2019).

c) Giới hạn về địa điểm thực nghiệm

Thử nghiệm được tiến hành tại 3 trường THPT được chọn ngẫu nhiên từ 20 trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã tham gia khảo sát, bao gồm: Trường THPT Hàn Thuyên, Trường THPT Chuyên Bắc Ninh; Trường THPT Hàm Long.

d) Giới hạn về đối tượng thử nghiệm: Tại mỗi trường, chúng tôi lựa chọn ngẫu nhiên 9 GVCN lớp và 03 GV dạy môn Kinh tế & pháp luật và 02 cán bộ Đoàn Thanh niên tổng cộng là 14 người.

3.5.3. Tiến trình thực nghiệm

Bước 1: Lập kế hoạch thử nghiệm, đánh giá kết quả đầu vào

Xây dựng chương trình và kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, chuẩn bị các điều kiện về giảng viên, tài liệu, kinh phí, trang thiết bị phục vụ cho khóa bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giáo dục pháp luật về Luật an ninh mạng cho cán bộ quản lý, giáo viên ở 03 lớp thử nghiệm. Đánh giá kết quả đầu vào của thử nghiệm.

Bước 2: Tổ chức thử nghiệm

Tổ chức thực hiện, chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giáo dục về Luật An ninh mạng cho cán bộ, giáo viên: Tự nghiên cứu tài liệu 04 buổi; Mời Công an giảng trực tiếp 02 buổi; Tổ chức sinh hoạt chuyên đề 02 buổi; tổ chức thiết kế giáo án và kịch bản HĐTN theo chủ đề trải nghiệm 02 buổi.

Bước 3: Đánh giá kết quả thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm được phân tích dựa trên hai kết quả sau:

(1) Kết quả tiếp thu kiến thức về pháp luật của giáo viên và cán bộ Đoàn được đánh giá thông qua bài kiểm tra kiến thức pháp luật.

(2) Kết quả thiết kế kế hoạch giáo dục pháp luật của cán bộ, giáo viên sau khi được tập huấn, bồi dưỡng theo hình thức đánh giá kết quả thiết kế giáo án dạy tích hợp giáo dục pháp luật và kịch bản HĐTN theo chủ đề GDPL.

3.5.4. Tiêu chí đánh giá và thang đo trong thực nghiệm

Kết quả thử nghiệm sẽ được đánh giá trên đối tượng: Giáo viên, cán bộ Đoàn.

Bài kiểm tra kiến thức về Luật An ninh mạng được đánh giá theo thang điểm 10; được chia theo các mức yếu là dưới 5 đ; mức trung bình là từ 5 đến 6,9 điểm; mức khá từ 7 đến cận 8 điểm; mức tốt từ 8 đến 9 điểm;

Về Giáo án thiết kế dạy học tích hợp GDPL và kịch bản HĐTN theo chủ đề GDPL được đánh giá theo tiêu chí sau đây:

Mức yếu dưới 5 điểm: Bản thiết kế chưa thể hiện rõ nội dung hoạt động, tiến trình hoạt động; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động GDPL.

Mức trung bình từ 5 đến 6,9 điểm: Bản thiết kế thể hiện rõ mục tiêu, nội dung hoạt động, tiến trình hoạt động; tuy nhiên phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động chưa thể hiện phát huy tính tích cực của người học; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động GDPL chưa được thể hiện rõ.

Mức khá điểm từ 7 đến cận 8 điểm: Bản thiết kế thể hiện rõ mục tiêu, nội dung hoạt động, tiến trình hoạt động; phương pháp và hình thức tổ chức

hoạt động thể hiện tính linh hoạt phát huy tính tích cực của người học; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động GDPL chưa được thể hiện rõ.

Mức tốt điểm từ 8 đến 10 điểm: Bản thiết kế thể hiện rõ mục tiêu, nội dung hoạt động, tiến trình hoạt động; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động thể hiện tính linh hoạt phát huy tính tích cực của người học; tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động GDPL được thể hiện rõ và có tính phản hồi trong quá trình tổ chức hoạt động.

3.5.5. Kết quả thử nghiệm

3.5.5.1. Kết quả thử nghiệm trên đối tượng giáo viên

Bảng 3.3a. Kết quả đánh giá kiến thức hiểu biết về pháp luật của giáo viên, cán bộ Đoàn trước thực nghiệm

Trường THPT	Điểm kiến thức hiểu biết về Luật An ninh mạng							TB
	4	5	6	7	8	9	10	
Trường THPT Chuyên Bắc Ninh	5	3	4	2	0	0	0	5.21
Trường THPT Hàn Thuyên	4	5	3	2	0	0	0	5.21
Trường THPT Hàm Long	5	3	4	2	0	0	0	5.21

Bảng 3.3b. Kết quả đánh giá năng lực thiết kế bài học và kịch bản HĐTN theo chủ đề GDPL của giáo viên, cán bộ Đoàn trước thực nghiệm

Trường THPT	Điểm thiết kế bài học, HĐTN theo chủ đề GDPL							TB
	4	5	6	7	8	9	10	
Trường THPT Chuyên Bắc Ninh	3	5	4	2	0	0	0	5.36
Trường THPT Hàn Thuyên	3	5	4	2	0	0	0	5.36
Trường THPT Hàm Long	3	5	4	2	0	0	0	5.36
Điểm trung bình của 3 trường								5,36

So sánh kết quả khảo sát trước khi thử nghiệm về năng lực thiết kế bài học theo hướng tích hợp GDPL và kịch bản tổ chức HĐTN theo chủ đề GDPL cho học sinh THPT cho thấy kết quả đánh giá chung chỉ đạt ở mức trung bình, còn nhiều giáo án chưa đạt yêu cầu.

Tiến hành thử nghiệm:

i) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho 42 giáo viên và cán bộ Đoàn về kiến thức Luật An ninh Mạng:

Các bước tiến hành triển khai: Xác định mục tiêu, nội dung bồi dưỡng; Biên soạn tài liệu bồi dưỡng trực tuyến, trực tiếp; Lựa chọn báo cáo viên và hình thức bồi dưỡng; xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả bồi dưỡng theo hình thức đánh giá bài kiểm tra kiến thức về Luật An ninh mạng. Tổ chức tự bồi dưỡng qua mạng 04 buổi; bồi dưỡng trực tiếp 02 buổi sau đó đánh giá kiến thức pháp luật của CB, GV.

ii) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiệp vụ giảng dạy, giáo dục cho giáo viên và cán bộ Đoàn về GDPL với các hình thức bồi dưỡng: Tổ chức sinh hoạt chuyên đề, tổ chức nghiên cứu bài học và tư vấn hỗ trợ đồng nghiệp của giáo viên chủ chốt trong hoàn thiện năng lực thiết kế, tổ chức bài học tích hợp GDPL, HĐTN theo chủ đề GDPL, sản phẩm đánh giá là giáo án, kịch bản HĐTN do giáo viên, cán bộ Đoàn thiết kế.

Bảng 3.4a. Kết quả khảo sát năng lực hiểu biết kiến thức về Luật An ninh mạng của giáo viên, cán bộ Đoàn

Trường THPT	Điểm hiểu biết về Luật						TB
	5	6	7	8	9	10	
Trường THPT Chuyên Bắc Ninh	3	4	3	3	1	0	6.64
Trường THPT Hàn Thuyên	3	6	3	1	1	0	6.36
Trường THPT Hàm Long	3	5	3	2	1	0	6.50
Điểm trung bình của 3 trường							6,50

Nhận xét: Phân tích kết quả thử nghiệm cho thấy điểm trung bình trung đạt 6.50 thuộc mức trung bình khá, cao hơn kết quả trước thực nghiệm đạt mức trung bình là 5.21.

Kiểm định T - Test cho kết quả như sau:

Bảng 3.4b. Kiểm định T -Test kết quả năng lực hiểu biết về Luật của GV, cán bộ Đoàn trước và sau thực nghiệm

STT	Điểm							N	$\bar{X}$	SD	P
	4	5	6	7	8	9	10				
Trước thử nghiệm	19	15	13	9	0	0	0	56	5.21	1.09	0.00
Sau thử nghiệm		12	17	17	7	3	0	56	6.50	1.13	

Sau thử nghiệm, năng lực hiểu biết về Luật an ninh mạng của GV, cán bộ Đoàn được được tăng lên và sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê ($P=0,00 < P=0,05$).

Sự khác biệt này được thể hiện ở tất cả các nội dung: Hiểu biết của GV, cán bộ Đoàn về Luật An ninh mạng bao gồm một số khái niệm cơ bản; Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng; Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng; Xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng; Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và cách thức tổ chức hoạt động GD Luật an ninh mạng cho học sinh THPT.

iii) Kết quả thử nghiệm

Kết quả thử nghiệm bồi dưỡng năng lực thiết kế bài học tích hợp GDPL và thiết kế tổ chức HĐTN theo chủ đề GDPL cho 42 giáo viên, cán bộ Đoàn của 3 trường THPT của tỉnh Bắc Ninh được lựa chọn làm đối tượng thực nghiệm, kết quả thu được ở bảng 3.5.

Bảng 3.5a. Kết quả khảo sát năng lực thiết kế bài học, HĐTN

Trường THPT	Điểm thiết kế bài học theo hướng dạy học phân hóa						TB
	5	6	7	8	9	10	
Trường THPT Chuyên Bắc Ninh	0	3	5	3	3	0	7.43
Trường THPT Hàn Thuyên	0	3	6	3	2	0	7.29
Trường THPT Hàm Long	0	4	4	4	1	1	7.36
Tổng cộng trung bình của ba trường							7,36

Từ kết quả thống kê ở bảng 3.5a cho thấy điểm trung bình của kết quả thử nghiệm sau lần 2 là 7.36 cao hơn kết quả trước thử nghiệm là 5.36. Kiểm định T - Test cho kết quả như sau:

Bảng 3.5b. Kiểm định T - Test kết quả năng lực thiết kế bài học tích hợp và thiết kế HĐTN theo chủ đề GDPL trước và sau thực nghiệm

STT	Điểm							N	$\bar{X}$	SD	P
	4	5	6	7	8	9	10				
Trước thử nghiệm	13	19	15	9	0	0	0	56	5.36	1.01	0.00
Sau thử nghiệm		0	16	15	15	9	1	56	7.36	1.11	

Sau thử nghiệm, năng lực thiết kế bài học tích hợp GDPL và kịch bản hoạt động theo chủ đề GDPL được tăng lên và sự khác nhau này có ý nghĩa thống kê ($P=0,00 < P=0,05$).

Sự khác biệt này được thể hiện ở tất cả các nội dung: Xác định mục tiêu dạy học, mục tiêu của HĐTN theo chủ đề GDPL với các cấp độ: Biết; Hiểu và vận dụng; Phân tích, tổng hợp; Đánh giá; Thiết kế nội dung và nhiệm vụ hoạt động dạy học và hoạt động trải nghiệm của học sinh theo chủ đề GDPL, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN theo chủ đề GDPL; Thiết kế công cụ đánh giá năng lực đạt được của học sinh.

Kết luận chương 3

Căn cứ vào lý luận ở chương 1 và thực tiễn về GDPL và QL GDPL ở các trường THPT của tỉnh Bắc Ninh ở chương 2, tác giả đã xây dựng và đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư:

(1) Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư

(2) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông

(3) Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(4) Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT

(5) Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT;

(6) Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(7) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Các biện pháp đề xuất kể trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, nó phụ thuộc vào nhau, hỗ trợ nhau cùng thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong quá trình quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp kể trên, không được tuyệt đối hóa một biện pháp nào hoặc xem nhẹ biện pháp nào?

Tác giả đã tiến hành khảo nghiệm các biện pháp đề xuất thông qua xin ý kiến chuyên gia, kết quả khảo nghiệm xin ý kiến các chuyên gia đã đánh giá

cao mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tác giả cũng đã tiến hành thử nghiệm 01 biện pháp: Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Kết quả cho thấy các biện pháp quản lý GDPL đã đề xuất có thể nâng cao hiệu quả quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

i) Giáo dục pháp luật cho HS THPT là quá trình tác động có tổ chức, có mục đích của các nhà giáo dục đến với HS nhằm giúp họ tự giáo dục để có những kiến thức về pháp luật, có thái độ và hành vi, thói quen ứng xử phù hợp với hiến pháp và pháp luật. Giáo dục pháp luật cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư được thực hiện dựa trên đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh, mục tiêu, nội dung giáo dục phải phù hợp với sự tiến bộ của khoa học công nghệ, phương pháp giáo dục phải linh hoạt, hình thức phải đa dạng, hấp dẫn với tuổi trẻ, có thể được tiến hành trực tiếp hoặc trực tuyến;

Quản lý giáo dục pháp luật cho HS THPT là quá trình Hiệu trưởng tiến hành đồng bộ các chức năng quản lý nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu hình thành kiến thức, thái độ, tình cảm, động cơ nhu cầu và thói quen, hành vi chấp hành pháp luật cho học sinh THPT. Quá trình quản lý GDPL chịu sự ảnh hưởng của các nhân tố chủ quan và khách quan.

ii) Hoạt động GDPL cho học sinh THPT trong các trường THPT tỉnh Bắc Ninh đã được triển khai bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định; mục tiêu GDPL đã được triển khai và thực hiện, tuy nhiên mục tiêu hình thành kỹ năng thói quen chấp hành pháp luật còn hạn chế. Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có nhiều nội dung thực hiện được đánh giá ở mức khá và thực hiện thường xuyên, chưa có nội dung, PP và HTTC nào được đánh giá thực hiện ở mức tốt, còn một số nội dung thực hiện được đánh giá ở mức trung bình, đặc biệt là những nội dung liên quan đến Luật an ninh mạng, văn hóa mạng; ứng dụng công nghệ thông tin trong GDPL chỉ được đánh giá ở mức thấp nhất. Nhà trường gặp một số khó khăn trong GDPL cho học sinh như năng lực giáo viên; sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa tốt; cơ sở vật chất phục vụ GDPL còn hạn chế.

Quản lý hoạt động GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên còn hạn chế ở các khâu: Lập kế hoạch chưa cụ thể tới từng nội dung, hình thức tổ chức và điều kiện thực hiện, kế hoạch GDPL chưa thể hiện rõ sự phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh. Nội dung tổ chức, chỉ đạo thực hiện còn nhiều hạn chế ở các nội dung như hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung gắn với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sử dụng giáo dục trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục pháp luật; Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL phù hợp với tình hình mới; Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh; Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning. Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh chỉ dừng ở mức trung bình, chưa chỉ rõ những điểm mạnh và những điểm hạn chế ở từng khâu trong quá trình quản lý để cải tiến nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở các trường THPT.

iii) Luận án đã đề xuất biện pháp quản lý GDPL cho học sinh THPT tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư gồm:

(1) Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(2) Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông.

(3) Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(4) Xây dựng hệ thống tài liệu, học liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT.

(5) Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT.

(6) Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

(7) Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Các biện pháp đề xuất kể trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, nó phụ thuộc vào nhau, hỗ trợ nhau cùng thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng GDPL cho học sinh ở trường THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong quá trình quản lý GDPL cho học sinh ở các trường THPT tỉnh Bắc Ninh cần thực hiện một cách đồng bộ các biện pháp kể trên, không được tuyệt đối hóa một biện pháp nào hoặc xem nhẹ biện pháp nào.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Ban hành hệ thống văn bản hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật để các nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục pháp luật từ đầu năm học.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác GDPL cho học sinh các trường THPT, xây dựng và vận dụng cơ chế điều hành, quản lý giữa các lực lượng để huy động cộng đồng tham gia GDPL có hiệu quả; Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác phối hợp với các lực lượng xã hội trong công tác GDPL cho HS các trường THPT; Tăng cường chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Ninh nên định kỳ tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho giáo viên và cán bộ quản lý thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho HS ở các trường THPT theo hai hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cho các trường THPT; khuyến khích các trường kết nối trong thực hiện hoạt động GDPL trực tiếp và trực tuyến.

- Thực hiện định kỳ kiểm tra đánh giá hoạt động GDPL cho HS các trường THPT. Qua đó bổ sung, điều chỉnh chế độ, chính sách, cơ chế về hoạt động GDPL để hoạt động mang tính bền vững và phát huy hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, đáp ứng với yêu cầu của xã hội; đồng thời tổ chức tuyên dương khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác GDPL cho học sinh ở các trường THPT.

2.2. Đối với các trường trung học phổ thông

- Các trường THPT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho giáo viên, cán bộ quản lý và các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường.

- Quan tâm, chỉ đạo tốt công tác xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục pháp luật; đầu tư nguồn nhân lực và vật lực cho công tác xây dựng kế hoạch quản lý giáo dục pháp luật của nhà trường ở từng năm học, từng kỳ học, hàng tháng, hàng tuần. Tăng cường các điều kiện quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh, chỉ đạo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào đổi mới hoạt động GDPL cho HS ở các trường THPT.

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh THPT theo hướng tích hợp, lồng ghép các hoạt động dạy học chính khóa và HĐTN. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bên ngoài nhà trường trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh (đặc biệt là các cơ quan chức năng thực thi pháp luật). Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh tham gia các giáo dục chính trị, xã hội, văn hóa, thể thao, các hoạt động thực tiễn trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh, tạo ra sân chơi bổ ích, đa dạng, phong phú và phù hợp với học sinh nhằm thu hút và tập hợp đông đảo học sinh tham gia, lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật vào các hoạt động đó, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức pháp luật của học sinh.

- Nắm bắt kịp thời tư tưởng, thái độ, nhu cầu của học sinh để có biện pháp giáo dục thích hợp, ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến tập thể học sinh, uy tín của nhà trường.

- Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm công tác giáo dục pháp luật cho học sinh. Coi việc giáo dục pháp luật cho học sinh là một nội dung đánh giá đối với cán bộ quản lý, giáo viên và có chế độ thỏa đáng nhằm khuyến khích mọi lực lượng tham gia GDPL cho HS.

- Thường xuyên giữ mối liên hệ và phối hợp với gia đình, địa phương trong việc quản lý học sinh, kịp thời ngăn chặn những hành vi và biểu hiện vi phạm pháp luật của HS.

2.3. Đối với giáo viên, cán bộ đoàn thanh niên

- Xác định được vai trò, nhiệm vụ của bản thân trong công tác GDPL cho HS, tự đánh giá về mức độ kiến thức, kỹ năng hiện tại trong thực hiện GDPL, không ngừng phấn đấu nâng cao kiến thức, kỹ năng thực hiện công tác GDPL để đáp ứng yêu cầu công tác GDPL cho HS THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Căn cứ nội dung của Kế hoạch hoạt động hàng năm của nhà trường, giáo viên, cán bộ đoàn thanh niên cần chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, thường xuyên bám sát nội dung, thay đổi hình thức các hoạt động, đa dạng hóa các loại hình hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và phát huy vai trò chủ thể của học sinh.

- Tiến hành kiểm tra, sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện công tác giáo dục pháp luật hàng quý; định kỳ báo cáo kết quả với nhà trường và có những đề xuất cải tiến chất lượng công tác GDPL cho HS.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Nhân Chinh (2020), “Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí Quản lý giáo dục*, tr.174-180.
2. Nguyễn Nhân Chinh (2020), “Giáo dục pháp luật cho học sinh THPT trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Thiết bị giáo dục* (đặc biệt), tr.289-291.
3. Nguyễn Nhân Chinh (2020), “Thực trạng giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, *Thiết bị giáo dục*, tr.155-157.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Aphanaxép. A.P. (1997), *Con người trong hệ thống quản lý xã hội*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
2. Lê Thị Tuyết Ba (2011), “Vai trò của pháp luật đối với việc hình thành và phát triển ý thức đạo đức ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số tháng 5/2011.
3. Ban Bí thư (2003), *Chỉ thị số 32/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
4. Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2010), *Văn hoá với thanh niên - Thanh niên với văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Thành Vinh (2011), *Quản lý nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Huy Bằng (chủ biên) (2009), *Công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
7. Bộ Văn hóa Thông tin và Truyền thông, *Quyết định số 784, Quyết định về việc Ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, năm 2021*.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003), *Chỉ thị số 45/2007/CT-BGD&ĐT về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2019), *Hướng dẫn thực hiện chương trình môn Giáo dục công dân*, Tài liệu tập huấn bồi dưỡng giáo viên
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Cẩm nang công tác phổ biến giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Thông tư liên tịch số 30/2010/TTLT-BGD&ĐT-BTP hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Hà Nội.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Quyết định số 366/QĐ-BGD&ĐT về chương trình phổ biến giáo dục pháp luật ngoại khóa cho học sinh, sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2013 - 2016*, Hà Nội.

13. Bộ Giáo dục - Đào tạo, *Thông tư số 32/2018/TT-BGD Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
14. Bộ Giáo dục - Đào tạo (2013), *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường giai đoạn 2010 - 2012*, Hà Nội.
15. Bộ Tư pháp (2013), *Tài liệu Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện chương trình phổ, giáo dục pháp luật của Chính phủ từ năm 2008 - 2012*, Hà Nội.
16. Doãn Thị Chín, Lê Thị Thảo (2017), *Giáo dục lối sống cho sinh viên Việt Nam, Học viện Báo chí và Tuyên truyền*, Hà Nội.
17. Chính phủ (2003), *Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân*.
18. Phạm Kim Dung (2006), “Giáo dục pháp luật trong nhà trường - Những vấn đề đặt ra hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, tr.71-75.
19. Nguyễn Sỹ Dũng (2010), “Việc tổ chức thực hiện pháp luật trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số tháng 10/2010.
20. Phan Hồng Dương (2014), *Giáo dục pháp luật cho sinh viên các trường đại học không chuyên luật ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
21. Thành Duy (1995), "Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức, đạo đức và lợi ích công dân", *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, Viện Nhà nước và pháp luật, số 3/1995.
22. Hoàng Thanh Đạm (1996), *Tinh thần pháp luật*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW4 của Ban chấp hành TW lần thứ 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 33 - NQ/TW 09/6/2014 của Ban chấp hành TW lần thứ 9 khóa XI về và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
28. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học của quản lý*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
29. Nguyễn Minh Đoan (2010), *Giáo trình lý luận về nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
30. Nguyễn Minh Đoan, *Thực hiện pháp luật và áp dụng pháp luật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Nguyễn Văn Động (2008), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
32. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về Giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Trần Huy Đức (2016), *Quản lý phối hợp nhà trường với gia đình trong giáo dục đạo đức pháp luật cho học sinh trung học cơ sở thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, [Luận án TS Giáo dục học].
34. Cao Thị Hà (2003), *Giáo dục pháp luật cho chính quyền cấp xã tỉnh Quảng Trị*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
35. Phạm Minh Hạc (2001), *Về phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
36. Đỗ Thị Thu Hằng (2016), “Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động tham gia giáo dục pháp luật của trường Đại học không chuyên Luật”, *Tạp chí Quản lý Giáo dục*, số 10, tháng 10/2016 tr 16-23.

37. Đỗ Thị Thu Hằng (2017), *Quản lý hoạt động tham gia giáo dục pháp luật cho sinh viên không chuyên luật trong các trường đại học*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Hà Nội.
38. Harold Koontz, Cyril Odnneill, Heniz Weihrich (1999), *Những vấn đề cốt yếu của quản lý*, Nxb Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.
39. Hồ Hữu Hiệp (2000), “Xã hội hoá công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong tình hình mới”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*.
40. Nguyễn Huy Hiệu (2003), “Đẩy mạnh hơn nữa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các lực lượng vũ trang”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, Hà Nội.
41. Ngô Quỳnh Hoa (2017), “Phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - Bộ Tư pháp*, số tháng 5/2017.
42. Đặng Ngọc Hoàng (2000), *Thực trạng và phương pháp đổi mới giáo dục pháp luật trung học chính trị ở nước ta hiện nay*, Luận văn thạc sỹ luật học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
43. Học viện chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2009), *Giáo trình lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1991), *Báo cáo tổng luận kết quả nghiên cứu đề tài cấp Bộ 1997 - 1999: Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*, Hà Nội.
45. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong các trường chính trị ở nước ta*, đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.
46. Dương Thị Diệu Hoa (chủ biên) (2010), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
47. Học viện Hành chính Quốc gia (2007), *Giáo trình môn học pháp luật*, Hà Nội.

48. Học viên Hành chính Quốc gia (2007), *Giáo trình môn lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
49. Bùi Văn Huệ, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Hồng (2004), *Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
50. Nguyễn Khắc Hùng (2009), *Các biện pháp tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh trường trung học phổ thông* (tại thành phố Hồ Chí Minh), luận án tiến sĩ giáo dục học, Hà Nội.
51. Đoàn Thị Thanh Hương (2008), *Giáo dục pháp luật trong các trường chính trị tỉnh ở miền Tây Nam Bộ*, Luận án tiến sĩ giáo dục pháp luật, Hà Nội.
52. Khoa Luật - Trường Đại học New York, Alan B. Morrison (chủ biên), *Những vấn đề cơ bản của pháp luật Mỹ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007.
53. Mai Hữu Khuê (1993), *Tâm lý học trong quản lý Nhà nước*, Nxb Lao động, Hà Nội.
54. Trần Kiểm, Nguyễn Xuân Thúc (2012), *Giáo trình khoa học quản lý và quản lý giáo dục đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
55. Trần Kiểm (2014), *Những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
56. Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật và giáo dục ý thức pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Châu Tiến Lộc (2016), *Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật - từ thực tiễn*, TTĐT Thành đoàn TP. Hồ Chí Minh, số tháng 11/2016.
58. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Nguyễn Quốc Chí (2010), *Khoa học quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
59. Nguyễn Đăng Đình Lục (1999), *Giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
60. Nguyễn Đình Đăng Lục (1990), *Giáo dục pháp luật và quá trình hình thành nhân cách*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.

61. M.I.Kônđakóp (1983), *Cơ sở lý luận của khoa học quản lý giáo dục*, Trường Quản lý cán bộ Giáo dục Trung ương, Hà Nội.
62. Hồ Chí Minh (1972), *Bàn về giáo dục*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
63. Nguyễn Ngọc Minh (1983), “Giáo dục pháp luật cho nhân dân”, *Tạp chí Cộng sản*, số 10/1983.
64. Monteskiơ, *Tinh thần pháp luật*, bản dịch của Hoàng Thanh Đạm, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
65. Trần Ngọc Đường, Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
66. Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên) (2005), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2005.
67. Hoàng Thị Kim Quế (2007), "Bàn về vi phạm pháp luật và vi phạm đạo đức", *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 4/2007.
68. Hoàng Thị Kim Quế (2013), “Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền và những vấn đề đặt ra đối với Việt nam hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, số 3/2013.
69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2000), *Hiến pháp 1992 (sửa đổi)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2014); *Luật số: 24/2018/QH14, Luật An ninh mạng*.
71. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
72. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
73. Nguyễn Đức Sơn (2014), *Tâm lý học học sinh trung học phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
74. Nguyễn Quốc Sửu (2010), *Giáo dục pháp luật cho cán bộ công chức hành chính trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học.

75. Lê Minh Tâm - Nguyễn Đình Đoan (2014), *Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
76. Lê Minh Tâm (1998), “Vấn đề văn hóa pháp luật ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí luật học*.
77. Lê Minh Tâm (chủ biên) (2003), *Giáo trình lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
78. Thái Vĩnh Thắng (biên soạn), *Từ điển thuật ngữ lý luận nhà nước và pháp luật*, Sđd, tr.204.
79. Thành đoàn Hà Nội (2016), *Kế hoạch tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho Thanh thiếu niên Thủ đô năm 2016*, Kế hoạch 175KH/TĐTN ngày 29/2/2016.
80. Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Thị Phong Lan (2013), “Những thành tựu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam từ khi đổi mới đến nay”, *Tạp chí Cộng sản*, số tháng 5/2013.
81. Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (không chuyên luật) ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.
82. Tống Đức Thảo (2006), *Giáo dục pháp luật góp phần nâng cao ý thức và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật*, Lý luận chính trị, số 10/2006, tr.26-32.
83. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 02 về Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.
84. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 đến năm 2002 và thành lập Hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật*.
85. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 37/2008 TT ngày 12/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012*.
86. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Phê duyệt đề án “Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường”*.

87. Nguyễn Thu Thủy(2006), “Chất lượng giáo dục pháp luật và các tiêu chí đánh giá”, *Tạp chí Luật học*, số 5(72), tr61-66.
88. Vũ thị Thu Thủy (2018), *Quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Viện KHGD Việt Nam.
89. Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Thanh Huyền (2013), *Giáo dục học*, Nxb Giáo dục.
90. *Từ điển tiếng Việt* (1994), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
91. Lê Minh Tuấn (2015), “Nhận thức một số vấn đề cơ bản trong quản lý dạy học môn pháp luật ở các trường trung cấp Công an nhân dân”, *Tạp chí Giáo dục và xã hội*, số 4/2015, tr.170.
92. Lê Minh Tuấn (2017), “Nghiên cứu về dạy học môn pháp luật và quản lý dạy học môn pháp luật”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, số 11/2017, tr.117.
93. Ngô Văn Trù(2015), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ.
94. Phùng Văn Tửu (1985), “Giáo dục ý thức pháp luật để tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và xây dựng con đường mới”, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 4/1985.
95. Đào Trí Úc (1995), *Xây dựng ý thức và lối sống theo pháp luật, chương trình khoa học cấp nhà nước KX07*, đề tài KX - 07 - 17, Hà Nội.
96. V.Đ.Perevalop (2005), *Lý luận nhà nước và pháp luật*, Nxb Norma Matxcova, tr.115.
97. Vũ Thị Hồng Vân (2010), *Phương pháp giảng dạy pháp luật trong các trường không chuyên luật*, Hà Nội.
98. Viện Khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (1998), *Nghệ vụ phổ biến giáo dục pháp luật*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
99. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý (1995), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vấn đề phổ biến giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

100. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Giải pháp nâng cao chất lượng công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong ngành giáo dục*, Đề tài Khoa học công nghệ cấp Bộ, Hà Nội
101. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý (2000), *Giáo dục pháp luật trong các trường không chuyên về luật*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
102. Viện Nghiên cứu phát triển giáo dục (1995), *Thực trạng phạm tội của học sinh, sinh viên Việt Nam trong mấy năm gần đây và vấn đề giáo dục pháp luật trong nhà trường*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
103. Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp) (2003), *Kỷ yếu hội thảo phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh niên, công nhân trong tình hình mới*, Hà Nội.
104. Vụ Phổ biến pháp luật, Bộ tư pháp (1997), *Một số vấn đề về Giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*. Nxb Thanh Niên, Hà Nội.
105. Phạm Việt Vượng, Nguyễn Xuân Thúc (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
106. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1998), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.

Tài liệu tiếng Anh

107. Arstein, SR (1969), Arstein, SR (1969), “A ladder of citizen participation”, *Journal of the American Institute of Planners*, Vol.35(4), pp.216 -224.
108. Com, J, (1996), Com, J, (1996), *Parent participation in the schools*, Phi Delta Kappan Magazine Press.
109. Com, J, (1996), Com, J, (1996), *Parent participation in the schools*, Phi Delta Kappan Magazine Press.
110. KanWei, *Citizenship Education in China and the UK: Key features and contemporary challenges*: Faculty of Education, Beijing Normal University, 100875.
111. Tangri, S và Moles, O (1987), *Parent and the Community*, In *Educator Handbook: A Research Perspective*, edited by V.Ricchardson Koehler. New York/London: Longman Press.

Tài liệu tiếng Nga:

112. KhaхановаХ.А(1993), СакисоваА.Ф.(1993), Чередниченко, *Нравственно - правовое воспитание школьников* - Ми.
113. В.Д. Перевалов, Теория и государства и права, Издательство Норма, Москва, 2005.
114. С.С. Алексеев, Теория права, Издательство Век, Москва, 1997.
115. V.К. Бабаев, Общая теория права, Новгород, 1993.

PHỤ LỤC 1

DÀNH CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN VÀ CÁN BỘ ĐOÀN

Để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh THPT của tỉnh Bắc Ninh, xin thầy(cô) vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách tích vào ô thích hợp nhất (cao nhất mức 4 thấp nhất 1 điểm)

Câu 1: Theo thầy(cô) ý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT có ý nghĩa như thế nào trong các ý nghĩa sau đây?

- a. Góp phần hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật trong học sinh
- b. Giúp học sinh thực hiện sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật
- c. Giúp học sinh nhận biết về quyền và nghĩa vụ của công dân
- d. Hình thành cho học sinh nền văn hóa pháp lý
- đ. Hình thành động cơ, mục đích, thói quen tuân thủ pháp luật cho học sinh
- e. Giúp học sinh nắm vững chủ trương đường lối chính sách, pháp luật của nhà nước
- f. Nâng cao nhận thức về pháp luật cho học sinh

Câu 2: Thầy (cô) đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ sau:

Mục tiêu	Mức độ đạt được			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1. Cung cấp nâng cao kiến thức pháp luật. Nhận thức giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết của các qui định pháp luật phù hợp với học sinh.				
2. Hình thành và nâng cao thái độ, tình cảm, tôn trọng pháp luật. Niềm tin vào pháp luật của học sinh.				
3. Xây dựng cho học sinh thói quen, xử sự và thực hiện các hành vi đúng pháp luật, theo pháp luật.				

Câu 3: Thầy (cô) đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ sau:

Nội dung GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Giáo dục các vấn đề về đạo đức, lối sống liên quan đến quyền, bổn phận của học sinh trong nhà trường, gia đình và xã hội				
2. Giáo dục cho học sinh THPT về Luật GD, Điều lệ trường trung học; Nội quy, quy chế của nhà trường; Luật nghĩa vụ quân sự,...				
3. Giáo dục cho học sinh THPT về các vấn đề: An toàn giao thông; Trách nhiệm của công dân với tài nguyên môi trường; Trách nhiệm của công dân với vấn đề xây dựng bảo vệ tổ quốc, lao động, việc làm...				
4. Giáo dục luật an ninh mạng, công dân toàn cầu, vấn đề tham gia mạng xã hội, văn hóa mạng và an toàn thông tin,... cho học sinh THPT				
5. Giáo dục về những hiểu biết về chính trị: Hiến pháp và bộ máy nhà nước, Công dân với chủ quyền quốc gia; Công dân với một số vấn đề toàn cầu; Công dân với việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc...				
6. Giáo dục về một số những hiểu biết ban đầu liên quan đến các Luật kinh doanh thương mại (Tiền tệ, Tiêu tiền thông minh, Kinh tế thị trường, Đạo đức kinh doanh, khởi nghiệp...)				

Câu 4: Thầy (cô) đánh giá mức độ thực hiện phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ nào sau đây?

Nhóm phương pháp GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Phương pháp thuyết phục (đàm thoại, tranh luận, nêu gương)				
2. Phương pháp tổ chức hoạt động (giao công việc, tạo dư luận XH, tạo tình huống GD, phiên tòa giả định...)				
3. Phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi (thi đua, khen thưởng, trách phạt)				
4. Các phương pháp khác				

Câu 5: Thầy (cô) đánh giá mức độ thực hiện hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ nào sau đây ?

Hình thức tổ chức GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Tích hợp, lồng ghép thông qua hoạt động dạy học các môn học				
2. Hoạt động trải nghiệm (sinh hoạt CLB pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...)				
3. Tổ chức hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể				
4. Thông qua hoạt động tự giáo dục pháp luật				
5. Giáo dục trực tuyến thông qua sử dụng mạng nội bộ nhà trường và mạng xã hội				

Câu 6: Thầy (cô) cho biết có những lực lượng nào sau đây tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh THPT?

- a. Nhà trường
- b. Gia đình
- c. Công an và cơ quan tư pháp
- d. Đoàn thanh niên và các lực lượng xã hội
- đ. Các lực lượng khác

Câu 7: Thầy (cô) thường gặp những luận lợi và khó khăn nào trong giáo dục pháp luật cho học sinh THPT?

.....

.....

.....

Câu 8: Thầy (cô) hãy đánh giá về mức độ biểu hiện của những hiện tượng thể hiện những hành vi vi phạm pháp luật của học sinh trong nhà trường.

Các biểu hiện của hành vi vi phạm pháp luật	Mức độ thể hiện			
	Rất nhiều	Nhiều	Ít	Chưa thể hiện
1.Vi phạm nội quy, quy chế trong học tập, kiểm tra, thi đánh giá kết quả học tập				
2.Chưa thực hiện đúng quyền, bổn phận của trẻ em trong nhà trường, gia đình và xã hội				
3.Vi phạm luật an ninh mạng, văn hóa mạng và an toàn thông tin				
4.Uống rượu bia, say rượu bia và các chất gây kích thích thần kinh khi đến lớp				
5.Nghiện hút ma túy, các chất gây nghiện				
6.Vi phạm các quy định về an toàn giao thông				
7.Vi phạm những hành vi không được làm của người học				
8.Vi phạm Luật bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh				

Câu 9: Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT, nhà trường đã lập kế hoạch như thế nào trong những nội dung sau đây?

Mức độ thể hiện nội dung của kế hoạch	Mức độ thực hiện			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1. Kế hoạch GDPL thể hiện rõ mục tiêu hình thành kiến thức, thái độ, hành vi, thói quen chấp hành PL cho học sinh				
2. Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật GD, Điều lệ nhà trường, nội quy học tập				
3. Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an toàn giao thông, môi trường, dân sự				
4. Nội dung kế hoạch GDPL gắn với Luật an ninh mạng, văn hóa mạng, Quy định về phòng chống dịch bệnh				
5. Kế hoạch thể hiện rõ các hình thức tổ chức thực hiện nội dung GDPL cho học sinh				
6. Kế hoạch thể hiện rõ các lực lượng tham gia thực hiện nội dung GDPL cho học sinh				
7. Kế hoạch thể hiện rõ dự kiến kết quả thực hiện nội dung GDPL cho học sinh cần đạt và điều kiện thực hiện kế hoạch				
8. Kế hoạch thể hiện rõ thời gian, địa điểm tổ chức thực hiện nội dung GDPL cho học sinh				
9. Những dự kiến điều chỉnh kế hoạch nếu có				

Câu 10: Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT, nhà trường đã thực hiện công tác tổ chức như thế nào trong những nội dung sau đây?

Nội dung của công tác tổ chức	Mức độ thực hiện			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1. Hiệu trưởng xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp, đáp ứng với yêu cầu của kế hoạch GDPL cho HS				
2. Xác định rõ trách nhiệm cho các bộ phận, cá nhân khi thực hiện kế hoạch GDPL cho HS				
3. Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để GDPL cho học sinh				
4. Tổ chức triển khai các nội dung GDPL về an ninh mạng, an toàn thông tin, văn hóa mạng, phòng chống thông tin xấu độc,..				
5. Tổ chức thực hiện GDPL thông qua dạy học và hoạt động trải nghiệm				
6. Tổ chức thực hiện GDPL thông qua hình thức trực tuyến, mạng nội bộ, mạng xã hội				
7. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực GDPL cho CBQL, GV				
8. Tổ chức huy động các nguồn lực để thực hiện GDPL cho học sinh THPT				
9. Hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn tổ chức GDPL ở trường THPT				
10. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh				

Câu 11: Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT, nhà trường đã thực hiện công tác chỉ đạo như thế nào trong những nội dung sau đây?

Nội dung chỉ đạo	Mức độ thực hiện			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản, tài liệu hướng dẫn thực hiện GDPL				
2. Chỉ đạo tổ chuyên môn hướng dẫn GV dạy GDPL thực hiện nội dung chương trình GDPL				
3. Chỉ đạo Đoàn TN phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chủ đề GDPL cho học sinh				
4. Chỉ đạo đổi mới PP và HTTC GDPL phát huy vai trò tự giáo dục của HS				
5. Chỉ đạo đảm bảo các điều kiện về cơ sở hạ tầng thông tin và CSVC, tài chính phục vụ GDPL cho HS				
6. Chỉ đạo GDPL cho học sinh theo hình thức trực tuyến, tạo môi trường GDPL qua Elearning				
7. Chỉ đạo phối hợp giữa nhà trường, gia đình và các lực lượng xã hội để GDPL cho học sinh				
8. Chỉ đạo ứng dụng công nghệ TT trong GDPL nhằm tăng cường tính thực tiễn qua tình huống mô phỏng cho học sinh				
9. Chỉ đạo thực hiện giám sát đánh giá kết quả GDPL cho học sinh				
10. Nội dung khác				

Câu 12: Để quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT, nhà trường đã thực hiện những biện pháp kiểm tra, đánh giá như thế nào trong những nội dung sau đây?

Nội dung kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1.Nhà trường xây dựng được hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá đầy đủ, toàn diện, chính xác, phù hợp với mục tiêu và nội dung của KH hoạt động GDPL cho HS.				
2. Nhà trường đã thành lập Ban/Tổ kiểm tra với đầy đủ thành phần tham gia kiểm tra				
3.Bộ phận thực hiện kiểm tra đã thực hiện đo đạc, đánh giá kết quả thực tế khi thu thập thông tin đầy đủ, toàn diện về các hoạt động GDPL cho HS				
4.Thông tin về các hoạt động GDPL cho HS được đánh giá khách quan, chính xác; Có thực hiện đo đạc đầu vào, các giai đoạn hoạt động và kết quả cuối cùng của mỗi hoạt động GDPL cho HS				
5.Kết quả đánh giá được sử dụng hiệu quả cho việc điều chỉnh và xây dựng KH hoạt động GDPL tiếp theo cho HS.				
6.Lãnh đạo nhà trường có quan tâm đến việc điều chỉnh các chỉ tiêu định mức,các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động GDPL cho HS THPT				

Câu 14: Theo thầy(cô) những yếu tố sau đây ảnh hưởng như thế nào tới quản lý hoạt động GDPL cho học sinh THPT và mức độ ảnh hưởng?

Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1.Nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ GV và các lực lượng tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh				
2.Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ CBQL				
3.Năng lực của đội ngũ cán bộ GV, cán bộ đoàn thanh niên				
4.Năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh THPT				
5.Cơ chế tổ chức, quản lý và chính sách GDPL cho học sinh của nhà trường THPT				
6.Chủ trương, chính sách, cơ chế quản lý của Đảng và Nhà nước, của ngành giáo dục đối với GDPL				
7.Môi trường giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường				
8.Cơ sở vật chất, tài chính phục vụ GDPL				
9.Mức độ tích cực tham gia GDPL của các lực lượng xã hội và gia đình học sinh				
10.Tác động của yếu tố kinh tế - xã hội trong giai đoạn hiện nay				

Xin trân trọng cảm ơn!

PHỤ LỤC 2

DÀNH CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học sinh THPT của tỉnh Bắc Ninh, xin em vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách tích vào ô thích hợp nhất(cao nhất mức 4 thấp nhất 1 điểm)

Câu 1: Theo em ý giáo dục pháp luật cho học sinh THPT có ý nghĩa như thế nào trong các ý nghĩa sau đây?

- a. Góp phần hạn chế những hành vi vi phạm pháp luật trong học sinh.
- b. Giúp học sinh thực hiện sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.
- c. Giúp học sinh nhận biết về quyền và nghĩa vụ của công dân.
- d. Hình thành cho học sinh nền văn hóa pháp lý.
- đ. Hình thành động cơ, mục đích, thói quen tuân thủ pháp luật cho học sinh.
- e. Giúp học sinh nắm vững chủ trương đường lối chính sách, pháp luật của nhà nước.
- f. Nâng cao nhận thức về pháp luật cho học sinh.

Câu 2: Em đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ sau:

Mục tiêu	Mức độ đạt được			
	Tốt	Khá	TB	Yếu
1.Cung cấp nâng cao kiến thức pháp luật. Nhận thức giá trị, ý nghĩa, sự cần thiết của các qui định pháp luật phù hợp với học sinh.				
2.Hình thành và nâng cao thái độ, tình cảm, tôn trọng pháp luật. Niềm tin vào pháp luật của học sinh.				
3.Xây dựng cho học sinh thói quen, xử sự và thực hiện các hành vi đúng pháp luật, theo pháp luật.				

Câu 3: Em đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ sau:

Nội dung GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Giáo dục các vấn đề về đạo đức, lối sống liên quan đến quyền, bổn phận của học sinh trong nhà trường, gia đình và xã hội				
2. Giáo dục cho học sinh THPT về Luật GD, Điều lệ trường trung học; Nội quy, quy chế của nhà trường; Luật nghĩa vụ quân sự,...				
3. Giáo dục cho học sinh THPT về các vấn đề: An toàn giao thông; Trách nhiệm của công dân với tài nguyên môi trường; Trách nhiệm của công dân với vấn đề xây dựng bảo vệ tổ quốc, lao động, việc làm...				
4. Giáo dục luật an ninh mạng, công dân toàn cầu, vấn đề tham gia mạng xã hội, văn hóa mạng và an toàn thông tin,... cho học sinh THPT				
5. Giáo dục về những hiểu biết về chính trị: Hiến pháp và bộ máy nhà nước, Công dân với chủ quyền quốc gia; Công dân với một số vấn đề toàn cầu; Công dân với việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc...				
6. Giáo dục về một số những hiểu biết ban đầu liên quan đến các Luật kinh doanh thương mại (Tiền tệ, Tiêu tiền thông minh, Kinh tế thị trường, Đạo đức kinh doanh, khởi nghiệp...)				

Câu 4: Em đánh giá mức độ thực hiện phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ nào sau đây?

Nhóm phương pháp GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Phương pháp thuyết phục (đàm thoại, tranh luận, nêu gương)				
2. Phương pháp tổ chức hoạt động (giao công việc, tạo dư luận XH, tạo tình huống GD, phiên tòa giả định...)				
3. Phương pháp kích thích và điều chỉnh hành vi (thi đua, khen thưởng, trách phạt)				
4 Các phương pháp khác				

Câu 5: Em đánh giá mức độ thực hiện hình thức tổ chức giáo dục pháp luật cho học sinh của nhà trường THPT theo các mức độ nào sau đây ?

Hình thức tổ chức GDPL	Mức độ thực hiện			
	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa thực hiện
1. Tích hợp, lồng ghép thông qua hoạt động dạy học các môn học				
2. Hoạt động trải nghiệm (sinh hoạt CLB pháp luật, các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, tư vấn pháp luật...)				
3. Tổ chức hoạt động xã hội và sinh hoạt tập thể				
4. Thông qua hoạt động tự giáo dục pháp luật				
5. Giáo dục trực tuyến thông qua sử dụng mạng nội bộ nhà trường và mạng xã hội				

Câu 6: Em cho biết có những lực lượng nào sau đây tham gia giáo dục pháp luật cho học sinh THPT?

- a. Nhà trường
- b. Gia đình
- c. Công an và cơ quan tư pháp
- d. Đoàn thanh niên và các lực lượng xã hội
- đ. Các lực lượng khác

Câu 7: Em hãy đánh giá về mức độ biểu hiện của những hiện tượng thể hiện những hành vi vi phạm pháp luật của học sinh trong nhà trường.

Các biểu hiện của hành vi vi phạm pháp luật	Mức độ thể hiện			
	Rất nhiều	Nhiều	ít	Chưa thể hiện
1.Vi phạm nội quy, quy chế trong học tập, kiểm tra, thi đánh giá kết quả học tập				
2.Chưa thực hiện đúng quyền, bổn phận của trẻ em trong nhà trường, gia đình và xã hội				
3.Vi phạm luật an ninh mạng, văn hóa mạng và an toàn thông tin				
4.Uống rượu bia, say rượu bia và các chất gây kích thích thần kinh khi đến lớp				
5.Nghiện hút ma túy, các chất gây nghiện				
6.Vi phạm các quy định về an toàn giao thông				
7.Vi phạm những hành vi không được làm của người học				
8.Vi phạm Luật bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh				

Chân thành cảm ơn em!

PHỤ LỤC 3

BẢNG HỎI PHÒNG VẤN CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN

Câu 1: Thầy (cô) cho biết về mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục pháp luật của nhà trường như thế nào? Mục tiêu nào được thực hiện tốt? Mục tiêu nào thực hiện chưa tốt?

Câu 2: Thầy cô cho biết thầy (cô) và nhà trường đã thực hiện nội dung GDPL cho học sinh như thế nào? Nội dung nào đã thực hiện tốt và nội dung nào chưa thực hiện tốt?

Câu 3: Thầy cô cho biết thầy (cô) và nhà trường đã thực hiện phương pháp và hình thức tổ chức GDPL cho học sinh như thế nào? Thầy cô hãy đánh giá về mức độ thực hiện phương pháp, hình thức tổ chức GDPL hiện nay của giáo viên và nhà trường?

Câu 4: Thầy (cô) và nhà trường gặp những thuận lợi và khó khăn nào trong công tác giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT?

Câu 5: Thầy (cô) hãy đánh giá về công tác lập kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT nơi thầy cô quản lý hoặc công tác?

Câu 6: Thầy (cô) hãy đánh giá về công tác tổ chức thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT nơi thầy cô quản lý hoặc công tác?

Câu 7: Thầy (cô) hãy đánh giá về công tác chỉ đạo thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT nơi thầy cô quản lý hoặc công tác?

Câu 8: Thầy (cô) hãy đánh giá về công tác kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch GDPL cho học sinh ở trường THPT nơi thầy cô quản lý hoặc công tác?

Câu 9: Quản lý giáo dục pháp luật ở trường thầy(cô) thường chịu ảnh hưởng của những yếu tố nào? Yếu tố nào ảnh hưởng có tính chất quyết định?

Trân trọng cảm ơn thầy(cô)!

PHỤ LỤC 4

Câu 1: Xin thầy (cô) cho biết ý kiến của mình về mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT sau đây bằng cách tích vào ô thích hợp ?

Mức độ cần thiết của các biện pháp

TT	Biện pháp	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết
1	Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
2	Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông			
3	Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
4	Xây dựng hệ thống học liệu, tài liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT			
5	Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT			
6	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
7	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			

Câu 2: Xin thầy(cô) cho biết ý kiến của mình về mức độ khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục pháp luật cho học sinh ở trường THPT sau đây bằng cách tích vào ô thích hợp ?

Mức độ khả thi của các biện pháp

TT	Biện pháp	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Tổ chức nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục về giáo dục pháp luật trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
2	Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật theo hướng tích hợp với kế hoạch giáo dục ở trường trung học phổ thông			
3	Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, công tác viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
4	Xây dựng hệ thống học liệu, tài liệu giáo dục pháp luật trực tiếp và trực tuyến để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở trường THPT			
5	Phát triển môi trường giáo dục số và môi trường học tập Elearning nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục pháp luật ở trường THPT			
6	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			
7	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giáo dục pháp luật cho học sinh trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư			

PHỤ LỤC 5

NỘI DUNG THỰC NGHIỆM

Điều 3. Chính sách của Nhà nước về an ninh mạng

1. Ưu tiên bảo vệ an ninh mạng trong quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đối ngoại. 2. Xây dựng không gian mạng lành mạnh, không gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. 3. Ưu tiên nguồn lực xây dựng lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng; nâng cao năng lực cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng và tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng; ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ để bảo vệ an ninh mạng. 4. Khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ an ninh mạng, xử lý các nguy cơ đe dọa an ninh mạng; nghiên cứu, phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng nhằm bảo vệ an ninh mạng; phối hợp với cơ quan chức năng trong bảo vệ an ninh mạng. 5. Tăng cường hợp tác quốc tế về:

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm về an ninh mạng

1. Sử dụng không gian mạng để thực hiện hành vi sau đây:

- a) Hành vi quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này;
- b) Tổ chức, hoạt động, câu kết, xúi giục, mua chuộc, lừa gạt, lôi kéo, đào tạo, huấn luyện người chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- c) Xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xúc phạm tôn giáo, phân biệt đối xử về giới, phân biệt chủng tộc;
- d) Thông tin sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;
- đ) Hoạt động mại dâm, tệ nạn xã hội, mua bán người; đăng tải thông tin dâm ô, đồi trụy, tội ác; phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;
- e) Xúi giục, lôi kéo, kích động người khác phạm tội.

2. Thực hiện tấn công mạng, khủng bố mạng, gián điệp mạng, tội phạm mạng; gây sự cố, tấn công, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt hoặc phá hoại hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Sản xuất, đưa vào sử dụng công cụ, phương tiện, phần mềm hoặc có hành vi cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy

tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; phát tán chương trình tin học gây hại cho hoạt động của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử; xâm nhập trái phép vào mạng viễn thông, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử của người khác.

4. Chống lại hoặc cản trở hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng; tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng biện pháp bảo vệ an ninh mạng.

5. Lợi dụng hoặc lạm dụng hoạt động bảo vệ an ninh mạng để xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi. 6. Hành vi khác vi phạm quy định của Luật này.

Điều 9. Xử lý vi phạm pháp luật về an ninh mạng Người nào có hành vi vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy.

Điều 16. Phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Điều 17. Phòng, chống gián điệp mạng; bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

Điều 18. Phòng, chống hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.